

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

-----o0o-----

NGÔ THỊ THANH HUYỀN

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT THƠ
ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC NGỮ VĂN

Thái Nguyên 2010.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

-----o0o-----

NGÔ THỊ THANH HUYỀN

**THỂ GIỚI NGHỆ THUẬT THƠ
ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.34

LUẬN VĂN THẠC SỸ KHOA HỌC NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. LƯU KHÁNH THƠ

Thái Nguyên 2010.

Lời cảm ơn.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS. TS Lưu Khánh Thơ - người đã tận tình hướng dẫn tôi trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành luận văn này.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Ngữ văn, khoa sau đại học - Trường Đại học sư phạm Thái Nguyên, Viện văn học, Trường Đại học sư phạm Hà Nội đã giảng dạy và giúp đỡ tôi hoàn thành khóa học.

Đồng thời tôi xin chân thành cảm ơn BGH, các phòng ban Trường phổ thông Vùng Cao Việt Bắc – TP Thái Nguyên đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi về mọi mặt trong suốt thời gian học tập và hoàn thành bản luận văn này.

Tôi xin đặc biệt cảm ơn nhà thơ Đoàn Thị Lam Luyện đã giúp đỡ và cung cấp tài liệu để tôi hoàn thành tốt luận văn này.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, những người đã động viên khuyến khích tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Thái Nguyên, tháng 8 năm 2010

Ngô Thị Thanh Huyền

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề	2
3. Nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.....	7
4. Phương pháp nghiên cứu	8
5. Đóng góp của luận văn	8
6. Cấu trúc luận văn.....	9
 PHẦN NỘI DUNG	 10
Chương I. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT,	
ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN VÀ CÁC CHẶNG ĐƯỜNG THƠ ...	10
1.1. Khái niệm chung về thế giới nghệ thuật.	10
1.1.1. Thế giới nghệ thuật	10
1.1.1.1. Thế giới nghệ thuật là chỉnh thể của sáng tạo nghệ thuật	14
1.1.1.2. Nguyên tắc tư tưởng nghệ thuật	16
1.1.1.3. Các cấp độ của thế giới nghệ thuật.....	19
1.1.2. Thế giới nghệ thuật thơ trữ tình	28
1.2. Đoàn Thị Lam Luyện và các chặng đường thơ.....	29
1.2.1. Vài nét về tiểu sử.....	29
1.2.2. Quan niệm về thơ và nhà thơ của Lam Luyện.....	31

1.2.3. Các chặng đường thơ Lam Luyện.....	32
---	----

Chương II. CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ

ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN	43
2.1. Một số vấn đề lý thuyết về cái tôi và cái tôi trữ tình trong thơ.....	43
2.2. Cái tôi trữ tình trong thơ Đoàn Thị Lam Luyện.....	48
2.2.1. Cái tôi băn khoăn day dứt trước hiện thực đời sống.....	48
2.2.2. Cái tôi - người tình đam mê, mãnh liệt	57
2.2.3. Cái tôi cô đơn, khắc khoải.....	73

Chương III. MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

TRONG THƠ ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN	78
3.1. Về thể thơ.....	78
3.1.1. Thơ tự do.	78
3.1.2. Thơ lục bát.	87
3.2. Về ngôn ngữ.....	91
3.2.1. Khái niệm về ngôn ngữ thơ.....	91
3.2.2. Ngôn ngữ thơ Đoàn Thị Lam Luyện.....	92
3.3. Giọng điệu.....	99
3.3.1. Khái niệm về giọng điệu	99
3.3.2. Giọng điệu trong thơ Đoàn Thị Lam Luyện	101

PHẦN KẾT LUẬN	109
----------------------------	-----

TÀI LIỆU THAM KHẢO	111
---------------------------------	-----

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN XIN BẢO VỆ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Kính gửi: **Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên**

Tên tôi là: **Ngô Thị Thanh Huyền**

Công tác tại: Trường Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc – Tp Thái Nguyên

Tôi được công nhận là học viên cao học theo quyết định số...../QĐ - SDH..... ngày / / 2008 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên, hình thức đào tạo chính quy. Thời hạn từ ngày 4 / 10 / 2008 đến ngày / 10 / 2010. Sau một thời gian học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu, đến nay tôi đã hoàn thành luận văn thạc sĩ với đề tài :

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT THƠ ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN.

Thuộc chuyên ngành : **Văn học Việt Nam**

Mã số chuyên ngành: **60.22.34**

Tôi đã hoàn thành chương trình học tập theo quy định cho học viên cao học. Vì vậy tôi làm đơn này đề nghị Trường Đại học Sư phạm – ĐHTN cho phép tôi được bảo vệ luận văn trước hội đồng chấm luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2010

Người viết đơn:

Ngô Thị Thanh Huyền

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.

-----o0o-----

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC.

Họ và tên : **Ngô Thị Thanh Huyền .**

Giới tính: Nữ.

Ngày tháng năm sinh: 09 – 10 – 1981.

Nơi sinh: Đại Từ - Thái Nguyên

Quê quán: Đại Từ - Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Giáo viên trường Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc – Tp Thái Nguyên

Chỗ ở: 01 Tổ 2 phường Hoàng Văn Thụ - Tp Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 0280.3846614.

Điện thoại nhà riêng: 0280.3841199

Email: ngothanhhuyen.910@gmail.com

Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO.

1. Trung học chuyên nghiệp.

Không.

2. Đại học.

Hệ đào tạo: Chính quy.

Thời gian đào tạo từ 9 /1999 đến 6 /2003.

Nơi học : Đại học Sư phạm Thái Nguyên – ĐHTN – Tp Thái Nguyên

Nghành học: Ngữ Văn

3. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo: từ tháng 10 / 2008 đến tháng 10/2010

Nơi học: Đại học Sư phạm Thái Nguyên – ĐHTN – Tp Thái Nguyên

Nghành học : **Văn học Việt Nam**

Tên luận văn: **Thế giới nghệ thuật thơ Đoàn Thị Lam Luyện**

Ngày và nơi bảo vệ luận văn: ngày...../ 10 / 2010 Tại ĐHSP – ĐHTN.

Người hướng dẫn: PGS. TS. **Lưu Khánh Thơ**

4. Trình độ ngoại ngữ: Tiếng Trung (B), Tiếng Anh (B)

5. Học vị học hàm: Cử nhân

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC.

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
Từ tháng 8/2003 đến nay	Trường Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc – Tp Thái Nguyên	Giáo viên Văn

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ.

Không.

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 8 năm 2010

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NƠI CỬ ĐI HỌC.

Người khai.

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Thị Thanh Huyền

THAI NGUYEN UNIVERSITY
THAI NGUYEN UNIVERSITY OF PEDAGOGY
.....oOo.....

Ngô Thị Thanh Huyền

POETRY WORLD
ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN

Subject: **Vietnam Literature.**

Code: **60.22.34**

SUMMARY OF THESIS
MASTER OF LITERATURE SCIENCE

Thái Nguyên 2010

The thesis is finished at: Thai Nguyen University Of Pedagogy

Supervisor/Mentor: Associate professor/Dr **Lưu Khánh Thơ**

Counter-Statement 1:
.....

Counter-Statement 2:
.....

The thesis is represented and marked by Board of University
at Thai Nguyen University Of Pedagogy

20 August 2010

The thesis is available to research at Thai Nguyen University Library

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
.....oOo.....

Ngô Thị Thanh Huyền

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT THƠ
ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60.22.34

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC NGỮ VĂN

Thái Nguyên năm 2010.

Công trình hoàn thành tại: **Đại học Sư phạm – ĐHTN**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Lưu Khánh Thơ**

Phản biện 1:.....
.....

Phản biện 2:.....
.....

Luận văn được bảo vệ trước hội đồng chấm luận văn
Hội tại: Trường Đại học Sư phạm – ĐHTN

Ngày 20 tháng 08 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận văn tại thư viện Đại học Thái Nguyên.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử vấn đề	2
3. Nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Đóng góp của luận văn	3
6. Cấu trúc luận văn.....	3
 PHẦN NỘI DUNG	 4
Chương I. KHÁI NIỆM CHUNG VỀ THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT,	
ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN VÀ CÁC CHẶNG ĐƯỜNG THƠ ...	4
1.1. Khái niệm chung về thế giới nghệ thuật.	4
1.1.1. Thế giới nghệ thuật	4
1.1.2. Thế giới nghệ thuật thơ trữ tình	4
1.2. Đoàn Thị Lam Luyện và các chặng đường thơ.....	5
1.2.1. Vài nét về tiểu sử.....	5
1.2.2. Quan niệm về thơ và nhà thơ của Lam Luyện.....	5
1.2.3. Các chặng đường thơ Lam Luyện.....	6

Chương II. CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ

ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN	6
2.1. Một số vấn đề lý thuyết về cái tôi và cái tôi trữ tình trong thơ.....	6
2.2. Cái tôi trữ tình trong thơ Đoàn Thị Lam Luyện.....	7
2.2.1. Cái tôi băn khoăn day dứt trước hiện thực đời sống.....	7
2.2.2. Cái tôi - người tình đam mê, mãnh liệt	8
2.2.3. Cái tôi cô đơn, khắc khoải.....	10

Chương III. MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

TRONG THƠ ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN	12
3.1. Về thể thơ.....	12
3.1.1. Thơ tự do.	12
3.1.2. Thơ lục bát.	12
3.2. Về ngôn ngữ.....	13
3.2.1. Khái niệm về ngôn ngữ thơ.....	13
3.2.2. Ngôn ngữ thơ Đoàn Thị Lam Luyện.....	13
3.3. Giọng điệu.....	15
3.3.1. Khái niệm về giọng điệu	15
3.3.2. Giọng điệu trong thơ Đoàn Thị Lam Luyện	16
PHẦN KẾT LUẬN	18

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

1.1. Thế giới nghệ thuật là một chỉnh thể nghệ thuật bao gồm tất cả các yếu tố, cấp độ của sáng tạo nghệ thuật. Mỗi cấp độ yếu tố này lại có một chỉnh thể nhỏ hơn được đặt trong mối quan hệ biện chứng nhất định, xâu chuỗi với các yếu tố khác. Nghiên cứu thế giới nghệ thuật là để tìm hiểu quy luật sáng tạo của chủ thể, quan niệm về nghệ thuật, cuộc sống, nhân sinh của người nghệ sĩ.

Thơ trữ tình là biểu hiện trực tiếp thế giới chủ quan của nhà thơ. Những cảm xúc tâm trạng, suy nghĩ của thi sĩ thể hiện trong thế giới nghệ thuật chính là những biểu hiện của cái tôi và các nguyên tắc thể hiện nó.

1.2. Đoàn Thị Lam Luyến - một nhà thơ nữ tiêu biểu, có phong cách riêng của thơ ca Việt Nam thời kỳ đổi mới. Chị viết từ khá sớm, viết nhiều và trong thơ chị bộc lộ một cái tôi trữ tình phong phú, đa dạng. Chị cũng là một trong số ít các nữ nhà thơ được chọn dạy trong chương trình sách giáo khoa. (*Dáng hình ngọn gió* – Tiếng Việt lớp 5) Cho tới nay, Đoàn thị Lam Luyến đã có 7 tập thơ, được nhận 3 giải thưởng: Giải thưởng cuộc thi thơ báo Văn nghệ (1989-1990), Tặng thưởng thơ của Hội nhà văn Việt Nam (1995 - tập thơ *Châm khôi* và tập thơ *Sao dẫn lối* - 2005). Với những gì đã đạt được thơ Đoàn Thị Lam Luyến xứng đáng trở thành đối tượng nghiên cứu của một đề tài khoa học.

3.1. Nghiên cứu đề tài “Thế giới nghệ thuật thơ Đoàn Thị Lam Luyến”, chúng tôi chọn cách tiếp cận với thế giới nghệ thuật mới mẻ trong dòng văn học đương đại, khai thác tiếng lòng và những đặc trưng thẩm mỹ của một phong cách thơ độc đáo. Chúng tôi cũng hi vọng sau khi nghiên cứu thành công đề tài này sẽ góp phần nhận diện thơ Đoàn Thị Lam Luyến sâu hơn, rộng hơn, đưa ra được

một cái nhìn đầy đủ và có hệ thống về tác giả. Chúng tôi mong rằng kết quả nghiên cứu của mình sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho việc học tập và giảng dạy thơ Việt Nam hiện đại trong nhà trường.

2. Lịch sử vấn đề.

Theo thống kê của chúng tôi, đến thời điểm cuối năm 2009 đã có khoảng 30 bài viết in trên các tạp chí, báo và mạng internet về thơ của Đoàn Thị Lam Luyến. Trong bài viết của các tác giả, Đoàn Thị Lam Luyến đã khẳng định được chỗ đứng trên thi đàn. Thơ chị được độc giả đón nhận khá nồng nhiệt. Xét trên một số phương diện nội dung và nghệ thuật, thơ của chị khá đặc sắc. Nó mang đậm chất dân gian với những cảm xúc chân thành và mãnh liệt. Nhìn chung các bài viết mới chỉ dừng lại ở việc đánh giá, nhận xét về một vài bài thơ tiêu biểu trong các tập thơ, hoặc bàn bạc về một tập thơ cụ thể mà chưa có cái nhìn bao quát về toàn bộ thế giới nghệ thuật trong thơ Đoàn Thị Lam Luyến.

Đoàn Thị Lam Luyến đến với thơ từ khá sớm. Tâm sự với bạn đọc chị nói *“15 tuổi tôi đã ngồi cùng chiếu với Trần Đăng Khoa và một số bạn khác trong giải thưởng thơ thiếu nhi 1966 – 1967”*, nhưng phải đến năm 1985 chị mới in chung tập thơ đầu tay *Mái nhà dưới bóng cây* - tập thơ dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Để rồi sau đó độc giả thực sự được biết đến Đoàn Thị lam Luyến ở *Lỡ một thì con gái* (1989), *Cánh cửa nhớ bà* (1990), *Chồng chị chồng em* (1991), *Châm khôi* (1995), *Dại yêu* (2000) và *Sao dẫn lối* (2005).

Đoàn Thị Lam Luyến là một tác giả nữ có bản sắc thơ khá rõ nét. *Thơ chị trần trổ sôi lạt câu chuyện muôn thuở của thân phận đàn bà* (Xuân Cang). *“Trong thơ chị người ta thấy nó không cao sang, không lên giọng, không làm điệu. Nó bật lên từ ngôn ngữ đời thường, có thể nào nói thế”* (Ánh Xuân). Chính

chị đã tâm sự trong phần *Mấy lời tự bạch* ở cuốn *Nhà văn Việt Nam hiện đại* (nxb Hội nhà văn Việt Nam - 1997) : *Làm thơ với tôi như là một nhu cầu tự thân. Cuộc sống vất vả từ nhỏ, vào đời không mấy suôn sẻ và đời tư lại éo le, trắc trở, vì vậy có nhiều điều muốn nói, muốn được giải bày. Ngoài thơ ra không biết lấy ai để bộc bạch gửi gắm lòng mình. Thơ tôi “Thật” và “đời thường” là vì thế.*

Đã đến với nghiệp văn nghệ là không bao giờ chấp nhận sự dễ dãi trong sáng tác. Lam Luyến bộc bạch quan điểm của mình: *Đã đi vào nghiệp văn chương là phải dấn thân và cả hi sinh nữa. Để có nhan sắc cho thơ người viết dám mất đi nhan sắc của chính bản thân mình. Mỗi câu thơ đứng được đều có trả giá, mỗi ước mơ nghệ thuật nếu đạt được “miếng da lừa” của nhà văn đều phải co lại. Không chịu mất đi một thứ gì chẳng thể có thơ hay. Để có thơ hay trước hết người làm thơ phải sống chân thực. Cuộc đời người làm thơ phải là tài sản có giá thể chấp cho những điều mình viết. Chị tâm niệm : *Nghệ thuật bao giờ cũng cao hơn cuộc sống, vì vậy con đường nghệ thuật đối với tôi dài và đầy gian khổ.**

Nhà văn Xuân Cang khi thực hiện công trình nghiên cứu “Phác thảo chân dung một số nhà văn Việt Nam hiện đại bằng các quẻ Kinh dịch” đã nhận định về Đoàn Thị Lam Luyến: (Quẻ dịch phản ánh thời tiền vận của nhà thơ khoảng 48 năm, có vai trò như là Thiên Mệnh chi phối suốt đời Lam Luyến là quẻ *Lôi Thiên Đại Tráng*): *Với sức mạnh bên trong của thời Đại Tráng, Đoàn Thị Lam Luyến là nhà thơ mạnh bạo kể chuyện cuộc đời chuân chuyên của mình không chút mặc cảm, chất thơ Đoàn Thị Lam Luyến bao giờ cũng chất chứa cái mạnh mẽ khác thường và có sức vang xa như sấm ở trên trời. Mà đúng thực là như vậy, đọc những dòng thơ của Lam Luyến chúng tôi thấy ở đó cái tận cùng của cảm giác kiêu hãnh, cô đơn.*

*Anh đã đem đi cả cõi hôn
Em còn lại xác, xác chưa chôn.
Xác không khâm liệm, không thành xác
Dạt dờ trôi dạt bến cô đơn*
(Gọi hồn – Châm khói)

Thấy tận cùng cái bề bàng của cơn khát tình yêu,
*Em là kẻ ăn mày sang trọng
Một chiều bèn gõ nhà anh*
(Khách mời – Châm khói)

Thấy tận cùng của đam mê,
Em đam mê đến độ hững hờ
.....(Khách mời – Châm khói)

Tác giả Lê Thị Mỹ, trong bài viết “Nhen lại lửa lòng” in trên báo Văn nghệ (Số tháng 12 - 1996) nhìn thơ Lam Luyến dưới góc độ giọng điệu. Lê Thị Mỹ thấy *giọng thơ Lam Luyến mạnh tiết tấu, nhạc điệu các thể thơ truyền thống*. Không chỉ có thế, tác giả còn nhận thấy trong thơ Lam Luyến có một *người đàn bà yêu không mệt mỏi và yêu như một bản tính hồn nhiên, nhẹ dạ như bất kỳ ai trong phái đẹp. Cái trữ tình nồng hậu ở trong thơ Lam Luyến ẩn chứa một cái “Tâm: cho, tặng và dâng hiến” của chị*. Trong bài viết này chúng tôi thấy Lê Thị Mỹ khá ưu ái và cảm nhận rất sâu sắc thơ Lam Luyến như có sự đồng cảm tri âm, tri kỷ vậy. Tác giả đã có một cái nhìn khá bao quát và thấy một Lam Luyến khác hơn ở *Châm khói* so với *Lỡ một thì con gái* và *Chồng chị chồng em*.

Cũng nhân đọc *Châm khói*, tác giả Ánh Xuân lại có cảm nhận khác trong bài viết ngắn “Hương nồng đượm một hồn thơ”. Ở đó Ánh Xuân nhận định *Chất*

*hương của Đoàn Thị Lam Luyến không chỉ đẳng đót, nó còn có vị ấm nóng nồng nàn của một trái tim thương yêu trong một đời sống pha tạp còn đầy những bất trắc. Tác giả Ánh Xuân cũng giống như Lê Thị Mây nhận thấy rằng : Nếu như ở “Chồng chị chồng em” là tâm trạng muôn thuở của thân phận người đàn bà, nhưng là một người đàn bà hiện đại *thản nhiên nhặt bã trầu về tằm* thì ở “Châm khói” là tâm trạng và nỗi niềm của thân phận người đàn bà dở dang, nhờ nhàng với những cung bậc khác nhau: Cô đơn đến tận cùng, nuối tiếc, một cái cười điệu cợt... Và ở đó là lời ca của một trái tim cháy bỏng yêu thương.*

Đọc những dòng thơ tình yêu của Đoàn Thị Lam Luyến, tác giả Vũ Nho trên báo *Văn nghệ* số tháng 5 – 2003 ở bài viết ngắn với tiêu đề “Đoàn Thị Lam Luyến - Người yêu đến nát cuộc đời cho thơ” lại cảm nhận về thơ Lam Luyến: *Với Lam Luyến tình yêu như là cội nguồn, lại cũng là động lực nuôi dưỡng thúc đẩy cảm hứng sáng tạo, và cũng là sông lớn, là biển cả, là ốc đảo, là miền đất hứa cho trái tim hạn hán của Lam Luyến hướng về.* Theo Vũ Nho thì dường như thơ của Lam Luyến trào dâng từ một *tình yêu mãnh liệt* của một trái tim cuồng nhiệt hiếm thấy ở những cây bút nữ vốn thiên về ngọt ngào, duyên dáng và dịu dàng e ấp. Cô gái họ Đoàn đòi hỏi yêu là cuồng nhiệt, yêu là phải cháy bùng ngọn lửa mê say, yêu là phải hết mình.

Lam Luyến đã góp một tiếng nói quan trọng vào khát vọng yêu, khát vọng hạnh phúc muôn đời của phụ nữ. Nhà thơ Thúy Bắc lúc sinh thời đã có lần nói với Lam Luyến: *Sao em có cái tên lạ thế: Đã Đoàn Thị lại còn Lam Luyến nữa. Yêu thì đắm đuối hết mình nhưng toàn gặp những mối tình ngang trái, sống thì thật đến ngây thơ đại dột . Mà quả có thể thật! Lam Luyến tài sắc mà đa đoan. Hai lần dò vẫn dang dở, dở dang.*

Cùng bàn về vấn đề này, Phan Thị Thanh Nhàn trong bài viết “Lam Luyến càng yêu càng gặp tình hờ” (Vnexpress – ngày 26/11/2008) khẳng định: *Lam Luyến dám bộc bạch mọi nỗi niềm riêng tư của chị. Những dòng thơ của chị làm người đọc nao lòng.*

Sau thành công của *Sao dẫn lối* (2005) - được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, Đoàn Thị Lam Luyến sáng tác đều tay hơn. Lam Luyến đã mượn tình yêu để nói về thời cuộc và mượn thế sự để nói về tình yêu. Đây là nét rất mới của Lam Luyến so với các nhà thơ nữ. Trả lời phỏng vấn của báo Tiền Phong Lam Luyến tâm sự *Tôi khao khát những cuộc thanh lọc dữ dội, thanh lọc, từ bỏ và đoạn tuyệt chính mình...Tôi sẽ lên đàn hương hình nếu được.* Còn tác giả Yên Khương lại quả quyết rằng Lam Luyến đã *đặt tình yêu trong tương quan đất.*

Theo tác giả Thái Doãn Hiệu (Tạp chí Sông Hương số 205 tháng 3 /2006) *Lam Luyến là nhân vật độc đáo nổi loạn tình yêu trong thơ. Lam Luyến lặn độn nên khát yêu, vô vấp yêu, đại yêu, xây hạnh phúc như “làm nhà trên lưng cá voi”, nàng dữ dần chằm khói, tuyên chiến với tình yêu.* Đúng là đọc thơ Lam Luyến chúng tôi thấy thơ chị luôn hướng về một thế giới hoàn mỹ. Và chất thơ của chị lặng lẽ tỏa hương trong bóng tối đời mình.

Tuy các bài viết chưa bao quát hết sự nghiệp thơ Đoàn Thị Lam Luyến, nhưng ý kiến của những người đi trước đã là những gợi ý quý báu và định hướng cho chúng tôi trong khi thực hiện bản luận văn của mình.

3. Nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

3.1. Nhiệm vụ nghiên cứu.

Luận văn đi sâu tìm hiểu thơ Đoàn Thị Lam Luyến trong quan hệ nội tại thống nhất giữa tư tưởng cảm xúc và hình thức biểu hiện qua toàn bộ sáng tác của tác giả. Qua đó có thể thấy được vị trí của thơ chị trong nền thơ Việt Nam hiện đại

3.2 Đối tượng nghiên cứu.

Luận văn tập trung tìm hiểu thế giới nghệ thuật thơ Đoàn Thị Lam Luyến qua việc khảo sát toàn bộ sáng tác thơ của tác giả bao gồm 248 bài thơ được in trong 7 tập thơ của chị: (Trừ những bài được in lại)

1. Mái nhà dưới bóng cây (1985).
2. Lỡ một thì con gái (1989).
3. Cánh cửa nhớ bà (1990).
4. Chồng chị chồng em (1991).
5. Châm khói (1995).
6. Đại yêu (2000).
7. Sao dẫn lối (2005).

4. Phương pháp nghiên cứu.

4.1. Phương pháp hệ thống.

Chúng tôi quan niệm sáng tác thơ của Đoàn Thị Lam Luyến là một chỉnh thể nghệ thuật trọn vẹn và mang tính hệ thống. Vì thế khi nghiên cứu chúng tôi đặt nó trong một hệ thống chung theo một trật tự nhất định.

4.2. Phương pháp thống kê phân loại.

Phương pháp này sẽ giúp cho việc phân tích những nhận xét về thơ Đoàn Thị Lam Luyến có chứng cứ cụ thể. Một mặt nó giúp cho việc so sánh đối chiếu có thêm sức thuyết phục.

4.3. Phương pháp so sánh.

Nhằm phát hiện những nét độc đáo riêng biệt của Đoàn Thị Lam Luyến so với các nhà thơ khác. Đồng thời thấy được những cách tân độc đáo của thơ chị trong dòng chảy của thơ đương đại

4.4 Phương pháp phân tích tác phẩm.

Qua việc phân tích những tác phẩm cụ thể để tìm ra cái hay, cái đặc sắc. Rồi từ đó làm cơ sở khái quát chung về thế giới nghệ thuật thơ Đoàn Thị Lam Luyến.

5. Đóng góp của luận văn.

Luận văn cố gắng làm nổi bật nét đặc sắc thơ Đoàn Thị Lam Luyến trong cái nhìn tổng thể và toàn diện. Luận văn ít nhiều góp phần gợi mở hướng tiếp cận nghiên cứu một hiện tượng văn học cụ thể. Kết quả của luận văn sẽ góp phần phục vụ công tác giảng dạy và học tập trong nhà trường.

6. Cấu trúc luận văn.

Phần mở đầu.

Phần nội dung.

Chương 1: Khái niệm chung về thế giới nghệ thuật , Đoàn Thị Lam Luyến và các chặng đường thơ.

Chương 2: Cái tôi trữ tình trong thơ Đoàn Thị Lam Luyến

Chương 3: Một số phương diện nghệ thuật trong thơ Đoàn Thị Lam Luyến.

Phần kết luận

Tài liệu tham khảo

NỘI DUNG

CHƯƠNG I.

KHÁI NIỆM CHUNG VỀ THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT , ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN VÀ CÁC CHẶNG ĐƯỜNG THƠ.

1.1. Khái niệm chung về thế giới nghệ thuật.

1.1.1.Thế giới nghệ thuật:

Thế giới nghệ thuật là thiên nhiên thứ hai do người nghệ sĩ sáng tạo ra. Một mặt nó phản ánh hiện thực, mặt khác nó biểu hiện những khát vọng chân, thiện, mỹ của chủ thể sáng tạo. Với ý nghĩa này, vấn đề đặt ra là cần phải có một khái niệm về thế giới nghệ thuật thật bao quát, thật đầy đủ để làm cơ sở cho việc tiếp cận các hiện tượng và tác giả văn học.

Đáp ứng yêu cầu đó, ở Liên Xô cũ vào những năm 70 đã có một số công trình nghiên cứu về khái niệm này như các công trình: “*Thế giới nghệ thuật của M.Gorki*”, “*Thế giới nghệ thuật của Sôlôkhốp*”... Ở Việt Nam khái niệm được nhắc đến vào những năm 80 nhưng cách hiểu của các tác giả chưa hoàn toàn cụ thể về nội dung của nó.

Năm 1985 trong luận án Tiến sĩ khoa học: "Sự hình thành và những vấn đề của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học Việt Nam hiện đại" Nguyễn Nghĩa Trọng đã xác định hàm nghĩa khái niệm thế giới nghệ thuật như sau: “*Thế giới nghệ thuật là một phạm trù mỹ học bao gồm tất cả các yếu tố của quá trình sáng tạo nghệ thuật và tất cả kết quả của quá trình hoạt động nghệ thuật của nhà văn. Nó là một chỉnh thể nghệ thuật và một giá trị thẩm mỹ. Thế*

giới nghệ thuật bao gồm hiện thực - đối tượng khách quan của nhận thức nghệ thuật, cá tính sáng tạo của nhà văn hay chủ thể nhận thức nghệ thuật, ngôn ngữ hay chất liệu nghệ thuật. Trong thế giới nghệ thuật chứa đựng sự phản ánh hiện thực, tư tưởng, tình cảm của nhà văn. Thế giới nghệ thuật không chỉ tương đương đối với tác phẩm nghệ thuật mà còn rộng hơn bản thân nó. Nó có thể bao gồm tất cả các tác phẩm nghệ thuật của một nhà văn, một trào lưu nghệ thuật, một thời kỳ nhất định của văn học, một nền văn học của dân tộc hay nhiều dân tộc nhưng đồng thời cũng có thể liên quan đến nhiều yếu tố khác của sáng tạo nghệ thuật nhỏ hơn khái niệm hình tượng nghệ thuật. Thế giới nghệ thuật là thiên nhiên thứ hai được người nghệ sĩ tạo dựng trong đó chứa đựng hiện thực và quan niệm về hiện thực, tự nhiên và con người ...là thế giới sinh động và đa dạng vô cùng, mỗi nhà văn, mỗi trào lưu văn học. mỗi dân tộc, mỗi thời kỳ lịch sử để có thể giới nghệ thuật riêng của mình”

Đây là một khái niệm rộng, được triển khai với nhiều cấp độ. Tuy còn dừng ở mức khái quát song quan niệm sẽ là những gợi ý hết sức quý báu, phù hợp với nhiều luận điểm mà chúng tôi sẽ triển khai trong luận văn.

Năm 1992 nhóm tác giả Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi đã định nghĩa: *"Thế giới nghệ thuật là khái niệm chỉ tính chỉnh thể của sáng tạo nghệ thuật (một tác phẩm, một loại hình tác phẩm, một tác giả, một trào lưu). Sáng tác nghệ thuật là một thế giới riêng được tạo ra theo các nguyên tắc riêng của nghệ thuật. Thế giới nghệ thuật có thời gian không gian riêng, có quy luật tâm lý thang bậc giá trị riêng trong việc phản ánh thế giới. Mỗi thế giới ứng với một cách cắt nghĩa về thế giới. [19, Tr 201, 202].*

Nghiên cứu cụ thể ở thể loại thơ trữ tình, trong cuốn "Thơ trữ tình Việt Năm 1975 – 1990" (1998) Lê Lưu Oanh đã chi tiết hoá khái niệm này qua hình tượng cái tôi trữ tình. Tác giả viết: *"Gọi cái tôi trữ tình là một thế giới nghệ thuật bởi thế giới nội cảm này là một thể thống nhất có ngôn ngữ và quy luật riêng phụ thuộc vào lịch sử cá nhân, thời đại. . . Đi sâu vào thế giới nghệ thuật được coi như một kênh giao tiếp với những mã số, kí hiệu, giọng nói chương trình riêng, cần có thao tác phù hợp. . . Thế giới nghệ thuật của cái tôi trữ tình là một thế giới mang giá trị thẩm mĩ"* [41.Tr 33,35].

Cách hiểu của tác giả đã mở cho chúng tôi một hướng đi rất cụ thể trong việc khám phá thế giới nghệ thuật thơ trữ tình.

Ngoài những cách hiểu tiêu biểu trên còn một số công trình nghiên cứu khác cũng đề cập đến khái niệm này như : Nguyễn Đăng Mạnh với *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* (1996), Trần Đình Sử với *Những thế giới nghệ thuật thơ* (1997).

Khái niệm thế giới nghệ thuật là phương diện của thi pháp học. Theo Trần Đình Sử: *"Thi pháp học là bộ môn cổ xưa nhất đồng thời cũng là bộ môn hiện đại nhất [55, Tr 4]*. Đưa ra nhận định này chúng tôi muốn khẳng định rằng: Nội hàm của thế giới nghệ thuật đã được nghiên cứu từ rất xa xưa, có điều chưa thành khái niệm cụ thể như ngày nay mà thôi.

Trong thực tế, cách đây hơn 2300 năm Aristote khi bàn về kịch cho rằng: Kịch cần phải có sáu thành phần *" Cốt truyện, tính cách, tư tưởng, bài trí sân khấu, văn tự, và bố cục âm nhạc"* [1. - Tr 35]. Lưu Hiệp trong *Tinh hoa lý luận cổ điển Trung Hoa* đã đưa ra cái nhìn biện chứng về sự thống nhất giữa nội dung và hình thức. Ông quan niệm một tác phẩm văn học phải đảm bảo 6 yếu tố:

- 1 - *Tình cảm sâu mà không dối*
- 2- *Việc chắc mà không ba hoa*
- 3- *Phong thái mà không tạp*
- 4- *Nghĩa thẳng mà không quanh co*
- 5- *Thế gọn mà không rườm rà*
- 6- *Văn đẹp mà không dâm [22.1 - Tr 61].*

Ngoài ra ông còn nhấn mạnh các phương diện khác như ngôn ngữ kết cấu [22- Tr 69,70] với những nhận xét sâu sắc; những so sánh độc đáo. . .

Các quan niệm đưa ra ở trên có giá trị rất lớn về mặt lí luận để ta vận dụng vào thực tiễn tìm ra giá trị đích thực của văn học. Việc khẳng định thế giới nghệ thuật là một chỉnh thể ngoài việc chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa các yếu tố còn giúp người nghiên cứu tránh được những suy diễn chủ quan, lệch lạc trong việc khám phá, chiếm lĩnh thế giới nghệ thuật. Vì vậy, dù nghiên cứu văn học ở cấp độ nào đều phải làm rõ thuật ngữ này.

Là một khái niệm rộng, bao gồm nhiều yếu tố nên việc tìm hiểu kĩ trong dung lượng luận văn cao học là rất khó. Vì thế, trong chương này chúng tôi chỉ trình bày khái quát các vấn đề của khái niệm thế giới nghệ thuật. Một số yếu tố được trình bày nhằm đảm bảo tính hệ thống nên còn dừng ở mức sơ giản. Trên cơ sở đó tập trung làm rõ một số vấn đề như: tính chủ quan, tính thể loại trong thế giới nghệ thuật thơ trữ tình. Từ đó, chúng tôi sẽ vận dụng vào tìm hiểu thế giới nghệ thuật thơ Đoàn Thị Lam Luyến.

1.1.1.1. Thế giới nghệ thuật là chỉnh thể của sáng tạo nghệ thuật

Trong tiếng Việt chỉnh thể được cắt nghĩa là *“Thế, khối thống nhất trong đó các bộ phận có liên quan chặt chẽ với nhau không tách rời”* [62 - tr156].

Trong triết học, nó được hiểu *“là khái niệm trặc trưng cho tính thống nhất nội tại toàn vẹn, đầy, đủ, biệt lập của khách thể. Sự tổng hợp những mặt, những thuộc tính, những mối quan hệ vốn có của khách thể tạo ra tính thống nhất bên tổng của nó với môi trường bên ngoài”* [55- Tr 21].

Trong nghiên cứu văn học "chỉnh thể" là thuật ngữ chuyên ngành có ý nghĩa *"Là tổng thể bao gồm các yếu tố có mối quan hệ mật thiết với nhau tương đối bền vững, bảo đảm cho hoạt động của nó như môi trường xung quanh..."*. Vận dụng khái niệm này vào tìm hiểu chỉnh thể thế giới nghệ thuật cho thấy thế giới này bao gồm rất nhiều cấp độ. Tác phẩm, tác giả, giai đoạn, thời kì văn học, nền văn học dân tộc, trào lưu . . . Mỗi cấp độ lại là một chỉnh thể toàn vẹn, thống nhất. Mọi yếu tố trong hệ thống chỉnh thể có quan hệ ràng buộc, quy định và tác động lẫn nhau. Mối quan hệ này đã tạo ra một thế giới với nội dung và chức năng mới vốn không có khi đem tách rời các yếu tố. Nói như vậy, thì chỉnh thể thế giới nghệ thuật là sự liên kết *"siêu tổng cộng"* của các chỉnh thể nhỏ trong hệ thống từ quan niệm, mô hình, hình tượng đến các chỉnh thể nhỏ hơn khái niệm hình tượng. Chỉnh thể thế giới nghệ thuật là kết quả của quá trình tư duy của người nghệ sĩ khi biến những cảm xúc, những tình điệu thẩm mĩ, những cách khám phá, cắt nghĩa, lí giải đời sống thành *"thiên nhiên thứ hai"* - để người đọc chiêm nghiệm, suy ngẫm, soi ngắm các vấn đề mà người nghệ sĩ đã gửi vào trong đó. Là sản phẩm của nhà văn nhưng thế giới nghệ thuật tồn tại độc lập với nhà văn đó theo cách riêng của mình.

Việc tìm hiểu ý nghĩa của chỉnh thể phải tìm trong cái toàn thể có chất lượng cao trọn vẹn, thống nhất (qua sự liên kết các bộ phận với nhau). Chẳng hạn chỉnh thể ngôi nhà là sự liên kết của xi măng, cát, vôi, gạch . . . Tính chỉnh thể của văn học được biểu hiện qua sự thống nhất biện chứng giữa nội dung và hình thức. Trong sáng tạo, nội dung làm nảy sinh hình thức và hình thức phụ thuộc, phục tùng nội dung, biểu đạt nội dung. Không có nội dung ở ngoài hình thức, cũng không có hình thức trừu tượng tách rời nội dung. Tuy nhiên, việc thống nhất không phải lúc nào, nhà văn nào cũng có thể làm được mà chỉ những nhà văn thực sự tài năng thì mới tạo nên sự thống nhất. Sự thống nhất càng cao thì giá trị biểu hiện càng lớn. Trong thế giới nghệ thuật, mối quan hệ giữa nội dung và hình thức là hệ quả tất yếu nhằm thống nhất nội tại giữa các yếu tố, thể hiện tính quy luật của chỉnh thể. Đây là cơ sở để đánh giá đúng chân giá trị của tác phẩm. Nó giúp người sáng tác tránh được những lắp ghép máy móc, khiên cưỡng, vô cảm và giúp người nghiên cứu tránh được những đánh giá chủ quan, cứng nhắc .

Như vậy, chỉ khi nội dung và hình thức phù hợp, thống nhất với nhau thì mới tạo nên chỉnh thể và cũng chỉ trong chỉnh thể thì mối quan hệ này mới xuất hiện. Đúng như Bêlinxki nhà phê bình Nga đã viết: *"Khi hình thức là biểu hiện của nội dung thì nó gắn chặt tới mức nếu tách nó ra khỏi nội dung thì có nghĩa là huỷ diệt hình thức"* [54, Tr 256]. Từ mối quan hệ này đã mở ra một hướng khám phá thế giới nghệ thuật bắt đầu từ hình thức, tức là tiếp cận từ góc độ thi pháp .

Khi quan niệm thế giới nghệ thuật là chỉnh thể thì ta đã thừa nhận cấu trúc nội tại của nó. Trong thế giới nghệ thuật cấu trúc là phần ổn định nhất. Nó không

chỉ là một tầng mà là nhiều tầng được đặt trong hệ thống từ cảm hứng đến sáng tạo, từ thấp đến cao: ngôn từ - hình tượng - kết cấu - văn bản.

Nhưng phải thừa nhận rằng quá trình sinh thành chưa thể tạo nên một chỉnh thể trọn vẹn. Bởi thế giới nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ nên nó cần có một quá trình cảm thụ. Trong quá trình cảm thụ mới xuất hiện các mối quan hệ ngược xuôi giữa các lớp, các yếu tố. các mối quan hệ này vừa đan xen vừa đồng hoá để tạo ra một chỉnh thể toàn vẹn có chức năng, nội dung mới. Nằm trong chỉnh thể các yếu tố vừa mang ý nghĩa của bản thân nó vừa mang ý nghĩa của chỉnh thể. Do sự chi phối phụ thuộc lẫn nhau nên một yếu tố trong chỉnh thể thay đổi sẽ kéo theo sự thay đổi của các yếu tố khác. Chẳng hạn, trong các tác phẩm thuộc loại hình tự sự, do yêu cầu tái hiện cuộc sống đầy đủ, chi tiết nên nó không bị hạn chế bởi thời gian, không gian, số lượng nhân vật. Các nhân vật được xây dựng chi tiết, tỉ mỉ với nhiều quan hệ phức tạp. . . Nhưng ở tác phẩm kịch do phản ánh cuộc sống bằng hình thức diễn xướng nên hạn chế về thời gian, không gian đã kéo theo số lượng nhân vật ít, các tình tiết khắc hoạ chỉ tập trung ở các mâu thuẫn đã lên tới đỉnh điểm...

Như vậy, thế giới nghệ thuật chỉ được xem là chỉnh thể khi các yếu tố, các lớp có sự ràng buộc, quy định lẫn nhau theo một quy luật nhất định. Coi tính chỉnh thể là phẩm chất không thể thiếu của sáng tạo nghệ thuật cho phép ta nhìn nhận thế giới này ở dạng đầy đủ, nhiều mặt nhất.

1.1.1.2. Nguyên tắc tư tưởng nghệ thuật

Tác phẩm nghệ thuật là thế giới chủ quan với những tìm tòi độc đáo, mới mẻ, những hư cấu tưởng tượng kỳ diệu, nó không phải là sự lắp ghép tùy tiện mà là một chỉnh thể toàn vẹn thống nhất được tạo nên bởi các nguyên tắc tư

tưởng nghệ thuật riêng. Những nguyên tắc này có ý nghĩa tương đối ổn định trong từng thời kỳ. Đây là một trong những căn cứ để nhận biết giai đoạn văn học. Trong sáng tạo nghệ thuật, nghệ thuật và tư tưởng không bao giờ tách rời nhau mà nó là một thể thống nhất cùng biểu hiện tư tưởng và sáng tạo của nhà văn. Tất nhiên tư tưởng sẽ định hướng cho sáng tạo. Teskhov đã nói: *"Nếu như có một tác giả nào đó mà khoe với tôi rằng anh ta đã viết một thiên truyện không có dự định từ trước thì tôi sẽ gọi anh ta là thằng rồ"* [16, Tr 11].

Nguyên tắc tư tưởng nghệ thuật là vấn đề của phương pháp sáng tác. Nguyên tắc này *"không phải là sự tổng hợp những phương thức, thủ pháp, biện pháp nghệ thuật mà gắn chặt với thế giới quan nhưng không phải bị đồng nhất thế giới quan . . . Thế giới quan này được thể hiện bằng các nguyên tắc cụ thể "* [54 - Tr 6]. Như vậy, nguyên tắc tư tưởng nghệ thuật chịu sự chi phối của quan điểm tư tưởng thế giới quan, nhân sinh quan, quan niệm, quan điểm nghệ thuật của cá nhân và thời đại. Do quan niệm ở mỗi thời kì thay đổi đã kéo theo sự thay đổi của các nguyên tắc tư tưởng nghệ thuật.

Trong phương pháp sáng tác huyền thoại dân gian (theo Hà Minh Đức) nguyên tắc thần thánh hoá là chủ yếu. Từ quan niệm con người là sản phẩm của thượng đế đã tạo ra cho các tác giả dân gian một thế giới quan thần thoại lẫn thế giới quan dựa trên chủ nghĩa duy vật chất phác. Thế giới quan này làm nảy sinh tư tưởng cảm hứng lớn về sức mạnh và tin vào số mệnh. Sản phẩm của nó là những nhân vật khác người như thần, thánh, tiên, phật. Nếu là người thì có phép thuật kì lạ như cô Tấm, Sọ Dừa... Các nhân vật này được tạo nên từ trí tưởng tượng phong phú nhằm giải thích những điều con người chưa biết và thể hiện ước mơ của họ. Ước lệ tượng trưng là một nguyên tắc "xơ cứng" mang tính qui phạm, nghiêm ngặt, chặt chẽ của phương pháp sáng tác cổ điển. Từ quan niệm

con người là con người chung, gắn liền với thiên nhiên vũ trụ, họ đã lấy vẻ đẹp của thiên nhiên, vũ trụ làm thước đo giá trị con người. Do lấy cảm quan vũ trụ làm chủ đạo để giải bày quan điểm, tư tưởng nên hệ thống nhân vật đầy tính ước lệ tượng trưng, mang tính lý tưởng hoá cao. Chẳng hạn, nói về vẻ đẹp con người là tùng, cúc, trúc, mai. Nói về người con gái là cây bồ, cây liễu. Nói về nữ sĩ là “*mắt phượng mày ngài*” . . . Nguyễn Du khi miêu tả tài sắc của chị em Thuý Kiều cũng gắn chặt với thiên nhiên. Thuý Vân là :

“Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”.

Thuý Kiều là: *“Làn thu thủy nét xuân sơn*

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh” . .

Không chỉ con người mà thiên nhiên cũng bị bó gọn trong khuôn khổ, phong, vân, tuyết, nguyệt, tùng, cúc, trúc, mai.

Trong phương pháp sáng tác lãng mạn, các nghệ sỹ lấy việc biểu hiện “*Cái tôi nội cảm*” làm nguyên tắc chủ yếu. Từ chỗ thất vọng với thực tại, họ hoặc quay về với quá khứ hoặc hướng tới tương lai. Họ coi nghệ thuật là nơi trú ngụ của tâm hồn mình và quan niệm nghệ thuật chỉ sống với mình hơn là sống với đời. Vì thế đối với họ nghệ thuật chỉ chủ yếu biểu hiện cái tôi với tất cả những biến thái dù nhỏ nhất của tâm hồn và lấy luôn cái tôi làm thước đo giá trị của muôn loài. Nguyên tắc này phổ biến trong dòng văn học lãng mạn của nước ta, nhất là phong trào thơ mới những năm 1932 - 1945 .

Không đề cao tư tưởng phóng túng và cái tôi như phương pháp lãng mạn, xuất phát từ hiện thực đời sống, từ quan niệm văn học phải phản ánh trung thực đời sống, phương pháp sáng tác hiện thực và hiện thực xã hội chủ nghĩa lấy nguyên tắc tả thực làm cơ bản. Nguyên tắc này yêu cầu việc xây dựng hệ thống nhân vật phải được bắt đầu từ những chi tiết chân thực nhưng đó phải là các chi tiết đắt, tiêu biểu và có ý nghĩa cao trong việc phản ánh đời sống cũng như tư tưởng thái độ của người viết. Các chi tiết chân thực điển hình rất quan trọng trong việc xây dựng hình tượng điển hình. Chi tiết càng điển hình thì giá trị biểu hiện cuộc sống càng lớn

Đây là những nguyên tắc cơ bản nhưng không phải là độc quyền của bất kỳ phương pháp nào. Trong sáng tác, các nguyên tắc này vẫn có sự giao thoa với nhau. Mức độ giao thoa ít hay nhiều là tùy thuộc vào ý đồ của người sáng tác. Việc xây dựng các nguyên tắc cơ bản vừa thể hiện thế giới quan của nhà văn vừa biểu hiện thế giới quan niệm chung có tính thời đại.

1.1.1.3. Các cấp độ của thế giới nghệ thuật.

**** Cấp độ quan niệm nghệ thuật.***

Quan niệm nghệ thuật là hạt nhân của chỉnh thể. Nó là "*nguyên tắc để cắt nghĩa về thế giới con người vốn có của hình thức nghệ thuật, đảm bảo cho nó có khả năng thể hiện đời sống với chiều sâu nào đó*" [22, tr184]. Quan niệm nghệ thuật thể hiện các giới hạn cách hiểu thế giới, con người thuộc một hệ thống nghệ thuật của nhà văn được thông qua mức độ, phạm vi, khả năng chiếm lĩnh đời sống của nhà văn đó. Quan niệm nghệ thuật là hạt nhân bên trong của sự chiếm lĩnh đời sống, là hệ qui chiếu ẩn chìm trong hình thức nghệ thuật. Gắn với phạm trù phương pháp sáng tác, phong cách nghệ thuật nên quan niệm nghệ

thuật là thước đo của nội dung và hình thức văn học, là cơ sở của tư duy nghệ thuật của nhà văn.

Quan niệm nghệ thuật bao gồm nhiều vấn đề như: thế giới, con người, nghệ thuật, các phạm trù thẩm mỹ. Tùy theo quan niệm mà có những thế giới nghệ thuật tương ứng.

Thứ nhất: Quan niệm về thế giới : Thế giới được tạo nên bởi thiên nhiên, vũ trụ và con người. Nhưng quan niệm về thế giới lại không giống nhau. Trong triết học, chủ nghĩa duy tâm quan niệm thế giới là hiện tượng tinh thần, tồn tại bất biến. Chủ nghĩa duy vật quan niệm thế giới là hiện tượng vật chất luôn vận động biến đổi. Trong văn học, mặc dù chịu ảnh hưởng của các hình thái ý thức xã hội khác đặc biệt là triết học nhưng quan niệm về thế giới không đơn giản là vật chất hay tinh thần mà nó được thể hiện ở điểm nhìn nghệ thuật. Nó dựa trên sự cảm nhận của cá nhân về một thế giới để thoả mãn sự tồn tại của nó. Ứng với mỗi quan niệm về thế giới là một thế giới nghệ thuật, vì thế việc tìm hiểu quan niệm này phải xét trong từng thế giới nghệ thuật cụ thể.

Thứ hai: Quan niệm về con người : Con người là đối tượng hướng tới của văn học nhưng con người trong văn học không phải là con người nguyên bản của đời sống *"mà là quan niệm về con người ấy một cách thẩm mỹ và nghệ thuật"* (Theo Trần Đình Sử). Quan niệm về con người thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử. Dù miêu tả con người ở mức độ nào, tồn tại bất biến hay vận động biến đổi, cá nhân hay cộng đồng thì vẫn mang một giá trị nhất định trong việc phản ánh đời sống, biểu đạt những phẩm chất thẩm mỹ của thời đại hoặc khẳng định một chân lý về nghệ thuật. Quan niệm nghệ thuật về con người gắn chặt với cái

nhìn của người nghệ sỹ. Nó chỉ có giá trị trong một hoàn cảnh, một giai đoạn hay một thời kỳ lịch sử nhất định

Thứ ba: Quan niệm về nghệ thuật: Nghệ thuật là sản phẩm sáng tạo của tinh thần nên giá trị của nó cũng là giá trị tinh thần. Những giá trị tinh thần này dễ dàng thâm nhập vào thế giới tinh thần con người, ở nơi có sự đồng cảm chân thành. Quan niệm về nghệ thuật rất phức tạp: Platon cho rằng: *nghệ thuật là bản sao lại của một bản sao, là sự bắt chước của sự bắt chước*". Aristote quan niệm: *nghệ thuật là sự bắt chước nhưng mang lại niềm vui*". Hêgen nhấn mạnh: *"Nghệ thuật là ý niệm tuyệt đối. Các Mác khẳng định: "Nghệ thuật là phản ánh đời sống"*. Đây là quan niệm có cơ sở thực tế cao bởi vì nó cho thấy ngay từ khi mới ra đời văn học đã hướng vào cuộc sống, phản ánh, cải tạo đời sống.

Thứ tư :Quan niệm về các phạm trù phẩm mỹ: Phạm trù thẩm mỹ là khái niệm thể hiện nhận thức khái quát của con người về những hiện tượng thẩm mỹ có trong tự nhiên, xã hội, con người và nghệ thuật. Trong nghệ thuật, phạm trù này được xác định qua cái thẩm mỹ (những đặc trưng của quan hệ giá trị của con người đối với thế giới xung quanh). Cái thẩm mỹ bao gồm cái hài, cái hùng, cái bi, cái cao cả, cái đẹp, cái xấu . . . Mỗi cái thẩm mỹ gắn liền với cảm xúc của người nghệ sỹ được người nghệ sỹ khái quát để mang một ý nghĩa biểu trưng ở các lĩnh vực khác nhau của đời sống. Cái thẩm mỹ “Vừa bất biến” (một cảm hứng duy nhất xét về loại hình), “Vừa khả biến” (có bản chất xã hội, lịch sử về các xung đột tinh thần, tư tưởng mà nó biểu hiện) [1, Tr35].

*** Cấp độ mô hình nghệ thuật .**

Mô hình nghệ thuật là sản phẩm của quan niệm nghệ thuật. Nó ra đời và tồn tại cùng với thế giới nghệ thuật. Mỗi thế giới nghệ thuật có một mô hình

nghệ thuật tương ứng. Mô hình này sẽ chi phối đến việc người nghệ sĩ chọn lựa nguyên tắc nào để phản ánh hiện thực khách quan. Từ đó, mọi tư tưởng, ý đồ, cách tổ chức sắp xếp tinh tiết, ngôn từ đều phụ thuộc vào mô hình đã chọn. Mỗi mô hình nghệ thuật mang một dấu ấn của hình thức đời sống văn hoá xã hội, là một kiểu quan niệm, một cách cắt nghĩa, lý giải về thế giới và con người. Điều này có nghĩa là mỗi mô hình sẽ có những đặc điểm riêng không lặp lại với những mô hình trước, nó luôn mang một hình thức mới. Việc xác định mô hình nghệ thuật phải dựa vào các phạm trù thời gian, không gian, con người được mô tả trong đó. Từ các phạm trù này tìm ra các đặc điểm chung như mở đầu và kết thúc của hình tượng ở đâu, góc độ tiếp cận nào, mối quan hệ ra sao . . . qua đó hợp thành các mô hình nghệ thuật. Việc tìm hiểu mô hình nghệ thuật là tìm hiểu quan niệm và hệ thống chính thể. Tức là, trong mô hình nghệ thuật các phạm trù này không kết hợp với nhau một cách tùy tiện mà chúng ràng buộc chi phối lẫn nhau. Điều đó dẫn đến, khi quan niệm thay đổi thì thời gian, không gian, cách lý giải, cách đánh giá cũng thay đổi và tất nhiên cách xây dựng hình tượng cũng thay đổi. Trong những cấu trúc xã hội khác nhau thì mô hình nghệ thuật cũng khác nhau. Nằm trong từng cấu trúc xã hội, kết cấu của mô hình khá bền vững. Nó quyết định những tri giác, cảm xúc của người nghệ sĩ, nó buộc người nghệ sĩ phải chọn cho mình một mô hình nghệ thuật nhất định để thể hiện. Chẳng hạn, trong mô hình văn học trung đại các nghệ sĩ hay dùng nguyên tắc ước lệ để miêu tả nhân vật. Nguyễn Du miêu tả Từ Hải "*Vai năm thước rộng thân mười thước cao*"... Trong văn học dân gian kiểu xây dựng nhân vật theo hai tuyến thiện, ác cũng là một kiểu mô hình. Đặc trưng của văn học hiện thực phê phán là kiểu kết thúc nhân vật không có lối thoát như chị Dậu, anh Pha, Chí Phèo... Giai đoạn chống Mỹ có mô hình nhân vật hy sinh tình cảm riêng vì nghĩa lớn như chị Tư

Hậu, anh Trỗi . . . Mô hình nghệ thuật rất đa dạng, nó có thể là của thời đại, giai đoạn, tác giả. . . . Chẳng hạn, mô hình nhân vật trong sáng tác của Nam Cao là người nông dân tri thức nghèo. . . . Việc đi sâu tìm hiểu mô hình nghệ thuật sẽ giúp ta nhận ra những đặc điểm chung, khái quát trong từng hình tượng nghệ thuật cụ thể.

*** Cấp độ hình tượng nghệ thuật**

Hình tượng nghệ thuật là sản phẩm của phương thức chiếm lĩnh và tái tạo hiện thực riêng biệt vốn có và chỉ có trong nghệ thuật. Hình tượng *“vừa là sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ vừa là con đẻ của hiện thực khách quan”* [54, tr 27].

Hình tượng nghệ thuật là các khách thể của đời sống được người nghệ sĩ tái hiện hoặc tái tạo và tồn tại độc lập như một thực thể văn hoá xã hội (tức là nó tách khỏi hoạt động nghệ thuật của nhà văn) mà con người có thể thưởng thức, ngắm nghía. Hình tượng nghệ thuật chỉ thấm vào ý thức của con người khi họ cảm thấy cuộc sống trong đó. Vì thế, hình tượng phải bắt nguồn từ những cá thể của đời sống. Trong thực tế, cá thể của đời sống rất đa dạng, mỗi cá thể có một cuộc sống riêng, vùng thẩm mỹ riêng nên yêu cầu đặt ra đối với người nghệ sĩ là phải biết chọn lựa những cá thể có sức khái quát cao thì cuộc sống mới phản ánh được nhiều mặt nhất.

Tái hiện cuộc sống, nhưng hình tượng nghệ thuật không sao chép nguyên xi những hiện tượng có thật ngoài đời mà tái hiện có chọn lọc, sáng tạo. Việc tái hiện có sự lựa chọn càng cao thì hình tượng có giá trị khái quát càng lớn. Giá trị này không phụ thuộc vào số lượng chi tiết nhiều hay ít mà chính là ý nghĩa của nó. Đôi khi hình tượng nghệ thuật chỉ cần vài chi tiết ít ỏi cũng có thể để lại ấn

tượng khó phai mờ trong lòng người đọc. Chẳng hạn, hình ảnh đôi mắt trong thơ Nguyễn Đình Thi, nụ cười chiến thắng của Võ Thị Thắng.... Trong thực tế từ các chi tiết đơn lẻ, nhất thời, ngẫu nhiên người ta còn có thể khám phá cái cốt lõi, bất biến, vĩnh hằng.

Như vậy, chỉ thông qua hoạt động tưởng tượng của người nghệ sĩ thì một *"thiên nhiên thứ hai"* mới ra đời. Thiên nhiên này không chỉ định hướng về tinh thần con người để hoạt động có chủ định, có lí tưởng, để lí giải thế giới hiện thực mà còn mang đến cái có thể có, muốn có, phải có.

Thế giới hình tượng rất đa dạng. Xét ở phương diện thể loại, mỗi thể loại có những hình tượng nổi bật, mang tính khu biệt. Trong tác phẩm trữ tình nổi bật là hình tượng cái tôi. Trong tác phẩm tự sự nổi bật là hình tượng nhân vật hình tượng người trần thuật... Xét về phương diện biểu hiện, hình tượng nghệ thuật bao gồm những hình tượng thực, hình tượng ảo, hình tượng thiên nhiên hình tượng con người, hình tượng thời gian ...

Hình tượng nghệ thuật chỉ sống khi được đặt trong thời gian, không gian sinh tồn (đây vừa là hình thức nội tại vừa là thuộc tính tất yếu của hình tượng nghệ thuật). Bị cắt đứt khỏi thời gian, không gian vật lí, tách khỏi thế giới hiện thực xung quanh, lại bị giới hạn trong khuôn khổ của tính ước lệ nên thời gian, không gian của hình tượng chỉ có thể cảm nhận chứ không thể nhìn thấy trực tiếp bằng mắt. Đọc câu thơ của Nguyễn Du *"Gìn vàng giữ ngọc cho hay - cho đánh lòng kẻ chân mây cuối trời"* người đọc hình dung ra một không gian xa xôi cách trở, đầy những khó khăn....

Nếu trong hội hoạ, điêu khắc, thời gian, không gian tồn tại bất biến khiến hình tượng bị đông cứng trong đường nét, hình khối, màu sắc thì trong văn học

do lấy chất liệu là ngôn từ nên thời gian, không gian giúp cho hình tượng luôn vận động và thể hiện rõ nét hơn hình ảnh thật. Chịu sự chi phối của hoàn cảnh lịch sử là gắn liền với mức độ cảm thụ và quan niệm của người nghệ sĩ nên thời gian, không gian ở mỗi thời đại có “màu sắc” riêng. Chẳng hạn, thời gian của người cổ trung đại là tuần hoàn vĩnh cửu, quá khứ, hiện tại, tương lai cùng tồn tại trong thì hiện tại, không gian là vũ trụ bao la. Thời gian của con người hiện tại là tuyến tính, không gian gắn liền với từng con người cụ thể....

Thời gian, không gian trong văn học có sự co giãn kì diệu. Thời gian vận động cả ba chiều, có thể đang ở thì hiện tại nhưng ngay lập tức quay về quá khứ hoặc vươn tới tương lai xa xôi mà không bị vấp một cản trở nào. Thời gian nghệ thuật có thể dồn nén cả một cuộc đời, một thời kì vào trong khoảng khắc. Cũng như thời gian, không gian nghệ thuật cũng không bị trói buộc bởi giới hạn nào. Nó có thể là không gian hẹp như: xó bếp, gác xép, căn phòng... nhưng cũng có khi rộng lớn bao la như: chân mây cuối trời.... Không gian nghệ thuật có khả năng dịch chuyển rất nhanh. Huy Cận đã mở ra một không gian có cả thiên đường và trần thế chỉ trong hai câu thơ “*Nắng xuống trời lên sâu chót vót - Sông dài trời rộng bến cô liêu*”. Ở mỗi giai đoạn văn học, không gian có màu sắc riêng. Chẳng hạn, không gian trong văn học dân gian là cây đa, bến nước, nơi hò hẹn..., thơ trung đại là không gian sơn thủy hữu tình, thơ mới là không gian lạnh lẽo, hờ hững, mong manh... Nhìn chung, thời gian, không gian trong văn học gắn liền với sự cảm thụ của người nghệ sĩ với ý thức về ý nghĩa của cuộc đời, với quan niệm về thế giới, con người.

Nói tóm lại, hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất cao độ giữa các mặt đối lập: chủ quan - khách quan; lí trí - tình cảm; cá biệt - khái quát; hiện thực - lí tưởng; tạo hình - biểu hiện; hữu hình - vô hình... Bản thân của mỗi hình tượng là

một quan hệ xã hội thâm mĩ vô cùng phức tạp bao gồm: Quan hệ giữa các yếu tố và chính thể giữa thế giới thực tại và thế giới nghệ thuật, giữa tác giả hình tượng, cuộc sống... Với tư cách là cấp độ hạt nhân của chính thể thế giới nghệ thuật, hình tượng là yếu tố trọn vẹn nhất vừa phản ánh đầy đủ cuộc sống vừa thể hiện gương mặt nghệ sĩ.

*** Cấp độ ngôn từ nghệ thuật**

Ngôn từ nghệ thuật là lớp lời văn trong tác phẩm do người nghệ sĩ sáng tạo ra. Nó là hình thức biểu đạt duy nhất vừa là xác, vừa là hồn của văn chương. Xét về mặt chất liệu, ngôn từ nghệ thuật sử dụng các phương tiện của ngôn ngữ toàn dân như? ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng nhưng mang phẩm chất thâm mĩ và mục đích nghệ thuật nên nó có thể *“Truyền đạt một thông tin và không một phát ngôn đúng nghĩa nào có thể thay thế được”* (theo G.V.Xê-tê-panốp).

Lời văn trong tác phẩm không phải là ở nói thường ngày. Nó chịu sự quy định của nhà văn và phức tạp cấu trúc văn bản nghệ thuật. Do đó lời nói ấy có thể là lời nói trực tiếp, gián tiếp nhưng cũng có khi là lời nửa trực tiếp, lời độc thoại, lời của tác giả, của nhân vật, của người trần thuật. Lớp lời văn trong tác phẩm được tạo nên từ thứ ngôn ngữ hàm súc, biểu cảm và gợi hình. Tính gợi hình là phẩm chất hàng đầu không thể thiếu của lời văn. Nếu các môn khoa học khác như: triết học, pháp luật. . . phản ánh cuộc sống bằng các khái niệm, công thức thì văn học phản ánh cuộc sống bằng *“Lời văn biểu cảm hình tượng”* [55, Tr 355]. Trước hết, tính gợi hình thể hiện trong chính lời văn, bởi qua lời văn người đọc sẽ hình dung ra những mối quan hệ, những cung bậc tình cảm khác nhau của nhân vật. Để đạt được mục đích nghệ thuật và có tính thâm mĩ cao, lời văn có một hình thức tổ chức đặc biệt. Nó sử dụng đậm đặc các hiện

tượng cú pháp, các từ tượng thanh tượng hình, từ mô tả trạng thái, cảm giác... nhất là các phương thức thêm nghĩa, chuyển nghĩa như so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, tượng trưng... làm cho lời văn mềm mại, uyển chuyển, bay bổng và có tính đa nghĩa, hàm ngôn.

Hình thức tổ chức lời văn ở mỗi một thể loại có những nét đặc thù riêng. Trong thơ trữ tình, tổ chức lời thơ phải có tách dòng, có nhạc, có vần... Trong tự sự, tổ chức lời văn là đoạn chương, hồi... Trong kịch, tổ chức lời văn phải có màn, lớp, cảnh. . . Theo Trần Đình Sử, lời văn nghệ thuật còn đóng vai trò "*biểu diễn*" sự vật. Điều này có nghĩa lời văn làm cho sự vật hiện hình (đây là điểm khác nhau cơ bản với lời nói hàng ngày).

Quá trình sáng tác văn học là một quá trình tư duy tưởng tượng. Trong tưởng tượng người nghệ sĩ không chỉ tạo dựng cuộc sống với những gì có thật như: con người, đồ vật, phong cảnh mà có cả những sự vật không tồn tại như: thần linh, ma quỷ, tiên Phật. . . Nhờ tưởng tượng lời văn bộc lộ được ý nghĩa của cuộc sống, làm cho hình tượng có thể hiểu được, hình dung được và nhiều khi chúng có cả tiếng nói đối với đời sống con người. Lời văn nghệ thuật ít khi chỉ thông báo đơn giản sự việc xảy ra đối với nhân vật mà thường tái hiện cả một phức hợp qua lại, cả chủ quan và khách quan trong các sự kiện đó.

Như vậy, lời văn nghệ thuật vừa giữ vai trò lưu giữ làm phong phú thêm cho ngôn ngữ dân tộc vừa thể hiện sự kết tinh, sàng lọc ngôn ngữ của tác giả vừa thể hiện năng lực, sở trường, phong cách và quan niệm của người nghệ sĩ.

1.1.2. Thể giới nghệ thuật thơ trữ tình

Trong văn học, căn cứ vào phương thức phản ánh người ta chia văn học ra làm ba thể loại lớn: tự sự, trữ tình và kịch. Trong mỗi thể loại lại bao gồm nhiều thể loại nhỏ. Tự sự có sử thi, tiểu thuyết truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài... Kịch có hài kịch, bi kịch, chính kịch... Trữ tình có thơ văn xuôi, thơ cách luật, thơ trữ tình, tùy bút... Ứng với mỗi thể loại lớn là các thể nhỏ là những loại hình thể giới nghệ thuật riêng, có qui luật vận động riêng và hình thức tổ chức biểu hiện riêng. Thơ trữ tình là một thể nhỏ nằm trong thể loại trữ tình. Khái niệm thể giới nghệ thuật của nó cũng bao hàm đầy đủ các cấp độ, yếu tố của thể giới nghệ thuật nói chung. Nhưng các cấp độ, các yếu tố này có hình thức biểu hiện riêng. Nếu việc tìm hiểu thể giới nghệ thuật của bất kì thể nào cũng chính là làm rõ thể giới tiếng này thì đến đây có thể nói ngắn gọn rằng, việc tìm hiểu khái niệm thể giới nghệ thuật thơ trữ tình chính là tìm hiểu tính chủ quan và những đặc trưng thể loại của nó.

Thơ trữ tình là thuật ngữ nhằm để phân biệt giới các thể loại khác trong thể loại trữ tình và thơ tự sự. Nó có ý nghĩa là *phương tiện để con người ta tự khẳng định bản chất của mình, xây dựng hình tượng về mình, xác định trí hướng, lập trường, giá trị trước cuộc sống, đồng thời là phương tiện để xây dựng thể giới tinh thần của con người*” [54- tr112]. Thơ trữ tình có khả năng khơi gợi và bộc lộ cảm xúc rất lớn. Tuy cảm xúc là của từng cá thể nhưng lại bắt nguồn từ cuộc sống nên trong thơ trữ tình có tất cả mọi chuyện, chuyện thế sự, chuyện đời tư, chuyện chung, chuyện riêng... Dù nói gì đi nữa thì nổi bật trong thơ vẫn là *"bản tự thuật của tâm trạng"* (Poxpelop), *những vương quốc chủ quan*” (Bielinxki).

1.2. Đoàn Thị Lam Luyến và các chặng đường thơ.

1.2.1. Vài nét về tiểu sử.

Đoàn Thị Lam Luyến sinh ngày 14 – 06 – 1951 (Tân Mão), quê quán tại xã Anh Dũng, Phù Tiên, Hưng Yên. Hiện sống tại Nghĩa Đô, Từ Liêm, Hà Nội. Tốt nghiệp Đại học (Văn học và Mỹ thuật) là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1996).

Chị xuất thân trong một gia đình nhà nông nghèo. Thuở nhỏ, Lam Luyến ốm đau quặt quẹo liên tục. Mới 7, 8 tuổi chị đã biết chăn trâu, cắt cỏ, kéo vó tôm. 11 tuổi đi làm con nuôi nhưng thực chất là đi ở đợ cho một nhà bán hàng cơm trên phố. 12 tuổi chị phải đi làm thợ phụ đóng gạch. Học hết lớp 6 chị buộc phải nghỉ học vì gia đình quá neo đơn. Năm 1965, gia đình Lam Luyến di cư lên vùng sông Mã (Sơn La) xây dựng kinh tế mới. Năm 1966 chị trúng tuyển vào học Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật khu tự trị Tây Bắc. Từ đây chị thoát ly và bắt đầu tự lập. Chị theo học khoa Mỹ thuật nhưng lại có đam mê với thơ. Thơ với chị không phải nghề mà là nghiệp! 1976 - 1982: Học Đại học Mỹ thuật Công nghiệp. Từ 1983 đến 2003: biên tập viên mỹ thuật tại Nhà xuất bản Thanh niên. Hiện chị làm giám đốc Trung tâm Quyền tác giả văn học Việt Nam .

Tác phẩm đã xuất bản:

1. Mái nhà dưới bóng cây (In chung - 1985).
2. Lỡ một thì con gái (1989).
3. Cánh cửa nhớ bà (1990).
4. Chồng chị chồng em (1991).
5. Châm khổi (1995).
6. Đại yêu (2000).
7. Sao dẫn lối (2005).

Nhà thơ đã được nhận: Giải thưởng cuộc thi thơ báo Văn nghệ 1989 - 1990. Tặng thưởng thơ của Nhà xuất bản Hội Nhà văn 1995 (tập thơ *Châm khổi*), và 2005 (tập thơ *Sao dẫn lối*)

Lam Luyến yêu sớm nhưng không gặp may mắn trong tình yêu. Mỗi tình đầu tiên của Lam Luyến là với một chàng trai người Thái hơn chị 10 tuổi, làm nhạc công. Mỗi tình ấy chết yểu sau 10 ngày khi nó chưa tiến xa hơn một nụ hôn. Đó là khi chị đang học ở Tây Bắc. Đây cũng là mốc đánh dấu thân phận và đời thơ của chị. Chị trải qua hai lần dō nhưng cả hai lần đều lỡ dở.

Ở cuộc hôn nhân với người đàn ông thứ nhất, chị là người chịu nhiều vất vả gian truân, chồng chị không có nghề nghiệp, đã vậy chị lại phải cáng đáng việc học hành và nuôi hai đứa em của chồng lên Hà Nội học. Chị làm mọi việc có thể kiếm ra tiền mà không một chút ngần ngại, ca thán. Là họa sĩ nhưng phải vẽ tranh truyền thần để kiếm sống ngay từ năm đầu tiên. Cuộc sống vất vả khiến chị nhếch nhác, lờn thoi, thêm vào đó cứ mỗi ngày đầu tắt, mặt tối đi làm về ông chồng mới tỉnh giấc nồng... dần dần chị thấy trong trái tim mình không còn mặn mà với anh nữa. Anh cũng vì thế mà bắt đầu kiếm tìm lực hấp dẫn từ bên ngoài. Chị chấp nhận người thứ ba đi vào gia đình mình nhưng anh lại không phải là người hiểu đời, thậm chí anh ta còn có những hành động thô bạo với chị khi những mối quan hệ ngoài luồng của anh bị phát giác trước bàn dân thiên hạ. (Đánh và đuổi chị cùng hai đứa em khi chúng bênh chị). Không còn tình yêu, cuộc hôn nhân kết thúc là một sự giải thoát cho cả hai. Chị dành được quyền nuôi con.

Phải mất 10 năm sau Lam Luyến mới kết hôn với người thứ hai. Cuộc hôn nhân này khơi dậy trong Lam Luyến tình yêu mãnh liệt và là cảm hứng cho nhiều bài thơ của chị, nổi bật nhất là *Chồng chị, chồng em*. Nhưng cuộc sống

không hề đơn giản như ta tưởng, người đàn ông đó rất yêu con mình (Điều mà Lam Luyến tìm cho con chị để bù đắp tình cảm bấy lâu nay), tiếc thay lại không yêu con chị. Mâu thuẫn sâu sắc xảy ra và cuộc hôn nhân kết thúc sau 10 tháng mặn nồng. Cuộc đời truân chuyên, tình yêu dang dở... tất cả thấm vào hồn thơ của Lam Luyến như một định mệnh.

1.2.2. Quan niệm về thơ và nhà thơ của Lam Luyến.

Lam Luyến học họa nhưng lại mê làm thơ. Thơ đến với chị tình cờ nhưng mỗi vần thơ chị viết đều chất chứa những xúc cảm mãnh liệt trong sâu thẳm con người chị. Chị từng nói: *Với tôi, thơ không phải là nghề mà là nghiệp mới đúng.* Mọi người hầu như đều quan niệm rằng người đàn bà làm thơ thường truân chuyên trong con đường tình ái, nhưng chị lại nghĩ khác *Người làm thơ phải có một tố chất đặc biệt trong tâm hồn, ví như giàu tình cảm, giàu lòng vị tha và trắc ẩn.*

Chị đã tâm sự trong phần *Mấy lời tự bạch* ở cuốn “Nhà văn Việt Nam hiện đại” (nxb Hội nhà văn Việt Nam - 1997) : *Làm thơ với tôi như là một nhu cầu tự thân. Cuộc sống vất vả từ nhỏ, vào đời không mấy suôn sẻ và đời tư lại éo le, trắc trở, vì vậy có nhiều điều muốn nói, muốn được giải bày. Ngoài thơ ra không biết lấy ai để bộc bạch gửi gắm lòng mình. Thơ tôi “Thật” và “đời thường” là vì thế.*

Lần khác Lam Luyến đã tâm sự với bạn đọc của Vnexpress: *Tôi mê làm thơ, đời tôi thăng trầm cũng chính bởi vì nghiệp thơ. Nhưng thơ không ở ngoài cuộc đời tôi. Chỉ vì yêu sớm, nói đúng hơn là được một chàng trai người dân tộc Thái để ý sớm, rồi sớm có một bài thơ tình yêu mà con đường danh vọng của tôi ít nhiều bị khựng lại.*

1.2.3. Các chặng đường thơ Lam Luyện.

Từ khi cầm bút đến nay Lam Luyện cho ra đời 7 tập thơ. Mỗi tập thơ đều mang những dấu ấn rõ nét cuộc đời chị.

Lam luyện rất yêu trẻ, thích làm thơ về trẻ em nên không mấy ngạc nhiên khi tập thơ đầu tiên của chị là tập thơ viết cho thiếu nhi: “Mái nhà dưới bóng cây” (1985 – In chung với Phan Cung Việt, Nguyễn Trác, Bùi Công Tường). Tập thơ này Lam Luyện góp vào đó 10 bài. Những bài thơ mộc mạc, nhìn bằng con mắt trong sáng của trẻ nhỏ. Hình ảnh thơ gần gũi, dễ nhớ, dễ thuộc mà lại giải đáp được những thắc mắc của trẻ thơ. Từ chuyện con gà đẻ trứng đến chuyện con bò học chữ ò ò ò, từ chuyện con cò có mũ trên đầu đến chuyện con ngựa có một móng...

Cò chỉ đứng một chân,
 Co chân kia cò ngủ.
 Vua của các loài chim,
 Ban cho cò chiếc mũ.
 Kỳ tài thay chú ngựa,
 Cũng đứng ngủ suốt đêm.
 Ngựa ta được tặng khen,
 Những chiếc giày đen bóng.
 Chân ngựa giờ một móng,
 Dấu tích đôi ngày xưa.
 Cò vẫn còn chòm mũ,
 Ở trên đầu phát phơ.
 (Chuyện mũ cò và chân ngựa)

Từ chuyện Cây mướp, cây chuối đến chuyện cây sim, cây phượng ... Từ chuyện con bù nhìn đến chuyện ngọn gió ... Từ mùa hè cho đến mùa thu... tất cả như có sức mạnh chạy vào từng dòng thơ của Lam Luyến. Con mắt trẻ thơ nhìn mọi thứ theo cảm quan thơ trẻ khiến cho mọi sự vật, sự việc trở nên giản đơn và dễ thương nhất.

Trong 10 bài ấy, đã có một bài được chọn để dạy ở tiểu học, đó là *Dáng hình ngọn gió* (Tiếng Việt - lớp 5)

Cùng mảng thơ viết cho thiếu nhi, sau này chị còn có tập thơ *Cánh cửa nhớ bà* (1990) gồm 25 bài thơ. (Ở tập thơ này Lam Luyến đã cho in lại bốn bài thơ mà chị đã in ở tập thơ in chung *Mái nhà dưới bóng cây* cùng với những bài thơ thiếu nhi khác của chị.). Dưới con mắt trẻ thơ mọi thứ hiện lên thật sinh động. Bao trùm lên tập thơ là tình người ấm áp . Mọi gương mặt gần gũi nhất, thân thương nhất đều hiện ra trước mắt trẻ thơ. Từ hình bóng người mẹ hiền tần tảo, đến những câu chuyện cổ tích của bà, đến việc ông nghỉ hưu, đến cây điều của nội, đến dì bé...

Có ai trên đời,
Dịu dàng bằng mẹ....

(Mẹ)

Tuổi hưu ông nghỉ ở nhà

.....

Cháu mong ông khỏe, ông ơi đừng buồn

(Ông ơi, đừng buồn)

Và đến những khoảng thời gian mà trẻ thơ thích nhất như tết, như trung thu. Hay gần và thú vị hơn nữa là hình ảnh những con gà, con vịt, những đám mây ...

Tập thơ thứ hai ra đời năm (1989) gồm 39 bài thơ, *Lỡ một thì con gái* - nhưng đây mới là đứa con đầu lòng của chị. Tập thơ khắc khoải với tình yêu và cuộc đời. Đời chị sau cuộc hôn nhân đầu tiên có nhiều vị đắng hơn là ngọt ngào, nó như ám ảnh vào đời chị và ám cả vào trang thơ – nơi chị gửi gắm con tim.

Từ lâu, lâu lắm rồi
Giấc mộng về lứa đôi
Âm thầm như quyền rũ...

(Lỡ một thì con gái)

Phải chăng đó là dư vị của trái đắng tình yêu? Dư vị còn lại của đoạn đời mà chị vừa bước qua nó?

Em như con thuyền lạc bến
Có đi mà chẳng tới bờ...

(Chuyện về anh.)

Và phải chăng đó là dấu hiệu báo trước của đoạn đường kế tiếp của đời chị? Lam Luyến – Người đàn bà đa đoan đầy nghị lực và thông minh, không cam chịu đói khổ, hèn kém - Phẩm chất ấy nổi trội nhưng dường như nó lại là cái bẫy cuộc đời chị. Nó khiến chị sớm phải sám hối và xót xa.

Trả ta về cô đơn
Trả ta về hoang dã..

(Trả ta về cô đơn.)

Ấp ủ với giấc mộng lứa đôi, với tình yêu bất tận. Nhưng trở trêu và chua xót thay, lời *tự thú* của Lam Luyến dường như không thay đổi được định mệnh.

Người bỏ áo đi đâu?
Lỡ một thì con gái...

(Lỡ một thì con gái.)

Càng đọc thơ của Lam Luyến ta càng thấy nhu cầu được giải bày, được tự thú, những suy tư, những khát vọng tình yêu đôi lứa, những góc khuất cuộc đời ... càng được phơi bày, bộc bạch .

Tập thơ kế tiếp: *Chồng chị chồng em* (1991) gồm 35 bài thơ. Tập thơ ra đời để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả. Bài thơ mở đầu tập thơ này *Chồng chị, chồng em* đã gặt hái được thành công vang dội. Nó lọt vào đến chung kết cuộc thi thơ của báo văn nghệ 1990. Bài thơ như tuyên ngôn của Lam Luyến về thái độ sống, về bản lĩnh của một nữ lưu, một niềm tin mãnh liệt vào tình yêu đến độ “thản nhiên”.

Chị thản nhiên mỗi tình đầu
Thản nhiên em nhật bã trầu về tằm.
(Chồng chị, chồng em)

Với tình yêu và hôn nhân của người đàn bà từng vấp ngã thì đó là niềm tin đáng kính trọng bởi nó không hề ảo tưởng.

Cái giần vục phải cái sàng
Xui cho hai đứa nhờ nhàng gặp nhau.
Với Lam Luyến, tình yêu quả là kỳ diệu.
Tình yêu hôm nay là hạt
Sớm mai đã hóa thành vùng..

Từ xưa đến nay, tình yêu không phải là cái gì đó mới lạ nếu không muốn nói nó vốn cổ điển, nhưng cho dù ở thời điểm nào, tình yêu luôn là phương thuốc hữu hiệu nhất của con người, của trái tim biết rung động, biết đồng cảm, và của trái tim không *thản nhiên* và để dành được tình yêu đó lại là cả một cuộc *Chiến tranh*.

“Em đoạt anh từ tay người đàn bà kia ...

Giống như người đàn bà kia đoạt anh từ tay

người đàn bà khác.....”

Hầm hiu và bẽ bàng là cảnh dành dặt người tình, nó xâu xé ngẫu nhiên như con diều hâu trước con mồi tươi rói. Lam Luyến táo gan phát động cuộc “chiến tranh” tình ái nhưng chiến tranh kết thúc, chiến bại thuộc về chị. Thương tích đầy mình nhưng chị không đầu hàng mà tiếp tục muốn được yêu thêm...

Rồi em đến tuổi năm mươi

Cũng yêu đến nát cuộc đời cho thơ!

(Yêu để cho thơ.)

Tập thơ này của Lam Luyến thật sự đã lay động và đọng lại trong lòng những người yêu thơ những tứ thơ chỉ có Lam Luyến mới thốt lên, mới diễn đạt được với giọng thơ như thế.

Tập thơ *Châm khởi* (1995) tiếp tục là minh chứng cho vết thương lòng của Lam Luyến. Tập thơ có 39 bài, Tập thơ khẳng định bước đi mới của Lam Luyến trên thi đàn. Ban đầu tập thơ có nhan đề là *Hát theo Thị Mầu* – có thể hiểu là Lam Luyến hát yêu theo Thị Mầu, cốt ghẹo tình Thị Kính – theo nghĩa biểu trưng - để mượn đó nhen lại lửa lòng. Ấm được lòng, có được tự tin về hạnh phúc mới ghẹo người, trêu người. Đây là niềm ao ước không của riêng ai. Lật từng trang thơ, từ đầu cho tới cuối tập thơ, sự tròng ghẹo thách đố của tác giả mỗi dòng mỗi mãnh liệt, mỗi lời mỗi thách thức. Nó như thể được bùng lên từ chính con người chị, từ chính sự trau chuốt trong tình cảm của chị.

Có những lời nói thật chẳng ai tin,

Câu nói dối lên ngôi mà vĩ đại.

Anh là Đấng trong em mãi mãi,

Kẻ muộn màng sám hối chính là em.

(Em chấp nhận lời nói dối)

Thế rồi có lúc khác Lam Luyến lại “lửng lơ con cá vàng” như thách đố cả độc giả và cả chính mình. Giật mình mê mải tìm kiếm *Biết chàng Nô ở nơi đâu?* và giờ thì vẫn cô đơn lẻ chiếc.

Ngoài bốn chục chưa khỏi điều non nớt,

Cả tin nghe, cả tin nói, cả tin cười.

Que diêm mảnh cứ châm bờ dậu ướt,

Khói lửa nào đang đốt trái tim cô.

(Châm khói).

Dường như ẩn sâu trong dòng thơ này là nỗi niềm, là khát vọng yêu, khát vọng vẹn tròn hạnh phúc.

Ở tập thơ “Châm khói” Lam Luyến phân thân trước nàng Kiều, trước Hồ Xuân Hương, trước Thị Mầu, trước Xúy Vân ... và phân thân trước chính mình. Phân thân là xé hồn mình ra, là đập cho tan nát đây, là đốt cháy mình đây và rồi cũng lại tự mình tưới cho tắt mình đây.

Tình yêu không là dục vọng

Tự mình thiêu cháy như không...

(Tình yêu)

Tất nhiên trong mọi sự phân thân cũng có cả sự ảo tưởng, ảo tưởng về mình và ảo tưởng về người, quan trọng là biết vượt qua để sống thực hơn. .. Tất cả dệt nên bởi chất trữ tình nồng hậu trong thơ Lam Luyến. Đây là cái tâm: cho, tặng, dâng hiến của chị. Là tâm trạng, nỗi niềm của thân phận đàn bà dở dang, nhỡ nhàng, với những khía cạnh và cung bậc tình cảm khác nhau.

Sau 5 năm, năm 2000, Lam Luyến cho ra mắt tập thơ thứ 6 *Dại yêu*. (gồm 51 bài thơ) Mỗi bài thơ của tập thơ như xoáy sâu hơn cái chiều sâu tâm hồn Lam Luyến. Ở mọi nẻo đường tình yêu đều có chông gai, thử thách và khó khăn nhưng hơn hết, trên tất cả là một trái tim biết yêu bằng cả trái tim.

Em đây ngộ nhận như tôi
Cũng yêu chí chết cái người mình yêu
(Em gái)

Và cũng nhận ra tình yêu trên thực tế không ảo mộng như trong cõi mơ?

Anh đến từ cõi mơ
Làm tiêu tan cõi thực
Những mặt đáng tình yêu
Chỉ còn trong ký ức.....

(Cõi mơ – cõi thực)

Dường như tình yêu vẫn chưa dành cho Lam Luyến một bến đỗ. Hai lần lỡ chuyến đò ngang, vẫn mãi miết đi kiếm tìm một bến đỗ bình yên thế mà cuộc đời khéo đùa người....bởi *Em không là thánh thần!*

Em không là thánh thần
Nên có nhiều lầm lỗi

.....

Em không là thánh thần
Mới nhiều phen nông nổi
Khi đã dần thân yêu
Biết đâu mà lợc lỏi

.....

Em không là thánh thần

Nên cứ hay hờn dỗi

.....

Em không là thánh thần

Nên chẳng quen chờ đợi

Khao khát một tình yêu

Những điều chưa biết tới

(Em không là thánh thần)

Cũng như bao người phụ nữ khác, Lam Luyện cũng muốn có cho riêng mình một *Thiên tình cuối* với những cảm giác hạnh phúc bình thường giản dị, nơi hai trái tim hòa điệu và san sẻ cho nhau trước bão tố cuộc đời, để:

Trước bao lo toan vất vả

Cái buồn tụt lại đằng sau

Anh ơi bởi thiên tình cuối

Cho mình biết cách thương nhau”.

(Thiên tình cuối)

Cuộc đời rộng mở nhưng với Lam Luyện thì dường như hơi dè xẻn quá chăng, chị yêu dang hiến bằng *Tình ta có thật*, bằng cả sự hi sinh dẫu mình là *Phận bé* nhưng trong *Cơn mưa tình yêu* Lam Luyện vẫn ngậm ngùi bởi *Đứa con mang họ mẹ*, và khát vọng được *làm dâu* không biết đến bao giờ mới thành hiện thực?

Nhưng rồi hai đứa với nhau

Không tiền mua cả buồng cau

Túp lều còn trong ý tưởng

Bao giờ em được làm dâu?

(Bao giờ em được làm dâu?)

Cuộc đời ngược xuôi, xuôi ngược kéo chị đi theo dòng đời, xa gia đình, xa quê hương, kiếm tìm hạnh phúc... cả một đời tưởng như đã “lỗi đời”, ấy vậy mà vẫn dại của, dại yêu.

Như khi bé dại của

Lớn rồi thì dại yêu

(Dại yêu)

Tập thơ gần nhất của Lam Luyến là *Sao dẫn lối* (2005) - Tập thơ đã được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam. Chị đã mượn tình yêu để nói về thời cuộc và mượn thế sự để nói về tình yêu. Đây là nét rất mới của Lam Luyến so với các nhà thơ nữ khác. Với 72 bài thơ Lam Luyến đã gửi vào đó những xúc cảm, những cái nhìn mới mẻ về cuộc đời, về con người, về cái thiện - cái ác, về cái thật - cái giả, về mọi khía cạnh của đời sống.

Giữa trăm cái thực mà một giả

Như chợt xú mù mây hiển vinh

Giữa trăm cái giả, mình ta thật

Nào có ra chi, tổ lụy tình

(Thật giả)

Thiện ác muôn đời từng giao tranh

Tình đôi lứa thăng trầm - đời vốn thế.

.....

Tội ác đang còn, tình yêu thì bất diệt

Thế gian này thiện ác vẫn giao tranh.

(Thiện ác)

Một cái nhìn thế sự về tình yêu thương giữa con người với con người, giữa hàng xóm láng giềng, giữa bạn bè đồng nghiệp, giữa anh và giữa em...cái nhìn

mọi mặt cuộc sống bình dị, gần gũi, thân thương. Chạy dài theo hình chữ S, đi đến đâu Lam Luyện cũng gửi hồn mình ở đó, gửi chút tình cho quê hương, cho tình yêu, cho bạn bè... Đó là Lam Luyện của *Sao dẫn lối*. Khác với những tập thơ trước - thơ hầu hết là tình yêu - tập thơ này Lam Luyện nói nhiều về thời cuộc, nói thế sự trong tương quan của một trái tim yêu. Nhìn vấn đề với con mắt đa chiều, không phiến diện, không chủ quan, không miệt thị mà bằng cái nhìn trưởng thành, cái nhìn sâu sắc, cứng mà không khô. Tình yêu cũng mang hơi hướng mới, cái nhìn mới, cảm xúc mới đó là một kiểu nhìn mang hơi hướng tâm linh, rất hợp thời mà vẫn mang nét triết lý.

Xác là đất, Hồn là trời
 Tinh hoa trời đất chuyển dời núi non.
 Hồn trợ cho Xác phải mòn
 Xác mà èo uột, Hồn còn ra chi?
 Hồn hành đạo, Xác vô vi
 Trang mà biết Không, Không thì biết Trang.
 Hồn trợ, để Xác bề bàng
 Xác nhờ, Hồn phải lang thang cõi người.
 Hồn vĩnh cửu, Xác luân hồi
 Nhân cao quả lớn – phúc trời gọi ta.
 Sao Hồn chẳng sớm thăng hoa
 Làm cho Xác mãi mù lòa, đầy thôi.
 Hồn là mình, Xác là tôi
 Người cuối bể, kẻ cùng trời, tìm nhau...
 Nhập Hồn, Xác sẽ biết đau
 Lại yêu, yêu đến kiếp sau với Hồn!

(Yêu đến kiếp sau)

Đoàn Thị Lam Luyến là một tác giả nữ đam mê, tâm huyết với công việc sáng tác thơ. Cho đến nay, trải qua 20 năm cầm bút với 7 tập thơ đã xuất bản, các chặng đường thơ của chị là một hành trình đi lên không bị đứt đoạn. Mỗi tập thơ mang một dấu ấn riêng, thể hiện những buồn vui, trải nghiệm của một người phụ nữ khao khát sống, khao khát yêu và thành thật đến tận cùng với mọi cung bậc cảm xúc của mình. Hi vọng ở những chặng đường tiếp sau, Đoàn Thị Lam Luyến lại có những sáng tác mới thể hiện được phong cách riêng độc đáo, đáp ứng được niềm tin và sự mong đợi của người đọc.

CHƯƠNG II.

CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN.

2.1. Một số vấn đề lý thuyết về cái tôi và cái tôi trữ tình trong thơ.

Sáng tác thơ ca là nhu cầu tự biểu hiện, một nhu cầu hết sức nhân bản chỉ có ở con người. Mỗi nhà thơ trong quá trình sáng tác đều cố gắng thể hiện nét riêng của mình. Bởi thế nên khi đọc thơ người đọc thường thấy những trải nghiệm, những thể nghiệm, những khám phá, những khát vọng, những lý tưởng, tình yêu, sự sống, sự lạc quan tin tưởng... thậm chí là những rung động rất mơ hồ của chính tác giả thơ. Tinh ý ta sẽ nhận thấy ở đó cái tôi riêng của mỗi nhà thơ.

Câu hỏi “ta là ai?”, “ta vì ai” nổi tiếng của Chế Lan Viên tưởng đã tìm ra câu trả lời có chứa hạt nhân hợp lý của thời đại trong thơ chống Mỹ đã không còn đủ sức ôm chứa trong thời kì mới, khi nhu cầu xã hội và cá nhân đã làm thức tỉnh cái tôi trữ tình của người làm thơ. Nhu cầu xã hội thường là những gì bức thiết nhất của thực tại, do thực tại yêu cầu. Chẳng hạn, thời chống Mỹ đó là độc lập tự do của dân tộc. Tất cả những hoạt động tinh thần, trong đó có sáng tác thơ văn, nếu nằm ngoài “sự bức thiết thường nhật” này không phù hợp, không được đón nhận... và vì thế không thể phát triển. Kể từ sau năm 1975, đặc biệt là sau 1986, với chủ trương đổi mới, trong xã hội ta, nhu cầu bức thiết nhất, theo chúng tôi là khát vọng dân chủ.

Đối với văn học, đặc biệt đối với sáng tác thơ ca, dân chủ là điều kiện làm nảy nở những sáng tạo mang đậm màu sắc của chủ thể, là những sản phẩm rất riêng tư, rất độc đáo, không lặp lại, chỉ là đơn nhất. Nhà thơ sẽ tìm ra tiếng nói riêng của mình trong sáng tạo. Văn học, không có gì khác ngoài tiếng nói riêng của mỗi người trong vô vàn những tiếng nói khác. Bởi vì, bổn phận của nhà thơ là buộc phải thêm vào kho tàng văn hoá nhân loại một điều gì đó không có sẵn, không lặp lại. Tuốcghêniép nói: *“Cái quan trọng của tài năng văn học là tiếng nói riêng của mình. Đó chính là đặc điểm để phân biệt chủ yếu một tài năng độc đáo”*. Nếu ngày trước Hoài Thanh nói về cái tôi của thơ mới là *“càng đi sâu càng thấy lạnh”*. Nếu giai đoạn chống Pháp và chống Mỹ cái tôi hoà vào sức mạnh của cái “ta”, cái chung của dân tộc, thời đại... và cái riêng tư được xem là những “ngọn gió siêu hình” thì hôm nay cái tôi trở lại với đúng nghĩa của nó, thường nhật và giản dị, của chính mình, do mình chịu trách nhiệm, không vay mượn, không che đậy, dám công khai thừa nhận cả những mặt tối, mặt che khuất, mặt chưa hoàn thiện của mình bên cạnh những phẩm chất khác.

Có thể nói sáng tạo thơ là một hành động chủ quan, cái chủ quan đó nó tồn tại và trở thành một hoạt động trung tâm quy tụ hầu hết những yếu tố cảm xúc, thành cái tôi trong thơ. Và lẽ dĩ nhiên khi tìm hiểu về thơ Đoàn Thị Lam Luyến chúng tôi soi xét *cái tôi trữ tình* trong thơ chị để sáng tỏ các yếu tố khác trong thơ chị như đề tài, như cảm hứng sáng tác.

Hình tượng *Cái tôi trữ tình* là sản phẩm văn hóa tinh thần của loài người, nó chỉ xuất hiện khi con người bước vào giai đoạn văn minh, khi tư duy thơ ca đạt đến một trình độ nhất định. Xung quanh khái niệm về cái tôi trữ tình, đã có rất nhiều cách hiểu khác nhau của các nhà khoa học, nhà triết học, nhà tâm lý

học, nhà lý luận và phê bình văn học... Dù có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng trong quan niệm chung nhất thì *Cái tôi trữ tình* là sự thể hiện trực tiếp những xúc cảm và suy tư chủ quan của nhà thơ hoặc của nhân vật trữ tình trước các hiện thực cuộc sống. Nói một cách khác, quá trình tìm hiểu về *cái tôi trữ tình* là quá trình đi tìm hiểu một phạm trù mỹ học của thế giới tinh thần. Nghĩa là giúp độc giả nhận thức về mối quan hệ giữa con người với con người, cũng như sự tồn tại của cá nhân trước cộng đồng. *Cái tôi trữ tình* có một cấu trúc mang tính nghệ thuật với vai trò tổ chức thế giới hình tượng thành một chỉnh thể thống nhất nhờ các phương tiện ngôn ngữ, khả năng xúc cảm toàn bộ thế giới thực thành thế giới tinh thần bền vững, thống nhất đầy sáng tạo mang những nét cá tính rất riêng. Tất cả nhằm đến một đích cuối cùng là giúp độc giả nhận ra những tư tưởng thẩm mỹ nhất định... Câu hỏi đặt ra ở đây là: Suy cho đến cùng thì khi nghiên cứu về thơ đều phải xuất phát từ *cái tôi trữ tình* của nhà thơ. Vậy bản chất của *cái tôi trữ tình* trong thơ là gì?

Nếu hiểu theo nghĩa hẹp, nó là hình tượng cái tôi cá nhân cụ thể, cái tôi tác giả gắn liền với cuộc đời tác giả, với cảm xúc riêng tư, là một loại nhân vật trữ tình.

Hiểu theo nghĩa rộng, nó là nội dung thẩm mỹ của các tác phẩm trữ tình. Nói một cách khác, *Cái tôi trữ tình* là biểu hiện tập trung của tính chủ quan trong thơ trữ tình. Bản chất chủ quan của chủ thể trữ tình thể hiện ở nguyên tắc tiếp nhận và tái hiện đời sống thông qua toàn bộ nhân cách của con người trữ tình. Ở đây cá tính người trữ tình với phong thái, ấn tượng, sự độc đáo chiếm vị trí chủ đạo và người đọc thông qua đó để lĩnh hội thế giới. Cuộc sống sẽ được nhận thức, lý giải thông qua lăng kính cảm xúc của nhân vật trữ tình.

Cái tôi trữ tình có bản chất xã hội tâm lý, bản chất tự ý thức bởi vì nó tồn tại trong vô vàn mối quan hệ với đời sống chịu sự chi phối bởi quy luật, các điều kiện xã hội truyền thống văn hóa, đạo đức, lịch sử, triết học, thẩm mỹ. Theo PGS.TS Vũ Tuấn Anh *Cái tôi trữ tình là sự hội tụ thăng hoa theo quy luật nghệ thuật cả ba phương diện cá nhân – xã hội - thẩm mỹ trong hình thức thể loại trữ tình. Sự chiêm nghiệm đời sống của một người xuyên qua lăng kính chật hẹp của mình lại luôn phản chiếu những vấn đề chung nhất của con người để từ đó kết tinh những giá trị nhân bản.* Như vậy, như một chỉnh thể toàn vẹn và đa dạng, thế giới tinh thần của cái tôi luôn có sự đối lập nội tại: không – có, trong – ngoài, quá khứ - hiện tại, hiện tại – tương lai, mơ - thực ... tạo nên những mâu thuẫn và đấu tranh. Điều đó tác động khiến cái tôi vận động và phát triển. Cái tôi có chức năng nội cảm hóa thế giới, biến thế giới khách quan thành chủ quan, trở thành chủ thể của giá trị, của cái nhìn. Nó tổ chức thế giới hình tượng thành một thể thống nhất.

Với bản chất tâm lý xã hội của mình, cái *Tôi* là cơ sở của *cái tôi trữ tình* trong thơ. Cái *tôi* ấy có thể trở thành cái tôi nghệ thuật khi nó có nhu cầu tự biểu hiện, nhu cầu được giao tiếp để tìm sự đồng cảm và nó được bộc lộ bằng ngôn ngữ nghệ thuật. Thông qua một trạng thái cảm xúc đích thực của cái tôi trữ tình, người đọc không chỉ gặp riêng cái tôi nhà thơ mà cả một thế giới hiện thực với những mảng sáng, tối, hạnh phúc và nỗi đau, niềm tin và sự đổ vỡ... được mở ra một tầm cảm thức mang tính nhân loại. Đôi lúc ta bắt gặp nhà thơ là nhân vật, là cái tôi, là hình tượng trung tâm. Ta thấy thơ và tác giả thơ hòa vào làm một. Khi ấy cái tôi đích thực là *cái tôi – nhà thơ*. Lúc khác ta lại thấy nhân vật trong thơ vẫn là tôi nhưng lại không phải là nhà thơ. Khi ấy nhà thơ hóa thân thành *cái tôi - trữ tình*.

Sự bộc lộ bằng nghệ thuật của cái tôi trữ tình thể hiện ở những phương tiện vật chất cảm tính như hệ thống hình ảnh, biểu tượng, nhịp điệu, âm thanh, ngôn ngữ, nhạc điệu... đó là thế giới của sự quy ước với một không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật riêng. Thế giới ấy vận động bên trong khác hẳn với sự vận động bên ngoài. Thế giới nghệ thuật của *cái tôi trữ tình* là thế giới mang giá trị thẩm mỹ kết tinh từ cái nhìn nghệ thuật của nhà thơ và từ giá trị văn hóa truyền thống... Do vậy thế giới nghệ thuật của *cái tôi trữ tình* không chỉ thể hiện ra với tư cách là sự khái quát những phẩm chất chủ yếu mà còn là đại biểu của một tiêu chuẩn thẩm mỹ nhất định.

Người nghệ sĩ dựng lên cho mình hình tượng *cái tôi trữ tình* để tìm đến *Sự đồng vọng trong trái tim mọi người*, tìm đến tiếng nói tri âm để khẳng định bản chất tinh thần và vượt qua giới hạn của thể xác tầm thường. Nhà thơ luôn cố gắng để tạo cho mình một thế giới giá trị thẩm mỹ để nhận thức về lẽ tồn tại “Ta là ai” trong cuộc đời. Trong thơ trữ tình, cái tôi bộc lộ thái độ trực tiếp trước hiện thực, nó vừa là chủ thể lại vừa là khách thể.

Cùng với sự vận động của cuộc sống và sự thay đổi của lịch sử, cái tôi trữ tình luôn vận động để làm mới mình, để theo kịp nhu cầu bộc lộ của bản thân và nhu cầu thẩm mỹ của thời đại... Bởi thế mà trong mỗi thời đại thi ca lại có một kiểu cái tôi trữ tình đóng vai trò chủ đạo, thể hiện sự tập trung cao độ tinh thần của thời đại. Ví như trong thơ trữ tình cổ điển, tính chất của cái tôi trữ tình là “Phi cá thể, siêu cảm giác”, thì đến cái tôi trữ tình trong thơ mới là một cái tôi lấy tâm hồn làm đối tượng, làm tiêu điểm để khẳng định quyền sống của mình, lấy tự do để làm thước đo chiếm lĩnh thế giới. Sang đến giai đoạn văn học cách mạng - thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ- cái tôi trữ tình lại là hình ảnh những con người mang lẽ sống lớn, tình cảm lớn và niềm tin chiến thắng, những con

người mang tầm vóc sử thi và tinh thần lãng mạn. Bước sang thời kỳ đổi mới, “Cảm hứng ca ngợi đã chuyển dần sang lắng đọng và suy tư” ... Càng ngày cái tôi càng có dịp cởi trói khỏi những ràng buộc để nói thẳng, nói thật và trăn trở về lẽ tồn tại của mình. Trong mỗi giai đoạn, mỗi dân tộc, mỗi giai cấp con người phải chịu sự ràng buộc của các mối quan hệ xã hội. Xã hội càng phát triển, càng thay đổi bao nhiêu thì cái tôi trữ tình cũng theo đó mà thay đổi bấy nhiêu.

2.2. Cái tôi trữ tình trong thơ Đoàn Thị Lam Luyến.

2.2.1. *Cái tôi bản khoăn day dứt trước hiện thực đời sống.*

Đoàn Thị Lam Luyến đến với thơ khá sớm nhưng chị lại thành công hơi trễ. Sáng tác và phát triển cùng thời với Trần Đăng Khoa nhưng sau đổi mới độc giả mới được đón nhận tập thơ đầu tay của chị. Cuộc sống lam lũ vất vả, tình yêu trái ngang và nỗi đam mê với thơ đã tạo nên một Lam Luyến sâu sắc, đa tình và đa cảm. Lam Luyến sớm phải đối mặt với những khó khăn trong cuộc sống và hiện thực khắc nghiệt để tự mình vươn lên, đứng thẳng và chiến đấu với cuộc đời. Là phụ nữ nhưng đã có giai đoạn chị phải cáng đáng tất cả công việc của gia đình, của chồng mà không một lời kêu than. Chị bản khoăn day dứt với hiện thực ấy, biết nó đen bạc mà chỉ biết than. Đã trút hết tâm huyết cho tình yêu, dệt nên giấc mộng lứa đôi.

Từ lâu, lâu lắm rồi

Giấc mộng về lứa đôi

Âm thầm như quyền rũ...

Tình yêu - món quà vô giá mà thượng đế ban tặng cho con người, khát vọng tình yêu, giấc mộng tình được dệt nên từ hương hoa sữa ngọt ngào, với

những tia hạnh phúc và niềm hi vọng đến cháy lòng, nhưng chiếc áo tình yêu mới đan xong một nửa thì...

Người bỏ áo đi đâu

Lỡ một thì con gái.

(Lỡ một thì con gái.)

Xót xa, túi hờn chị chỉ còn biết gửi vào nước mắt, gửi vào đáy lòng những mảnh trống trong tâm hồn. Thói đời là thế, lúc nào cũng như muốn giấu cọt, cũng như muốn trêu ngươi con người ta và rồi ruồng bỏ con người ta trước bên bờ cuộc đời.

Anh bỏ em đi thẳng

Không cả ngoái đầu nhìn.

Ngực em trong điểm ngắm

Đạn xuyên vào giữa tim!

Đôi mắt em nhòa sương

Sương trắng pha thuốc độc

Không khóc, em không khóc

Mà lệ cứ tuôn hoài....

(Chiều sương)

Người phụ ta, đời phụ người nhưng cái phụ ấy ta sao cảm thấy hết được, chỉ là khắc khoải trong chính trái tim ta, Lam Luyến yêu và dâng hiến nhưng người đàn ông ấy, cái người mà chị tin tưởng và dâng hiến trọn vẹn tình yêu ấy lại phụ tình chị. Rồi cũng những tình yêu ấy hờ hững, lạnh lùng làm con tim người đang yêu đau đớn, túi hờn như một kẻ ăn mày.

Em là kẻ ăn mày sang trọng,

Một chiều bèn gõ nhà anh....

Dù rằng đã cố kéo lại bằng một chút kiêu hãnh đầy cay đắng.

Em đói khát nhưng vẫn làm ra vẻ

Rồi chiều hôm bầm bụng ra về.

(khách mời)

Hứng chịu những đau đớn xót xa, tủi hờn khi bị phụ tình. Ai khi yêu chẳng mong có được tình yêu trọn vẹn, chẳng mấy ai muốn tình yêu của mình bị sẻ chia cả. Thế nhưng trên thực tế Lam Luyến đã phải ngậm ngùi chứng kiến cảnh *người ôm ấp kẻ khác mình*, cảnh người ta nâng niu từng đồ vật còn vương hơi ấm của người tình.

Ghế người ta ngồi đầy

Anh choàng để dành hơi

Bàn người ta viết đầy

Đêm đêm ủ lầy hơi người

(Chuyện về anh)

Ngậm ngùi nhận ra người của mình đa tình.

Nơi nào anh cũng dễ say

Nơi nào cũng sẵn vòng tay đợi chờ.

(Nhớ Hồ Xuân Hương)

Đâu chỉ dừng lại ở đó. Thói đời đâu chỉ ở sự phụ bạc, nó còn là đòn roi thô bạo.

Mấy khi được mẻ no đòn

Đã dăm cú đâm lại còn bạt tai

Má căng như một trái xoài

Mất mờ nào thấy bóng người nữa đâu?

Đau đớn về mặt thể xác chỉ là chuyện bên ngoài, nhưng nỗi đau trong tâm hồn bị tổn thương mới là nỗi đau không dễ gì chữa lành được.

Lạ kỳ lại chẳng thấy đau

Chỉ nghe buốt một vùng sâu tâm hồn...

Để rồi khi cảm xúc bị chai sạn đi, nỗi đau thể xác không làm đau được nữa. Ném trái đầy đủ và thấm thía nỗi đau cả về tinh thần và thể xác khiến Lam Luyện *vừa lòng* mới lạ.

Đánh đòn đã thỏa ý chưa

No đòn mà lại thấy vừa lòng đây?

(No đòn)

Đau lắm chứ, hận lắm chứ. *Vợ chồng là cái gì?* mà sao từ khi về sống với nhau lại *chỉ biết đời buồn tẻ?* Buồn tẻ đến độ *ngán chuyện tình duyên*. Ngán đến độ muốn ném bỏ, muốn để ngoài tai, muốn nó chỉ là một giấc mộng để *Tôi được yên thân* (Hãy làm tôi điếc...) Liệu có phải tại bởi vì :

Ta đã gửi cho anh

Cả con tim dào dạt.

Và anh trả cho ta

Nỗi buồn đau tan nát!

(Gửi tình yêu)

Cho rất nhiều nhưng chẳng được bao nhiêu! Có khi chị đem cho *Tình thật như cây* để rồi nhận về *Dối gian như lá* (Vân đại). Thậm chí chị đã *Ban ra như là đức chúa* và rồi *Nhận về như một kẻ ăn xin* (phận bé). Cô đơn, cay đắng xót xa, thấy mình như một con lừa, thấy mình sao chật vật sống trong cuộc đời đầy đầy những kẻ lừa tình?

Những con lừa biết hát, biết đàn, biết cả những nụ hôn,
nên chẳng và đúng lúc.

Trái tim bé bỏng ơi chỉ còn nghe em khóc âm vang,

sâu thăm tâm hồn.

Giữa cuộc đời dang dặc nổi cô đơn.

(Những con lừa thế kỉ)

Đã là phụ nữ thì ai chẳng muốn được người mình yêu thương chăm sóc? Thế nhưng Lam Luyện đâu có được những phút giây may mắn ấy? Tất cả với chị chỉ dừng lại ở sự tưởng tượng. Thi sĩ họ Đoàn thốt lên trong tuyệt vọng *Sao không phải là anh? Mà lại là ngọn gió /... Mà lại là tia nắng / ...Mà lại là cái vông?* (Sao không phải là anh) Đôi khi chị cũng cảm thấy cần phải học hai chữ *chấp nhận* để cho trong ấm ngoài êm, dù cũng tủi hờn lắm chứ, xót xa lắm chứ... nhưng là *Phận bé* mà.

Lúc ấm chẳng thà được ấm
 Khi êm chẳng thà được êm
 Cái ngọt hòa trong cái đắng
 Nổi nhớ lẫn vào niềm quên.

(Phận bé)

Cũng có khi là tại bởi cái bóng của người trước quá lớn?

Bóng người đàn bà trước tôi,
 Làm nên giông gió một thời đã qua.
 Bóng người đàn bà trước ta,
 Ái ân bên những xót xa ghen ngào.

(Bóng người phía trước)

Cuộc sống vợ chồng, tình yêu đôi lứa gặp chắc trở, mặn nồng thừa ban đầu nhạt dần *Mặn mà cũng khác ngày xưa*, đã đến độ *Tình nhân đã lạt như bèo* (Tôi muốn giã từ cái xác) Liệu có phải bởi:

Từ lâu đã mất đi rồi

Niềm vui thường trực trong tôi tháng ngày.

(Không đề)

Trái tim như bị tan vỡ ra thành nhiều phần, có buồn, có vui, có lạc quan, có khổ đau và sự hi sinh nữa. Thế nhưng.

Thóc vẫn mình em xay

Con một mình em ẵm.

Tóc mọc thêm sợi trắng

Má sạm rồi hay không?

Hết đêm lại đến ngày

Chờ anh câu dạm hỏi.

(Sao chẳng thành đôi)

Duyên đầu lỡ nhịp, duyên sau theo đó cũng chẳng tròn vẹn gì cho cam... Sự đổ vỡ trong tình yêu và sự phụ bạc của người đàn ông đối với Lam Luyến đã trở thành nỗi ám ảnh và rào cản lớn trên con đường đến với hạnh phúc tiếp theo của chị.

Theo anh em lỡ mười phương lấy chồng.

(Đa mang)

Khi tình yêu tan vỡ, khi bị dối lừa phụ bạc, người đàn bà thất tình chỉ còn thấy cay đắng. Những Trần Phương, Thúc Sinh, Sở Khanh và tệ hơn nữa là những tên Yêu Râu Xanh đều được Lam Luyến nhắc tới

Dù hóa trang gương mặt mình , khéo đến thế nào đi chăng nữa

Anh vẫn là một Thúc Sinh thôi,

Kỷ niệm Lâm – Truy, Kiều có phải báo ân đền nghĩa

Anh cũng đã đem em đi bỏ chợ người

(Kiều có ở trong em...)

Nợ với Kim Nham, hận với Trần Phương

Ân với oán đôi đường khôn thể trả...

(Vân đại)

Và cuối cùng chán nản tất cả, chị đòi được trả lại cho mình dù là có cô đơn, dù có là hoang dã *Trả ta về cô đơn/ Trả ta về hoang dã*. Bởi

Cứ sống mãi thế này

Đến ai rồi cũng chán.

Bởi cứ một ngày vui

Thì chín ngày buồn thảm.

.....

Chả lẽ không có bạn

Một mình thì cô đơn.

Nhưng khổ vì có bạn

Thà ở vậy còn hơn....

(Trả ta về cô đơn)

Bởi thấy xót xa quá, đau đớn quá... Trong lòng chỉ còn lại *Những tro tàn nham nhở*, chỉ toàn là *bia mộ* và nỗi đau ấy sừng sững vết thương mà thôi.

Bạn đã nhen vào tôi

Ấm nồng như ngọn lửa.

Rồi để lại trong tôi

Những tàn tro nham nhở.

... Rồi để lại cho tôi

Chỉ toàn là *bia mộ*.

... Rồi để lại trong tôi

Nỗi đau như đại thụ.

(Vết thương - Chồng chị, chồng em)

Còn đây vết thương rỉ máu

Lành da sẹo vẫn muôn đời.

(Vết thương - đại yêu)

Xong, âu đó cũng là lẽ thường tình. Có phải ai đi đãi cát tìm vàng cũng đều thấy vàng? Số phận đã an bài như thế. Cái cũng chả được!

Tôi, trong chuyện tình yêu

Như người không có số được vàng

Dẫu gặp vàng

Cầm được vàng

Vàng cũng thành đất sỏi

(Không có số được vàng)

Sau đổ vỡ chị bình tĩnh như một vị luật sư trước tòa án của ái tình, cất lời biện hộ cho chính mình dù cũng có lúc nhận ra cái đã qua giống như là *Ảo ảnh* đầy ái ngại và tội nghiệp *Cơn mưa ảo ảnh - Vẫn ngoài khơi xa – Cơn mưa hành khát - Từ mùa nắng nôi* (Ảo ảnh). Chị đã dùng những lời lẽ rất hay, rất thấu tình đạt lý nhưng sự thật thì cuộc đời không phải vậy.

Có đâu như số trời đầy

Phong trần cả mấy vạn ngày thế gian

Xong, thật ra, nhiều khi Lam Luyến cũng khắc khoải, hồ nghi lắm. Chẳng thế mà chị thốt gọi mẹ trong nỗi đau của ái tình

Mẹ sinh em đêm hay ngày.

Mà sao như kiếp trôi đầy thế gian

Đa tình liền với đa đoan

Tor duyên chấp mối lại càng đứt thêm.

(Không đề)

Tuy vậy, sự sống không bao giờ chán nản ở con người đa tình, đa đoan này. Dầu thói đời đen bạc thế nào chị vẫn khát khao đi tìm, vẫn dám thế chấp trái tim, và vẫn muốn *dấn thân yêu* cho một *thiên tình cuối*. Cũng biết mơ *Tôi mơ tắt cạn biển này/ Để tìm cho được tháng ngày đôi ta* (Trên lưng cá voi). Và thốt lên

Vô tội mình vô tội

Với niềm mong đời đời

(Ngã ba đường)

Dù mạnh mẽ đến đâu thì cũng chỉ là một người đàn bà bé nhỏ bình thường với những ước mơ hạnh phúc cũng rất bình dị, đời thường. Chị vẫn mơ về một người.

Hồn như sen một lá thơm tươi

Dầu đôi vai lắm, đôi tay lắm.

(Một sáng ban mai)

Một người *Đẽ thương như cây và hiền lành như đất* (chiến tranh) . Và như bất cứ người đàn bà nào, Lam Luyện cũng khao khát được sinh sôi, và mơ về một mái ấm gia đình, mơ được sinh con đẻ cái, mơ được làm mẹ.

Em sẽ đẻ cho anh: một đứa,

 rồi một đứa.

Và hai chúng mình bồng bế chúng đi chơi.

(Đàn bà)

Gái trai cũng thêm một đứa

Cho anh bế bế bồng bồng.

(Thiên tình cuối)

Lam Luyến đã vượt qua được những đắng cay, vượt qua được những mất mát đau thương và tin vào cuộc sống. Trăn trở xói lật cuộc sống để thấy cuộc sống không đến nỗi tuyệt vọng. Vẫn còn đó niềm tin, tình yêu và hạnh phúc dù thật ra đôi lúc thấy mình còn *non nớt* lắm.

Bốn chục tuổi chưa khỏi điều non nớt

Cả tin nghe, cả tin nói, cả tin cười

Que diêm mảnh cứ châm bờ dạ ướm

Khói lửa nào đang đốt trái tim tôi.

(Châm khói)

2.2.2. Cái tôi - người tình đam mê, mãnh liệt

* *Thể hiện bản năng yêu dữ dội, vừa truyền thống vừa hiện đại*

Tình yêu là chủ đề lớn gần như bao trùm trong thơ của Đoàn Thị Lam Luyến, như là sự thể hiện tập trung nhất cái riêng tư của con người cá nhân. Cái tôi trữ tình trong thơ Lam Luyến rất chân thành, thú nhận tình yêu trong một tương quan dặt. Lam Luyến thể hiện bản năng yêu dữ dội. Từ những xúc cảm ban đầu không hề che dấu đến những xúc cảm mãnh liệt trong tình đầu, tình sau, tình muộn và trong cả đời sống vợ chồng - một kiểu thú nhận tình yêu nhẹ nhàng đầy đam mê. Càng ngày, cái tôi trữ tình trong thơ Lam Luyến càng bộc lộ những khát khao cháy bỏng trong tình yêu. Một người phụ nữ làm thơ và yêu đến cháy bỏng, yêu dâng hiến chứ không chấp nhận thứ tình yêu hời hợt, nửa vời. (Với Lam Luyến thì sự suồng sã trong đời sống vợ chồng, sự hời hợt trong tình yêu là điều không thể chấp nhận).

Đồng quan điểm với Lâm Thị Mỹ Dạ, Lam Luyến ý thức được rằng khi yêu là cần phải cháy hết mình và phải là sự dâng hiến cho nhau.

Tình yêu không là cuồng nhiệt
E khi sương gió lạnh lùng
Tình yêu không là dục vọng
Tự mình thiêu cháy như không
(Tình yêu)

Ngay từ cảm xúc đầu tiên khi tình yêu chớm nở, nhà thơ không ngại bộc bạch mà tỏ lòng sớm với bạn tình:

Cứ mong anh đến nhà
Dù một lần ít ỏi
Chẳng cần nghe anh nói
Chỉ nhìn nhau, nhìn nhau...
(Mong anh)

Nỗi nhớ mong khắc khoải ấy dệt nên từ niềm tin, tình yêu và chỉ bấy nhiêu đó thôi đủ cho một trái tim yêu thấy “Chỉ được nhìn nhau thôi/ Đủ làm ta no ấm”. Yêu và nhớ là hai mặt của tình yêu, yêu càng say đắm thì nỗi nhớ càng da diết. Lam Luyến cũng thừa nhận thế, nhưng nỗi nhớ của Lam Luyến không phải là nỗi nhớ thường trực được gửi vào những cảm nhận đời thường như của Ý Nhi.

Thành phố nào bây giờ tháng ba
Mà nỗi nhớ chói lòng như lửa
Những con đường hàng cây
Những dòng người xe cộ
Nào có gì không nhắc nhớ về anh?

(Tháng 3 – 1977, Ý Nhi)

Cũng chẳng giống nỗi nhớ mà Xuân Quỳnh gửi vào Sóng đầy chân thực, tinh tế thể hiện sự cồn cào của một trái tim rạo rực khao khát.

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

(Sóng – Xuân Quỳnh)

Cũng chẳng phải nỗi nhớ giống Lâm Thị Mỹ Dạ in trên muôn lá trong một thoáng *sững sờ* khi chị đứng dưới vòm cây xanh lá – nơi thừa nào họ hẹn hò để gửi một nụ hôn lên trời cao.

Tôi đi giữa mùa lá non

Sững sờ bao dáng lá

Nhớ ai

Tôi gửi nụ hôn lên trời...

(Như lá – Lâm Thị Mỹ Dạ)

Nỗi nhớ của Lam Luyến trong tình yêu khác lắm, lạ lắm nhưng gần gũi lắm... cũng bởi chính cách chị nói với “anh” mà thôi.

Một ngày xa anh

Bằng một năm thương thương nhớ.

Ba ngày qua

Bốn ngày qua

Xâu lại thời gian

Thành chuỗi ngày đáng sợ.

(Châm nỗi nhớ)

Mở cửa

chờ anh

Châm nỗi nhớ

Em thấp vàng suốt cả năm canh.

(Giận chi mà giận mãi)

Thời gian trữ tình độc đáo – siêu thời gian. Tất cả tình yêu thương, tất cả nỗi nhớ của Lam Luyến thiết tha, đọng đầy... tất cả những cảm xúc dồn lại trong một ngày mà bằng nỗi nhớ một năm. Nỗi nhớ ấy xâu lại thành chuỗi - cách nói hữu hình hóa cái vô hình - Nỗi nhớ ấy bộc lộ một tình yêu nồng nàn, mãnh liệt. Nỗi nhớ khiến em suốt năm canh trằn trọc. Đó là bản năng yêu - một bản năng vừa truyền thống , vừa hiện đại.

Năm tháng qua đi, con người ta cũng suy nghĩ chín chắn hơn và tình yêu trong con người ta càng theo đó lớn dần lên, nồng nàn hơn, thiết tha và sâu lắng hơn. Dầu đó là tình yêu muộn màng nhưng không thể kém phần mãnh liệt, kém đi sự đam mê.

...Đầu có bao nhiêu tóc
Thương anh bấy nhiêu lần.
Ta yêu nhau muộn màng
Thương nhau sao mãnh liệt?

.....
Muốn hôn từ mẩu đất
Mà bước chân anh qua.
Mỗi miền quê anh đến
Đều muốn nhận quê nhà...

(Trăng rằm)

Tình yêu là nỗi nhớ da diết, đếm từng ngày, đếm từng đêm, đếm từng khoảng khắc để mong chờ. Nỗi nhớ châm nhen từ tình yêu cháy bỏng, mấy ai dạt dào như chị, mấy ai bộc lộ ra như Lam Luyến ?

Ba ngày rồi anh ơi
Bốn ngày rồi anh ơi

Tim em thất lại
Ruột em rồi bời.
Vui đâu?
Ở đâu?
Hãy về với em một chốc....
(Châm nổi nhớ)

Em vẫn đợi
Vẫn chờ
Dẫu chỉ là huyền thoại một tình yêu.
(Huyền thoại)

Một trái tim biết yêu là một trái tim biết cháy với đam mê điên dại. Bằng con tim yêu nhạy cảm, một hồn yêu mê dại và một trái tim nếm trải những đắng cay, mặn ngọt của ái tình, Lam Luyến bộc lộ cho độc giả thấy một sắc thái yêu đặc sắc.

Nếu hạnh phúc không thể là vĩnh viễn
Điên - cũng cần cho xứng với đam mê.
(Gọi Thúy Kiều)
Chỉ có thể là điên, điên chẳng thể là một lần
Điên để thế gian này không bắt chước
Điên để trắng và đen không hiểu được
.....
Để muôn đời cười trách Xúy Vân tôi.
(Vân đại)

Chẳng thể diễn tả bằng lời cho hết được tình yêu cuồng si, mãnh liệt của mình nên Lam Luyến chọn chữ “Điên” mà bộc lộ. Đã là *đam mê* thì khó giải

thích vì sao lại đam mê? Có lẽ bởi thế nên *điên* một chút âu cũng là lẽ thường. Hơn nữa ai chả biết *điên* là trạng thái cao nhất của tình yêu, yêu si mê ngây dại, yêu đến quên mọi thứ quanh mình. Yêu đến độ trắng đen cũng không hiểu nổi. Đó là khát khao, là đam mê của một con người đang muốn kiếm tìm hạnh phúc.

Tôi đang khao khát đi tìm

Một tình yêu chỉ là riêng của mình.

(Đi tìm)

Chẳng thế mà nửa đời người rồi mà vẫn mộng mơ tin vào lời yêu thương , vẫn hài lòng bởi những lời yêu thương ngọt ngào.

Anh yêu em như yêu gió, yêu mây, yêu trời, yêu đất

Như yêu ruộng, yêu đồng, yêu nhạc, yêu thơ

Nửa đời rồi em vẫn cứ mộng mơ

Nên rất chi hài lòng với lời yêu được ví von như thế.

(Đừng hứa sẽ cho nhau)

Để có được tình yêu không dễ, có những lúc để có được hạnh phúc tưởng như giản đơn đó người ta phải lao vào cuộc *chiến tranh* để dành lấy nó.

Em đã đoạt anh từ tay người đàn bà kia,

Như người đàn bà kia đoạt anh từ tay người đàn bà khác.

(Chiến tranh)

Xưa thì chị, nay thì em

Phải duyên chồng vợ nối thêm tơ hồng.

(Chồng chị chồng em)

Theo Lam Luyến, giành lại tình yêu chính là một cuộc chiến giữa những người đàn bà nhằm chiếm đoạt những người đàn ông *Bên nào anh cũng sang chơi / Bên mía lở, bên bồi ngô non*. Và chị cũng ý thức được rằng hạnh phúc mà

mình vừa giành được ấy cũng mong manh lắm. Cần phải mạnh mẽ và táo bạo nữa vì trong cuộc chiến tranh tình ái khó đoán trước được kết quả sẽ ra sao. Chị không ngại ngần bộc lộ niềm âu lo ấy bởi.

Anh vốn yếu mềm và biếng nhác
 Miếng mồi của chiến tranh man rợ diệu kỳ.
 Em sừng sốt nghĩ tới một ngày anh lại bỏ ra đi.

(Chiến tranh)

Vậy làm sao đây? Bước đầu tiên chính là giữ cho mình một tình yêu thuần khiết và một lòng một dạ với người ta đã. Dẫu là cuộc đời có nhiều cám dỗ nhưng tình yêu dành cho anh, chỉ biết có mình anh mà thôi. Dẫu đó là *vàng trên núi* hay là *quả chín trên cao* thì vẫn mãi là *trái tim em có hình anh gắn chặt* (châm nổi nhớ) và Lam Luyện biết tình yêu luôn gắn với đời thường nhưng trong cái hữu hạn của cuộc đời thì tình yêu là vĩnh cửu, tình yêu bất tận và bền vững và vượt ra khỏi giới hạn tầm thường của lẽ sinh tử. Nó là sự đan cái giữa thực và ảo, giữa vô hạn và hữu hạn. Yêu trọn vẹn cả kiếp này và kiếp sau.

Hồn là mình, Xác là tôi
 Người cuối bể, kẻ cùng trời, tìm nhau.
 Nhập Hồn, Xác biết sẽ đau
 Lại yêu, yêu đến kiếp sau với Hồn.

(Yêu đến kiếp sau)

Như đã nói, Lam Luyện yêu khá táo bạo, chị chẳng ngại phải bộc lộ sự táo bạo ấy trong thơ của mình. Sự nồng nhiệt trong tình cảm bộc lộ trong cách mà thi sĩ họ Đoàn yêu. Với chị, những người yêu nhau là những cặp không thể tách rời, thế nên Lam Luyện hoan lạc tận hưởng những phút giây đó do tình yêu đem

đến (Căn bản là nàng đã được yêu, và có vẻ là với nàng như thế đủ mãn nguyện lắm khi đứng giữa cuộc đời căn cõi này)

Khi yêu nhau hai ta như là một

Ta với mình đâu dễ xẻ làm đôi.

(Hai nửa)

Lam Luyến yêu táo bạo, mà táo bạo thật! Mấy ai yêu đến độ *Còn cào* , đến độ *Chí chết* ... như Lam Luyến không? Cách chị dùng động từ mạnh ở đây làm nên sự độc đáo cho tình yêu của chị, của người con gái thêm yêu, khát yêu.

Em yêu thương một người

Với còn cào bão tuyết

(Vàng trắng bỏ quên)

Em đây ngộ nhận như tôi

Cũng yêu chí chết cái người mình yêu.

(Em gái)

Không phải chỉ có thế. Chúng ta sẽ thấy trong cách mà Lam Luyến yêu vút lên lời ca của con tim đang khao khát, cháy bỏng khôn nguôi về một tình yêu lý tưởng: Một tình yêu ấm áp *Anh đắm thắm* , *anh bao dung/ Anh là đóm lửa cuối cùng đời em*. Một tình yêu khiến trái tim thao thức *Anh chênh chếch mảnh trăng tà/ Để em xao xác tiếng gà thâu đêm*. Thế nhưng đôi lúc tình yêu cũng lại mang triết lý hết như thể yêu lý trí lắm.

Em không muốn như Xúy Vân cả một đời trót dại

Thề làm chi để phải giữ câu thề.

Nếu hạnh phúc không thể là vĩnh viễn

Điên cũng cần cho xứng với đam mê!

(Gọi Thúy Kiều)

Người xưa, khi yêu thì *yêu cả đường đi*, giờ chị cũng yêu như thế, thậm chí có phần hào phóng và rộng rãi hơn.

Muốn hôn từ mẩu đất
Mà bước chân anh qua.
Mỗi miền xa anh đến
Đều muốn nhận quê nhà.
(Trăng rằm).

Rồi thậm chí là:

Em cũng yêu anh như sông như bể
Như ánh mặt trời, như thể vàng trắng
Đôi ta yêu nhau trời đất chẳng sánh bằng!
Như cái bát em ăn, cái chiếu em nằm
Không thể như tình yêu chỉ trên mây trên gió.
(Đừng hứa sẽ cho nhau)

Yêu không hề toan tính, yêu đến độ *Lỡ một thì con gái*, đến độ *lỡ cả mười phương lấy chồng*, đến đại yêu cơ mà... Yêu đại dột như Thị Mầu thuở trước.

Cha thường mắng em đại dột
Có bao cột nhà cũng đem đi.
(Hát theo Thị Mầu)

Lam Luyến yêu đến mù quáng, yêu đến độ lúc nào cũng tôn thờ và đề cao người tình của mình. Trong mắt nhà thơ – người đang yêu bằng tình yêu cháy bỏng - người ấy luôn là người có đức tính tuyệt vời nhất, người ấy có vị trí và quyền hành cao nhất.

Anh có trong tay tất cả

Tài danh, sức lực, quyền hành
Em là kẻ ăn mày sang trọng
Một chiều bèn gõ nhà anh.

(Khách mời)

Thậm chí người ấy còn là chúa, *là đóm lửa cuối cùng đời em* .

Anh là chúa trong em mãi mãi
Kẻ muộn màng sám hối chính là em

(Em chấp nhận lời nói dối)

Lỡ nhịp với người chồng đầu tiên, Lam Luyến kết hôn lần thứ hai không mấy suôn sẻ, có lẽ bởi thời điểm ấy người ta vẫn còn theo nếp nghĩ truyền thống *Trai khôn có nhiều vợ, gái chính chuyên chỉ lấy một chồng?* Lam Luyến đã mạnh dạn bước qua rào cản đó, thời cuộc bây giờ đã khác, cần phải bản lĩnh đấu tranh giành lấy quyền được yêu. Dẫu biết tình yêu mới sẽ là nhiều những thiệt thòi, nhiều những đau khổ của phận người đến sau.

Xưa thì chị, nay thì em
Phải duyên chồng vợ, nối thêm tơ hồng.
Được lúa, lúa đã trở bông
Được cải, cải đã chặt ngồng muối dưa.
Mặn mà cũng khác ngày xưa
Bâng khuâng như chữa bao giờ bèn duyên.

.....

Chị thản nhiên mỗi tình đầu
Thản nhiên em nhặt bã trầu về têm.

(Chồng chị, chồng em)

Thản nhiên mà đau xót, đau xót đến tận cùng, cái miếng trầu mà nước cốt của nó, cái vị thơm cay, cái mê say của nó thuộc về người đàn bà trước đó rồi còn đâu? Anh chỉ còn là bã trầu mà thôi. Nhưng Lam Luyến dừng dừng chấp nhận nó như thể với chị đó là định mệnh. Phận của chị đã xong, giờ đến duyên của em. Vui và buồn, băng khuâng và tỉnh táo. Biết là sẽ có nhiều thiệt thòi nhưng Lam Luyến cũng không ngại ngần khẳng định cái mà mình đang được sở hữu. Tình yêu đầu muộn nhưng nó là *duyên nợ*. Đó chẳng phải là cái nhìn rất mới, rất hiện đại về hôn nhân sao? Ở Lam Luyến có sự phá cách trong hành động và cả suy nghĩ. Người phụ nữ hiện đại này đã dám đạp lên truyền thống mà *lẳng lơ* theo kiểu mặc kệ đời *Cứ* như thế đấy - một thái độ rất bất cần và quyết liệt.

Ai bảo mẹ sinh em đẹp?
 Ai xui cha muốn con giàu
 Cưới con thách năm đùm thóc
 Cưới con thách chục buồng cau.
 Em phải vu oan Thị Kính
 Em cứ lẳng lơ Thị Mầu.

(Hát theo Thị Mầu)

*** *Thể hiện các cung bậc cảm xúc phong phú trong tình yêu* .**

Tình yêu xưa nay vốn luôn phức tạp, chả thế mà biết bao nhiêu thi sĩ, biết bao nhiêu nhà triết học, nhà xã hội học cố gắng đưa ra một định nghĩa chính xác về tình yêu, nhưng chưa có một định nghĩa nào trọn vẹn. Bởi lẽ tình yêu vốn đa chiều, nhiều cung bậc cảm xúc. Có niềm tin mãnh liệt, có yêu đến cháy lòng, có nhớ nhung mãnh liệt, có hờn giận ghen tuông, có trách móc và có cả cung nựng... Tất cả những cung bậc tình yêu ấy đến và đi như một sự tình cờ và khó

kiểm soát. Cái tôi trữ tình trong thơ Lam Luyến bộc lộ hầu hết tất cả những cung bậc đó như một nỗi khát khao cho một tình yêu tròn vẹn, tràn đầy. Với Lam Luyến, cũng giống như những người phụ nữ khác, cũng giống trong thơ Xuân Quỳnh, thơ Ý Nhi và thơ Lâm Thị Mỹ Dạ, tình yêu không đơn thuần chỉ là tình yêu mà tình yêu là cái đẹp, cái tốt, cái cao quý của con người, nó là nỗi khát khao vươn tới sự hoàn thiện trong cuộc đời mình. Đó là một cái tôi hạnh phúc nhưng không hề bình yên thỏa mãn mà nó luôn vận động, luôn là nỗi khắc khoải để cố gắng đạt đến.

Tôi còn nhớ trong luận điểm của Angghen thì “Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ”. Và trong quan niệm truyền thống xưa nay của người Á Đông khá dứt khoát về điều này “Nhường cơm, nhường áo, không ai nhường vợ nhường chồng”, thế nên ghen là một xúc cảm hết sức tự nhiên, ghen để giữ gìn và bảo vệ cái thuộc về ta. Có yêu mới ghen chứ. Lam Luyến đã ghen đến tột cùng dù biết là ghen tuông chứa nhiều sự tự ái hơn là tình ái.

“Ghen như sôi và giận như điên

Người đàn bà với trái chín trên tay vừa bị lẫn xuống đất

Ghen như sôi và giận như điên

Người đàn bà với ước mơ chưa thành sự thật

(Chiến tranh)

Bằng cách dùng ngôn từ rất mạnh “sôi” và “điên” người đọc hình dung ngay được cái cảm giác của người phụ nữ đang ghen. Rõ ràng cuộc chiến tranh tình ái vô cùng cam go, vô cùng gay gắt... Cuối cùng thì *Em đã đoạt anh từ tay người đàn bà kia/ Như người đàn bà kia đoạt anh từ tay người đàn bà khác* . Đam mê mãnh liệt, yêu mãnh liệt và giờ thì ghen cũng mãnh liệt. Tình yêu thật là nhiều màu sắc!

Tình yêu tự ngàn đời nay vốn đã nhiều cung bậc, ghen rồi đấy , yêu rồi đấy và tất nhiên có cả những phút giận hờn. Những giận hờn rất vu vơ, trẻ con. Lam Luyến cũng thế, chị cũng biết giận, biết hờn, nhưng sau những giận hờn ấy là tình yêu cháy bỏng chị dành cho người yêu, giận mà chỉ mong xem ai là người sẽ làm lành trước?

Mới giận nhau một ngày
 Xem ai làm lành trước?
 Mặt chưa kịp quay đi
 Dạ đã thâm đếm bước.
 Ai sẽ làm lành trước
 Ai sẽ làm lành sau?
 Ai vắng nhau thì nhớ
 Ai thiếu nhau thì đau?
 (Miệng chưa nói hết câu
 Mắt đã nhòa ngấn nước)
 Nào thì giận nhau đi
 Xem ai làm lành trước?

(Nào thì giận nhau đi)

Đề rồi khi giận nhau nhiều hơn một chút, nhận thấy phút bối rồi khi *Giận nhau buổi ban chiều / Đêm đêm thì kẻ gối / Lẽ nào không bối rồi / Khi có bạn ở bên?* Và chợt nhận thấy –*Hạnh phúc có dễ đâu/ Xa nhau xin chớ vội* . Thế nên

Nếu phải anh có lỗi
 Lần sau xin hãy chừa
 Nếu phải em có lỗi
 Xin đừng chấp lời xưa

.....

Hãy xích lại mình ơi!

Giận chi mà giận mãi

(Giận chi mà giận mãi)

Cuộc sống vợ chồng phải chín bỏ làm mười mới mong hạnh phúc dài lâu, nhưng đâu có có phải hiểu như thế là làm được như thế, cuộc sống mà, vốn phức tạp hơn những gì chúng ta tưởng. Là lời dặn dò nhưng cũng là một sự tiếc nuối, đó là bài học cuộc sống! Cuộc sống cần ở nhau một niềm tin.

Nếu đã là vợ chồng

Xin chín bỏ làm mười

Dẫu không lại duyên trời

Âu cũng là ý mẹ!

Đừng một lần lầm lỡ

Đừng một ngợ hai tin

Ăn quả đừng chóng quên

Đã nên đừng chóng phụ

.....

Yêu nhau từ độ đầu xanh

Giờ đây trái chín lỡ đành phụ nhau?

(Nếu đã là vợ chồng)

Sau những nén nhịn, những đau đớn, xót xa của ái tình dành cho mình, Lam Luyến thấy bị dồn nén và trở thành nỗi oán hận đối với *người tình phụ bạc*.

Em như con tàu lạc bến

Có đi mà chẳng tới bờ

Em như cây cầu bắc trượt

Một mình bên đá bờ vờ.

(Chuyện về anh)

Tình yêu là phải trọn vẹn chứ! Anh phụ bạc anh lưu luyến một hình bóng không còn trước mắt mà lỡ quên em – người vợ trẻ ngay trước mắt – như thế có phải anh vô tình lắm chẳng? Lam Luyện, hờn ghen và trách móc, nhưng cách mà chị trách rất nhẹ nhàng, giàu chất nữ tính của người phụ nữ Á Đông.. Trách mà như lời tâm tình thủ thỉ, trách mà đầy lòng vị tha bởi *Em chấp nhận lời nói dối*.

Đôi lúc nhìn lại cuộc đời mình, nhìn lại những thăng trầm, đau khổ và mất mát mà mình đã trải qua, Lam luyện đã có sự liên hệ, sự so sánh số phận mình với những nhân vật tiêu biểu của các tác phẩm văn học giai đoạn trước. Sự so sánh ấy dù tương đồng hay khác biệt thì đó cũng là tiếng than cho những gì chị trải qua, là lời trách nhẹ nhàng, tinh tế tới ông trời, tới số mệnh mà chị phải chịu. Đó là sự so sánh với Hồ Xuân Hương, với Kiều, với Xúy Vân, Thị Mầu, Tố Tâm...

Em đứng giữa Đông, Tây, Kim, Cổ

Sao vẫn cứ là Kiều dang dở tình anh

(Kiều có ở trong em)

Em không muốn như Xúy Vân cả một đời trót dại

Em không muốn như Thúy Kiều biết tình yêu

là vật báu mà nỡ lấy hiều làm trinh

Em không muốn

Sao cứ là tất cả?

(Gọi Thúy Kiều)

Anh không một lần quyết đoán

Lỡ để em là Tố Tâm

(Cây hồng)

Thậm chí chị chẳng cần phải nói bóng nói gió nữa, mọi thứ rõ ràng như tự nó vốn thế. Lời trách nghe cay đắng, xót xa đau đớn đến tột cùng. Nó như một tiếng nấc nghẹn ngào

Em ở hiền

Em có ác chi đâu

Mà trời lại xui anh bắt đầu tình yêu

với người con gái khác?

(Huyền thoại)

Và rồi sau tất cả những yêu, ghen, giận hờn và trách móc ấy Lam Luyến đã tỏ ra mạnh mẽ hơn. Chị đòi trả lại tất cả, trả lại tình yêu, trả lại con tim, trả lại ánh mắt... bởi nhận thấy tủi hờn khi tình yêu mình trao quá nhiều còn anh dành lại cho mình là quá ít. Đó cũng là một cách chị phản kháng lại cho dù sự phản kháng ấy có hơi muộn màng nhưng chưa hẳn là vô nghĩa khi mà trái tim yêu vẫn còn nhận ra sự thật đắng đót.

Trả cho em linh hồn

Mà anh đang nắm giữ.

Trả em con tim lửa

Đã vì anh khát khao?

Trả cho em tình yêu

Để sau đừng đau khổ.

Trả cho em niềm tin

Để thôi đừng đổ vỡ!

Lam Luyến đã yêu bằng cả trái tim, linh hồn chị hoàn toàn thuộc về người mình yêu, tình yêu đó nồng nàn và rực lửa bởi mọi niềm tin đều gửi cả ở đó. Thế

nhưng cuộc đời ai biết trước được chữ “ngờ”, tình duyên đổ vỡ, mọi cảm xúc nhòa tan trong cay đắng, từ ánh mắt thừa nào trao nhau tình tứ, từ giọng nói ngọt ngào thừa mặn nồng, từ niềm tin, khát vọng ái ân... tất cả giờ đã nhuốm màu điêu tàn và xót xa cay đắng. Tình yêu không còn, níu kéo chỉ làm cho con tim tan nát thêm mà thôi.

Hãy trả lại cho em
 Từ màu xanh ánh mắt.
 Trả cho em trời đất
 Chưa nhuốm màu điêu tàn!
 Trả cho em tình oan
 Chưa mượn màu giả dối.
 Trả cho em giọng nói
 Chưa ghen lời đắng cay..
 Tuần trăng khuyết chưa đầy
 Lòng hai ta đã cạn:
 -Con tim em hạn hán
 Tình anh là mưa bay!
 (Trả cho em)

2.2.3. Cái tôi cô đơn, khắc khoải.

Tình yêu, cuộc sống không phải chỉ có niềm vui, hạnh phúc, nó còn có khổ đau và bất hạnh. Người phụ nữ bao giờ cũng là người chịu nhiều đớn đau hơn cả. Đó là mặt trái của tình yêu. Trong những phút khổ đau và bất hạnh ấy xúc cảm của con người thường rất mạnh, nó là nỗi đau của sự cô đơn đến tột

cùng. Cô đơn, hụt hẫng bởi không tìm thấy sự đồng điệu, không tìm thấy hạnh phúc thực sự của tình yêu.

Anh đã đem đi cả cõi hồn
Em còn lại cái xác- xác chưa chôn.
Xác không khâu liệm không thành xác
Dật dờ trôi dạt bên cô đơn...

(Gọi hồn)

Cô đơn là nỗi đau lớn nhất của người phụ nữ trong hành trình tìm kiếm vị ngọt ngào, hạnh phúc của tình yêu. Càng yêu nhiều thì khi xa cách, khi đổ vỡ, khi phải trống trải đối diện với hoàn cảnh càng cảm thấy cô đơn, trống vắng. Lam Luyến cũng vậy, cuộc đời chị nếm trải đau đớn, xót xa nhiều hơn là nếm trải hạnh phúc thế nên nỗi cô đơn như thấm vào hồn thơ của chị.

Chẳng thể đồng hành hai nỗi cô đơn
Chẳng có được bình yên với hai người chiến bại.

Sự cô đơn như ăn mòn sức sống của chị khiến chị mệt mỏi, chán nản. Cũng đã có lúc thốt lên trong ghen ngào

Ta nào phải người mau nước mắt
Trước éo le cay đắng cuộc đời.
Cũng không thể là gang là sắt
Hỡi những hồn đồng điệu của ta ơi!

Giữa đảo điên cay đắng cuộc đời, nhận thấy mình thêm khát bình yên, thêm khát hạnh phúc giản đơn thừa ấu thơ thế nhưng chị vẫn cô đơn giữa bể đời.

Giữa bể người ta vẫn đơn côi.
Hằng hụt nhân duyên ta gửi vào nơi bạn

(Bạn mình ơi)

Có lẽ bởi *Chẳng dễ gì gây dựng được niềm tin / Ở hai kẻ cô đơn – hai trái tim một mối. / Qúa khứ sinh lây những lời nói dối / Hạnh phúc ngỡ trôi vào lãng quên*(Hai người cô đơn) Phải chăng vì thế mà Lam Luyến *chấp nhận lời nói dối* bởi có những khi lời nói thật không đủ niềm tin, và lời nói dối trở thành vĩ đại

Có những lời nói thật chẳng ai tin

Câu nói dối lên ngôi mà vĩ đại.

(Em chấp nhận lời nói dối)

Có những lúc thấy cô đơn đến tột cùng bởi sự nhớ nhung trào lên trong tiềm thức. Nỗi cô đơn khắc khoải níu lấy chị - Lam Luyến đã khéo lồng mình vào câu chuyện Núi Vọng phu thừa nào để diễn tả hoàn cảnh của mình, diễn tả tâm trạng và nỗi nhớ của mình. Thời gian cứ lặng lẽ trôi đi, con người vẫn tồn tại nhưng thời gian đi kéo theo cả tuổi già, sức sống và nhiệt huyết con tim như lá trên cây từ khi xanh đến khi héo tàn, nhưng mọi sự mong đợi đều chưa có kết quả, nó làm chị kiệt sức, làm mỗi mòn con tim yêu.

Mây hôm nay rồi anh

Chiều nào cũng thế

Như núi Vọng phu

Trông ra cửa bể.

...Để em kiệt sức

Mỏi mòn trông anh

Dẫu ngắt lá xanh

Ngắt rồi lại héo

(Lá xanh)

Khi tình yêu tan vỡ, khi mọi cố gắng đều trở nên vô nghĩa Lam Luyến thấy tình yêu với chị như thể đang ở nơi nào đó xa lắm. Chiều thứ bảy chúng

kiến từng đôi trai gái tay trong tay dạo chơi công viên, họ đang tận hưởng cảm giác hạnh phúc ngọt ngào, nhìn lại mình mà xót xa bởi chỉ mình ta *ngẩn ngơ* bước giữa ngã đường đời gian nan. Thời gian trôi đi theo năm tháng, mái tóc thề thừa nào giờ đã *nửa xanh, nửa bạc* mà chị vẫn mãi miết chôn cô đơn.

Vẫn chiều thứ bảy của ai
 Từng đôi trai gái dạo ngoài công viên
 Hàng cây mới mọc bên đường
 Búp sen cuối hạ tỏa hương ngọt ngào

 Mình ta ôm mái tóc thề
 Nửa xanh, nửa bạc bên lề thời gian
 Chiều hôm thứ bảy - muộn màng
 Ngẩn ngơ bước giữa ngã đường không cây!
 (Chiều hôm thứ bảy)

Những lúc buồn nhất, cô đơn nhất là lúc chị thấy rõ nhất khoảng trống trong tâm hồn mình. Ngậm ngùi nhận thấy tình cảm đã đổi thay, tình nghĩa thừa nào giờ đã nhòa trong thương đau, đã không còn thương với nhớ.

Đơn sơ như tình bạn
 Thấm thiết lúc vợ chồng.
 Hay chẳng như lửa hồng
 Chóng hồng thì chóng tắt.

 Nên mà khi xa nhau
 Chẳng còn thương với nhớ.
 Và tình nghĩa chồng vợ

Cũng nhòa trong thương đau.

(Khoảng trống)

Thơ Đoàn Thị Lam Luyến là tiếng nói của một tâm hồn phụ nữ luôn khao khát tình yêu và sự cảm thông chia sẻ. Cái tôi trữ tình của nhà thơ được thể hiện thông qua những dạng thức khác nhau: một cái tôi băn khoăn day dứt trước hiện thực cuộc sống; cái tôi - người tình đam mê, mãnh liệt và cái tôi cô đơn khắc khoải trong tình yêu đôi lứa. Đó cũng chính là những nội dung chủ yếu làm nên diện mạo và phong cách riêng của hồn thơ Đoàn Thị Lam Luyến, là sự thể hiện tập trung, cao độ nhất của chủ thể sáng tạo. Thông qua hướng tiếp cận này, người đọc có thể thấy rõ hơn những chủ đề cơ bản và nổi bật trong hành trình nghệ thuật của nhà thơ Đoàn Thị Lam Luyến.

CHƯƠNG III:**MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT
TRONG THƠ ĐOÀN THỊ LAM LUYẾN.****3.1. Về thể thơ.****3.1.1. Thơ tự do.**

Thơ tự do là một thể loại mà hình thức cơ bản của bài thơ không bị ràng buộc bởi những quy tắc nhất định về câu, chữ, niêm, đối trong việc phân biệt với thơ cách luật. Chính nhờ sự thoải mái này mà thơ tự do chiếm được ưu thế trong khi diễn tả những cung bậc tình cảm, những nỗi lòng riêng chung vốn vô cùng phức tạp, phong phú trong thế giới nội tâm của nhà thơ. Các nhà thơ đã tìm thấy một chân trời rộng rãi cho sự sáng tạo hình thức mỗi bài thơ.

Khi vừa xuất hiện trong phong trào thơ mới, thơ tự do mới chỉ được sử dụng một cách dè dặt, bởi khi đó các nhà thơ mới chưa bắt kịp nhịp sống của dân tộc, chưa mạnh dạn thay đổi cách viết, cách diễn đạt cũ. Nhưng rồi, chuyển mình qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, thơ tự do đã dần khẳng định vị trí của mình trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại. Bởi thơ tự do đi sát, phản ánh chân thực cuộc sống muôn màu muôn vẻ, nó chuyển tải được hầu như toàn bộ tư tưởng, tình cảm của nhà thơ... Càng ngày thơ tự do càng dần chiếm vị thế hàng đầu trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại.

Thơ tự do được chia ra làm hai loại: Một là *thơ tự do không giới hạn về số câu nhưng giới hạn về số chữ*. (Loại này khá đa dạng vì nó phụ thuộc khá nhiều vào cảm hứng và mục đích nghệ thuật của tác giả, Nó có thể là những bài thơ 4

chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ hoặc 8 chữ.)Hai là *thơ tự do không giới hạn về số chữ, số câu*.

Là nhà thơ trưởng thành trong giai đoạn sau đổi mới, bởi thế nên Lam Luyến luôn chọn cho mình thể thơ tự do để thể hiện ý tưởng sáng tạo như là một sở trường. Cụ thể:

Tên tập thơ	Tự do hoàn toàn	4chữ	5chữ	6chữ	7chữ	8chữ
Mái nhà dưới bóng cây	0/ 10 bài	3	3	0	0	0
Lỡ một thì con gái	8/39 bài	0	21	1	1	0
Cánh cửa nhớ bà	1bài 3 chữ/ 25b	9	7	1	1	0
Chồng chị chồng em	10/37 bài	0	12	1	5	0
Châm khói	7/39 bài	0	5	5	3	3
Dại yêu	9/51 bài	2	16	7	7	0
Sao dẫn lối	7/72 bài	5	26	5	8	2

3.1.1.1. Loại thơ tự do không giới hạn về số chữ, số câu.

Hầu hết những bài viết theo thể thơ này rất linh hoạt, phóng khoáng, dài ngắn bất ngờ, kết hợp khá nhịp nhàng và có thể kết hợp những cung bậc tình cảm đến mức tối đa những xúc cảm trong tâm hồn. Thơ tự do về mặt câu chữ giúp cho Lam Luyến thể hiện chân thật, tinh tế nỗi buồn, nỗi cô đơn, sự ngóng trông, chờ đợi, nỗi nhớ nhung triền miên thảng ngày.

Những câu thơ dài liên tiếp thường thể hiện sự dữ dội, ngầy ngất trong hạnh phúc hoặc là tột cùng của khổ đau chán nản. Cũng có khi là sự kể lể, chán trường bởi hoàn cảnh ngặt nghèo.

Tôi đi làm từ sáng đến chiều cho đủ khoán quỹ lương
Rồi lại cây thêm nuôi hai miệng người ăn nữa

Hết giờ làm chỉ còn biết trốn vào sau cánh cửa

Trầm tư với hàng phượng trước hiên nhà

(Mẹ và tôi)

Lại có khi là để thể hiện những khát vọng bình dị mà ý nghĩa, đó là nhu cầu của một con người đang yêu.

Có lúc em muốn thành đứa bé

cho anh vuốt má xoa đầu

Ngày hè, nấu cho anh một bát canh rau

Ngày đông, pha cho anh một tách cà phê sữa.

(Chẳng thể là En-Xa...)

Giá được một chén say, mà ngủ suốt triệu năm

Khi tỉnh dậy, anh đã chia tay với người con gái ấy?

(Huyền thoại)

Cũng có khi là nỗi cô đơn, xót xa, cay đắng của người đàn bà bị lừa tình. Đôi lúc còn bắt gặp sự chống cự quyết liệt trong cuộc chiến tranh tình ái để dành lấy tình yêu, hạnh phúc và cả sự đam mê.

Em đã đoạt anh từ tay người đàn bà kia

Như người đàn bà kia đoạt anh từ tay người đàn bà khác.

(Chiến tranh)

Những câu thơ ngắn hơn có cách ngắt nhịp chậm rãi thì lại thể hiện những bước đi chậm chạp của thời gian, của khoảnh khắc tình yêu đáng nhớ. Thể hiện những khát khao tình yêu cháy bỏng, những cung bậc tình si của thi sĩ đa tình.

Nơi nào

Dù lắm thú vui

Đừng quên anh nhé!

Vợ anh
 Lòng non
 Dạ trẻ
 Có những điều làm phật ý anh.
 (Châm nổi nhớ)

3.1.1.2. Về loại thơ tự do giới hạn về số chữ, số câu.

Lam Luyến sáng tác theo loại thơ này khá nhiều, nó tạo ra sự mượt mà trong cảm xúc của chị. Tất cả như dệt nên bởi sự êm ái, du dương, gần gũi đến độ sửng sờ. Chị bộc lộ trên những dòng thơ 4 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ, và 8 chữ tất cả những da diết, những sâu lắng, những khổ đau, cô đơn. Tất nhiên ở những bài thơ dành cho thiếu nhi thì nó có tác động đến trẻ nhỏ rất lớn bởi sự mượt mà trong thơ làm con trẻ dễ thuộc, dễ nhớ.

Lam Luyến viết theo thể thơ 4 không nhiều lắm (15 bài – có 3 bài lặp lại ở các tập thơ khác nhau) hầu hết là ở những bài thơ viết cho thiếu nhi (10 bài). Tác dụng của loại thơ 4 chữ này là dễ nhớ, dễ thuộc. Hình ảnh người mẹ thân thương chăm lo cho con trong từng khoảng khắc của cuộc đời. Có ai dịu dàng bằng mẹ, hi sinh nhiều như mẹ đã hi sinh cho con?

Có ai trên đời
 Dịu dàng bằng mẹ?

 Cho con hồn nhiên
 Những năm tuổi trẻ.
 Cho con bình yên
 Những ngày sóng gió .

(Mẹ)

Hình ảnh trong những bài thơ 4 chữ cũng bởi thế mà rất gần gũi và thân thuộc, nó giống như một lời giải đáp cho những thắc mắc khá ngây thơ của trẻ nhỏ. Đó là *bầu trời em yêu*; là ngàn sao trên trời còn đang ngủ *Sao còn đang ngủ/ Đêm đã sang ngày* (Sao còn đang ngủ); là nắng, là mưa *Mưa ở ngoài đồng / Trưa hè nắng cháy* (Trưa nắng); là cái tết lạ kỳ *Có gì ở tết- Mà ai cũng cười/ Mà xa cũng về/ Mà ai cũng vui / Mà ai cũng mừng?* (Có gì ở tết), là vạt rừng thơm hương quế *Rừng ơi yêu thế/ Mỗi lá cây rừng* (Rừng); là cái điều cây khiến ông phải hút vì nó nghiện ông *Chỉ tại cái điều/ Nghiện mình ông* (Chỉ tại cái điều); là con bò ngơ nghếch đến chữ o cũng đọc sai *Đuôi thì ngoáy tit / Thành ra chữ O/ Miêng lại đọc chệch/ Ô ò ò ò!*; Là con gà con vịt thích hợp *mỗi buổi sáng ra* (Vịt gà thích hợp); Là ngọn mướp trên giàn cao...

Sau này trong một số bài thơ ở tập *Sao dẫn lối* và *Dại yêu* thơ 4 chữ của thi sĩ học Đoàn lại chắt chứa ở đó khía cạnh khác mang chất gì đó triết lý, nhưng về cơ bản vẫn dễ đọc dễ hiểu và dễ thuộc. Nó là *Mưa hánh khát, Niết bàn, Trúc Lâm, Đối thủ, Tình ta có thật*.

Lam Luyến sáng tác thơ 5 chữ với số lượng lớn nhất. (trên 80 bài thơ). Loại thơ này rất phù hợp với lối sống của con người hiện đại vì lời thơ ngắn, ngôn từ hàm súc, hình ảnh thơ được chắt lọc, không kể lể dài dòng, có nhiều yếu tố bất ngờ và nhanh chóng đi đến kết luận.

Từ thiên nhiên kỳ thú dưới con mắt trẻ thơ đầy thú vị

Cây chuối kia nghịch thật

Chọn tàu lá non nhất

Làm thành chiếc loa to.

(Cây chuối)

Cho đến *Biển với nhiều ngọn sóng / Cuộn vào rồi lăn ra.*

Rồi đến một lúc chợt nhận ra mình đã lớn với những xúc cảm đầu tiên

Chợt nhận ra con lớn

Cao ngỗ như mẹ rồi

Thảo nào con ít nói

Thảo nào con hay cười...

(Con lớn)

Bước vào con đường tình yêu thực sự lại có những xúc cảm mới mẻ. Nó là sự nhớ mong, chờ đợi

Đợi bạn từ hoa sữa

Bây giờ thơm hoa cau

(Đợi)

Đã hai hôm nay rồi

Không được nhìn nhau nữa

Có bao nhiêu ngày đêm

Trong nỗi niềm mong nhớ

Với dầm chưa được khô

Với gai chưa được nhỏ.

(Trăn trở)

Là nhìn thấy trên khuôn mặt người yêu những nụ cười, thấy cái nhìn đắm đuối, thấy những thay đổi trên khuôn mặt cũng như cảm xúc của người đàn ông khi cuộc sống dần chuyển xoay.

Trên khuôn mặt người yêu

Thấy nụ cười nở vội

Ấy là lúc gặp nhau

Sau những ngày mong đợi

.....

Thấy cái nhìn đắm đuối

Ấy là lúc nhìn nhau

Những ngày đầu mới cưới

....

Thấy nụ cười nhợt nhạt

Ấy năm tháng qua rồi

Lửa duyên thành phụ bạc

....

Thấy cái nhìn độc ác

Ấy là lúc người ta

Gửi lòng theo kẻ khác...

(Trên khuôn mặt người yêu)

Và thấy cả những túi hờn khi *Ta đã gửi cho anh / Cả con tim dào dạt / Và anh trả cho ta/ Nỗi buồn đau tan nát.* (Gửi tình yêu) .Và đau đớn buông xuôi trong tuyệt vọng

Đêm dài như xác pháo

Xẻ tan tuổi đôi mươi

Chưa tiêu gì ra món

Đã hết veo cuộc đời.

(Đêm trắng)

Phải chăng là bởi tình yêu trong cõi thực khác cõi mơ nên con người ta bị rơi vào tuyệt vọng khi nhận ra thực tế ấy? Lam Luyến thậm chí còn muốn vứt bỏ cả cõi thực để đến cõi mơ cốt là để tận hưởng phút giây hoan lạc của ái tình.

Vẫn biết rằng tình ái
Trong mơ đẹp hơn nhiều
Trề trề trong đời thực
Tôi gặp người tôi yêu

.....

Em giã từ cõi thực
Để đi vào cõi mơ
Tình bằng là con nhện
Lại cuống cuống vương tơ.

(Cõi mơ, cõi thực)

Thơ 6 chữ của Lam Luyện cũng chứa nhiều cung bậc của cảm xúc. Lúc là cảm xúc bí ẩn của ái tình và chỉ cảm nhận nó trong niềm đam mê và âm áp.

Tình yêu với niềm bí ẩn
Đưa ta đến với vô cùng

(Tình yêu)

Cảm nhận nó là *Thiên tình cuối* với những khát khao hạnh phúc mộc mạc với một đám cưới không cầu kỳ, với những đứa con chung và con riêng hòa hợp, với sinh hoạt bình thường, với những lo toan vụn vặt của cuộc sống... nhưng trên hết là

Anh ơi bởi thiên tình cuối
Cho mình biết cách thương nhau.

(Thiên tình cuối)

Khi thì trách móc nhẹ nhàng.

Anh không một lần quyết đoán
Nỡ để em là Tố Tâm

(Cây hồng)

Có khi nhận ra thân phận mình là “phận bé” đầy tủi hờn *Lúc ảm chẳng thà được ảm / Khi êm chẳng thà được êm – Hay đâu một ngày trở gió / Ra đi giữa im lìm* . Hoàn cảnh bủa vây bởi những đau đớn, bởi tuyệt vọng nên thi sĩ thậm chí muốn giã từ cái xác.

Tôi muốn giã từ cái xác

Để hồn đừng lảng nhãng theo.

(Tôi muốn giã từ cái xác)

Bởi tự Lam Luyến cảm nhận thấy những *Vết thương* như ngấm sâu trên con tim, da thịt chị dù thời gian có làm vết thương đó lành nhưng sẹo thì vẫn còn mãi đến muôn đời

Mặt em mang vết thương đau

Bước đi chẳng dám ngẩng đầu

.....

Còn đây vết thương rỉ máu

Lành da, sẹo vẫn muôn đời.

(Vết thương - đại yêu)

Thế nhưng cũng có khi chị lại tỏ ra mạnh mẽ, quyết đoán và có một thái độ đầy thách thức. (hai từ *phải* và *cứ* bộc lộ sâu sắc thái độ ấy)

Em phải vu oan Thị Kính

Em cứ lẳng lơ Thị Mầu

(Hát theo Thị Mầu)

Dù viết theo thể thơ nào, Lam Luyến cũng để lại trong lòng độc giả những ấn tượng mạnh, bởi ngòi bút của chị đầm thắm, chân chất và đầy cuốn hút. Nó

lời cuốn con người đến với thế giới của tình yêu, thế giới trẻ thơ thậm chí với cả những vấn đề nhân sinh xã hội cũng đều dịu nhẹ như thể đời thường vậy.

3.1.2. Thơ lục bát.

Lục bát là thơ truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc, được hình thành từ văn học dân gian với mảng ca dao giàu chất trữ tình. Thơ lục bát có *nhịp điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, thanh điệu của câu thơ nghiêng về bằng hơn trắc, hơi thơ cần liên tục hơi ngắt quãng* [21, tr 89]. Dường như trong sự nghiệp sáng tác của mình, mỗi nhà thơ ít hay nhiều đều có sử dụng thể thơ truyền thống này để sáng tác nhưng không phải ai cũng dễ dàng thành công.

Trong 7 tập thơ của mình, Lam Luyến có >80/ 248 bài(có khoảng 15 bài được in lại rải rác ở các tập thơ) được sáng tác theo thể lục bát (chiếm ~ 40 % sáng tác) . Trong suốt quá trình cầm bút của mình, Lam Luyến luôn ý thức dùng thể thơ này. Trong một lần trò chuyện với tác giả Lam Luyến, chị nói *Viết theo thể lục bát với tôi như là một bản năng*. Thống kê cụ thể qua các tập thơ như sau:

. Mái nhà dưới bóng cây (1985).	Có	4/10	bài chiếm	40 %
. Lỡ một thì con gái (1989).	Có	8/39	bài chiếm	22 %
. Cánh cửa nhớ bà (1990).	Có	5/25	bài chiếm	20 %
. Chồng chị chồng em (1991).	Có	7/37	bài chiếm	20 %
. Châm khói (1995).	Có	16/39	bài chiếm	45 %
. Đại yêu (2000).	Có	10/51	bài chiếm	21 %
. Sao dẫn lối (2005).	Có	20/72	bài chiếm	40 %

Trong quá trình sáng tác của mình, Lam Luyến đã rất thành công và sáng tạo ở thể thơ này. Chị đã thổi vào trang thơ của mình hơi thở mới, âm điệu mới về tình yêu. Góp thêm vào thơ những âm điệu ngọt ngào, trù mến, sâu lắng dễ đi

vào lòng người. Bằng ý thức lao động, sáng tạo nghệ thuật của mình Lam Luyến đã sử dụng thể lục bát linh hoạt, hiệu quả và tinh tế. Chỉ bằng cách gieo vần kết hợp với nhịp bằng - trắc chi đã đem cho người đọc những trải nghiệm thú vị về cuộc sống.

Chỉ là hình ảnh chiếc nón đơn sơ giản dị nhưng nhà thơ đã khéo gửi vào đó tình yêu, tình mẫu tử... Đó là cái nhìn mà không phải ai cũng thấy

Lá nón - làm nón cho bà
Lá khoai - làm nón cho nhà ếch râm.
Lá sen - nón trẻ mục đồng
Lá bàng - nón của góc sân học trò.
Trưa hè trời đổ mưa to
Cánh gà – làm nón che cho con mình .

(Nón)

Đến với thơ tình, bằng âm điệu thiết tha, ngọt ngào sâu lắng, tinh tế, xúc động, Lam Luyến đã bộc lộ những cung bậc khác nhau trong tình yêu.

Khi thì là sự ngóng đợi.

Giờ này anh đã đến chưa
Mà em vẫn cứ đợi chờ mãi thôi?

(Không đề)

Khi thì thấy hờn ghen với bóng người phía trước.

Bóng người thầm kín trong ta
Ái ân bên những xót xa ghen ngào
Chiếc hôn vừa nhận vừa trao
Thoảng như có vết son nào của ai?

(Bóng người phía trước)

Khi là tình yêu muộn mằn nhưng bằng trái tim yêu Lam Luyến vẫn thấy trong mình sự *Thản nhiên*.

Xưa thì chị, nay thì em
Phải duyên chồng vợ nối thêm tơ hồng

.....

Chị thản nhiên mỗi tình đầu
Thản nhiên em nhặt bã trầu về tằm.

(chồng chị, chồng em)

Có khi là sự xót xa trong cô đơn khi thấy mọi người xung quanh đều đã có đôi.

Liên anh, liên chị - liên đôi,
Chẳng còn ai lẻ cho tôi đi cùng?
Chen bên bao chúm môi hồng,
Mà không có nụ hôn nồng cho tôi!

(Tìm người giữa hội Lim)

Thế nên mới đến chùa Hương xin *bùa giải yêu*

Đụn vàng, đụn bạc khôn mua
Chỉ xin có được tấm bùa giải yêu.

(Tìm về bến Đục)

Sau những đờn đau, Lam Luyến ước trở về với ngày xưa

Ước sao được thế hạ trời
Ước gì ta lại thành người tự do
Trắng trong như những ngày xưa
Hồn thơm nắng mới như tờ giấy nguyên

(Ước...)

Cũng có khi lại là câu chuyện hết sức đời thường nhưng thực tế lại xót xa,
đó là hoàn cảnh của cô giáo mầm non trong *Ngọn gió lá điều*

Em là cô giáo mầm non
Nghề chi mà sớm lắm con muộn chồng.

Đêm thì vắng, ngày thì đông
Chăm thì chăm thế mẹ chồng vẫn chê.

Cái nghề, cái nghiệp nó thế. Dẫu biết *Chồng thì khi giận, khi thương* rồi
Con mình mình nhãng, con người mình chăm và *Lương mình chẳng đủ mình ăn*
nhưng bằng tấm lòng thương trẻ, bằng tình yêu nghề mãnh liệt nên em nhận thấy

Trẻ thơ như chiếc lá điều
Em là ngọn gió một chiều đương thu.

Thậm chí là nỗi đau về thể xác cũng được Lam Luyến bộc bạch trong *No đòn*.

Mấy khi được mẹ no đòn
Đã dăm cú đấm lại còn bạt tai.

Và sau cùng cả đến với tình yêu với Thơ chị cũng bộc bạch, bởi lẽ thơ lục
bát bao giờ cũng thế - gằn và giản dị như tự nó vốn thế.

Rồi em đến tuổi năm mươi
Cũng yêu đến nát cuộc đời cho thơ.

(yêu để cho thơ)

3.2. Về ngôn ngữ

3.2.1. Khái niệm về ngôn ngữ thơ.

Ngôn ngữ có một vị trí đặc biệt quan trọng trong thơ ca. Ngôn ngữ là công cụ, là chất liệu cơ bản của văn học, vì vậy văn học được gọi là loại hình nghệ thuật ngôn từ. M.Gorki khẳng định “Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học” [14, tr185] .

So với các hình thái của hoạt động ngôn ngữ khác thì ngôn ngữ văn học mang đậm tính chất thẩm mỹ. *Nó được thực hiện nhiệm vụ trung tâm là xây dựng hình tượng văn học và giao tiếp nghệ thuật.* Điều đó tạo cho ngôn ngữ có tính chính xác, tính hàm xúc, tính đa nghĩa, tính tạo hình và tính biểu cảm cao, góp phần thể hiện rõ phong cách, tài năng và sự sáng tạo của mỗi nhà thơ, nhà văn. Nhìn chung những thuộc tính này được biểu hiện qua từng thể loại văn học với các sắc thái và hoạt động khác nhau.

Đối với thơ *Ngôn ngữ đã tìm thấy trong thơ phương tiện tối ưu để lưu giữ, truyền đạt thông tin về bảo vệ giao tế. Nhân loại biết đến từ đó, ngoài ngôn ngữ giao tế còn một mã nghệ thuật nữa có khả năng lưu giữ an toàn và truyền đi không bị méo mó những tham số mà mã giao tế phải duy trì. Điều đó giải thích vì sao không có nền văn học nào không biết đến thơ, đồng thời cũng giải thích vì sao sinh tồn thơ ca không kém gì sinh tồn dân tộc [3, tr268].* Ngoài ra tác giả của cuốn sách trên còn nhấn mạnh *Sức mạnh của cơ cấu lặp lại của kiến trúc song song chính là ở chỗ đã lặp lại sự song song trong tư tưởng. Việc chức năng mỹ học chiếm ưu thế trong các thông báo thơ trong khi không loại trừ chức năng giao tế như thế đã làm cho thông báo thành ra đa nghĩa, có tính chất nước đôi thành ra nhập nhằng theo nghĩa tốt của từ này. Và đó là điều cốt tử của thơ [3, tr60]*

Trong “Lý luận văn học - T1” Phương Lựu tập trung vào 2 vấn đề chính khi bàn về ngôn ngữ thơ trữ tình. Đó là : Ngôn ngữ bão hòa cảm xúc và ngôn ngữ giàu tính nhạc. Thật ra khi nói đến một ngôn ngữ nào, chúng ta cũng phải đề cập trên 3 phương diện: ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Riêng với thơ, với ngôn ngữ thơ thì những điều đó là chưa đủ, bởi trong thơ ngôn ngữ phải là thứ ngôn ngữ đặc biệt hàm xúc, cô đọng và gợi cảm. Bởi vậy *ngôn ngữ thơ trữ tình là thứ ngôn ngữ chọn lọc, giàu hình ảnh, giàu tính nhạc và giàu sức biểu hiện* [40,Tr186]

3.2.2. *Ngôn ngữ thơ Đoàn Thị Lam Luyến:*

Lam luyến sáng tác miệt mài và sức hút trong việc sử dụng ngôn ngữ thơ của chị thể hiện ở sự giản dị, gần gũi và mang màu sắc dân gian. Đọc thơ Lam Luyến chúng tôi nhận thấy thơ chị có xu hướng đưa ngôn ngữ đời thường gần gũi vào thơ để đối thoại, để độc thoại. Đây là cách lựa chọn ngôn từ, cách tổ chức câu thơ, dòng thơ, các phương thức diễn đạt, nhịp điệu... trong thơ Lam Luyến. Thường thì thơ hay bị hạn chế bởi ý, tứ, niêm, luật nhưng khi sử dụng thể thơ tự do thì nó đã thoát hơn rất nhiều về mặt câu chữ.

** Ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị gần với ngôn ngữ đời sống.*

Lam Luyến có những câu thơ gần như là lời nói đời thường mà nếu như không tinh ý thì không thể thấy được. Có một dòng chảy tự nhiên trong thơ Lam Luyến. Bởi thế nên Lam Luyến đã từng nói *Làm thơ với tôi như là một nhu cầu tự thân*. Thơ Lam Luyến thực hiện nhu cầu tự bộc lộ, dù thơ 4 chữ, thơ 5 chữ, thơ 6 chữ, thơ 7 chữ, thơ 8 chữ, thơ lục bát hay thơ tự do ta đều thấy mạch thơ nhẹ nhàng như đang tự trôi theo một nguồn cảm xúc.

Trong sáng tác của mình, lời yêu thương được Lam Luyến thể hiện nhiều nhất, đó là nơi chị gửi gắm tâm trạng, là nơi bộc lộ những suy nghĩ thâm kín, là nơi tâm hồn muốn được chia sẻ nhận được sự chia sẻ.

Ở thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ, Ý Nhi và Xuân Quỳnh người đọc cũng từng bắt gặp những câu thơ mang ngôn ngữ đời thường giản dị, mộc mạc . Thể hiện trong cách các chị bộc bạch với người mình yêu, thể hiện trong khát vọng tình yêu, trong ước mơ hạnh phúc, trong những ví von gần gũi đầy chất dân gian, trong lời ru ngọt ngào, trong cả cách xưng hô mày – tao dân dã (Ngôn ngữ sinh hoạt đời thường).

Chẳng đại gì em ước nó bằng vàng

Trái tim em anh đã từng biết đầy

(Tự hát – Xuân Quỳnh)

Chỉ có thuyền mới hiểu

Biển mệnh mông nhường nào

(Thuyền và biển – Xuân Quỳnh)

Ngủ đi anh, ngủ đi anh

Em ru cho giấc ngọt lành đêm nay

Em ru vàng trán đắng cay

Ru đôi mắt đã tháng ngày chờ trông

(Tập làm lục bát – Ý Nhi)

Tấm lòng mày nhân hậu làm sao

Xa cách vậy thương bạn từng hạt cốm

.....

Tuổi thì lớn mà tính còn con nít

Tao nghĩ mày như hạt cốm non.

(Cổm non – Lâm Thị Mỹ Dạ)

Mang nhiều yếu tố lời nói thường, thơ Lam Luyến cũng thế, cũng bộc bạch lòng mình, cũng trải lòng mình ra với trời đất, với con người, với anh và với tất cả chúng ta. Ở thơ Lam Luyến ta bắt gặp cả những biểu hiện rất đời thân quen, quen đến độ có khi người đọc quên mất đó là thơ, cứ nghĩ nó là lời nói thường ngày. Bởi vì nhiều khi nghe chanh chua như thể thách thức. Đại từ phiếm chỉ “ai” lặp lại hai lần trong hai câu thơ càng khiến câu thơ gần hơn với đời thường. Lại cộng thêm hai động từ mạnh “phải” và “cứ” đầy thách thức càng làm tăng tính hiệu quả trong việc dùng từ của Lam Luyến.

- Ai bảo mẹ sinh em đẹp,
Ai xui cha muốn con giàu?
- Em phải vu oan Thị Kính
Em cứ lắng lơ Thị Mầu.

(Hát theo Thị Mầu)

Cũng có khi nó mộc mạc như thể lời kể chuyện tâm tình, lời tâm sự về hoàn cảnh sống, về tình cảm mẹ con, về sự vất vả của cuộc sống và những chăm sóc mà mẹ dành cho chị.

Tôi đi làm từ sáng đến chiều cho đủ khoán quỹ lương
Rồi lại cày thêm nuôi hai miệng ăn nữa.
Hết giờ làm chỉ biết trốn vào sau cánh cửa
Trầm tư với hàng phượng trước hiên nhà.

.....

Tôi chẳng biết làm gì cho mẹ được nhàn hơn
Còn mẹ chăm tôi như chăm con nhỏ
Trúng lộc rồi mẹ còn lo bóc vỏ

Tôi làm việc bên bàn mẹ hãm nước chè xanh

(Mẹ và tôi)

Tự ngàn đời xưa con gái thường thổ lộ tình yêu thương với mẹ và ít thấy bộc lộ tình yêu thương với mẹ chồng như tình yêu với mẹ đẻ. *Mẹ của anh* của nữ sĩ Xuân Quỳnh mới chỉ hôm qua còn vang dội thì Lam Luyến cũng bộc lộ một tình yêu thương với mẹ chồng. Tình mẹ tự ngàn đời đã là *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*, giờ đây Lam Luyến thậm chí còn bộc lộ tình cảm với cả mẹ chồng cũ khi chị đã sang ngang

Đã mười mấy năm rồi

Tôi được làm dâu mẹ

Từ trưa kho cháy cá

Tôi bỏ chạy lên đồi

Dòng sông ngăn tôi lại

Để thương mẹ một đời

(Mẹ)

Rồi câu chuyện trở lại làng quê sau 20 năm xa cách với bao nhiêu bờ ngõ, lạ lẫm, hệt hẳng như Từ Thức năm xưa lạc vào chốn bồng lai trở về hạ giới, mọi thứ lạ lẫm quá đỗi: bạn thừa ấu thơ chẳng có ai, chỉ còn là những ánh nhìn chưa quen, những nụ cười gượng gạo. Bằng thể thơ tự do và cách dùng từ ngữ “lữ bạn” Lam Luyến gửi vào đó câu chuyện cổ tích thiếu thời.

Mơ ước trở về làng, tôi đã trở về đây

Lữ bạn tôi đâu, sao giờ không gặp nữa?

(Trở về làng)

Lại có khi chị coi mình như *Nô lệ* - một kiểu nói rất hiện đại gần gũi mà vẫn làm chất thơ Lam Luyến độc đáo

Quan thường nô lệ tiệc
Doanh nghiệp nô lệ tiền
Ai kia nô lệ chữ
Còn mình nô lệ duyên

(Có một ngày...)

Rồi cũng có khi là cái nhìn rất thật về cuộc sống, một góc nhìn khác với kiểu nhìn mà bấy lâu nay các nhà văn nhà thơ vẫn nhìn .

Chết quá dễ với người không ham sống
Mơ chi vàng hời kẻ chẳng dư gan
Để thành phật trên tòa sen đâu dễ
Cả Thị Mầu, Thị Kính có chi oan?

(Cháy dở)

Đáng ngạc nhiên hơn khi Lam Luyến đưa vào trong thơ của mình khát vọng rất đơn sơ mộc mạc của cuộc sống hàng ngày, khát vọng làm vợ, làm mẹ và khát vọng hạnh phúc tròn đầy

Em sẽ đẻ cho anh:

một đứa,

rồi một đứa

Và hai chúng mình bồng bế chúng đi chơi...

(Chẳng thể là En-Xa)

Gái trai cũng thêm một đứa

Cho anh bế bế bồng bồng

(Thiên tình cuối)

Duyên tình trái ngang, anh bỏ ra đi chầm lên trong lòng nỗi nhớ da diết, Lam Luyến cũng nói với anh bằng cả ân tình, mộc mạc như là lời thủ thủ nhưng càng nghe càng thấy xót xa.

Vui đâu?

Ở đâu?

Hãy về với em một chốc

Có thấy vợ anh trần trọc canh dài?

Dẫu san tình cho ai

Xin chớ quên những ngày hạnh phúc

(Châm nỗi nhớ)

**** Ngôn ngữ thơ mang màu sắc dân gian.***

Sáng tác nhiều bằng thể lục bát - một thể thơ dân tộc nên thơ Lam Luyến đậm màu sắc dân gian rõ nét.

Lam Luyến có nhiều sáng tác lấp lánh gần với ca dao, lại có cả những điển tích điển cố xen lẫn với kiểu nói trần trụi của chốn đô hội thị thành hiện đại. Giọng thơ hai chiều quyến chặt làm nên một hồn thơ đậm chất dân gian, làm nên một lực hút ám ảnh độc giả.

Hình ảnh *con cò lộn cổ* trong ca dao xưa được Lam Luyến đưa vào thơ mình đầy sáng tạo để nói về chính duyên phận của mình

Sông sâu ngả lăm cành mềm

Con cò lộn cổ trong đêm lác bầy.

Trái giòn chẳng ở tầm tay

Để bao trái chát rụng đầy vườn sau.

Có người thả bóng buông câu

Làm tôi gãy nốt nhịp cầu quá giang.

(Vô đề)

Hình ảnh cái chiều, cái chẵn, cái ngõ, cái cửa vẫn gặp trong ca dao nhẹ nhàng đi vào thơ chị.

Như cái bát em ăn, cái chiều em nằm

Không thể như tình yêu chỉ trên mây, trên gió

Trái tim anh như căn phòng bỏ ngõ

Chẳng có cửa em vào, chẳng có ngõ em ra

(Đừng hứa sẽ cho nhau)

Câu chuyện của làng chèo Thị Mầu nổi tiếng cũng đi vào thơ như cùng chị thách thức với cuộc đời đầy trái ngang.

Cha thường mắng em dại dột

Có bao cột nhà cũng đem đi

Thương em, mẹ thường xa xót

số nó chồng con chẳng ra gì

Ai bảo mẹ sinh em đẹp

Ai xui cha muốn con giàu

Em phải vu oan Thị Kính

Em cứ lắng lơ Thị Mầu

(Hát theo Thị Mầu)

Rồi đến cả hình ảnh bến sông, con thuyền bãi mía, nương ngô cũng thế, cũng lấp lánh trên dòng thơ của thi sĩ họ Đoàn

Sông kia vốn có đôi bờ

Bên mía thì lở, bên ngô thì bồi

Bên nào cũng muốn sang chơi

Bên lở mía ngọt, bên bồi ngô non

(Nhớ Hồ Xuân Hương)

Và có cả cách dùng thành ngữ cũng rất độc đáo.

Cầm bằng lại gãy , lại rơi

Mẹ chẳng chịu trời, mẹ chỉ chịu con

(Tìm con)

Là cách nói *ván đã đóng thuyền*

Người ta chưa thăm ván

Mình đây đã gán thuyền

(Có một ngày)

Cách mà Lam Luyến lồng vào thơ dòng chảy của chất dân gian đã đem lại sự thân thuộc đối với người yêu thơ. Độc giả sẽ tìm thấy trong thơ chị cái gần gũi, cái thân quen và chất trữ tình nồng hậu của một hồn thơ có cái tâm cho, tặng, dâng hiến. Đồng thời đây cũng là cách mà Lam Luyến khẳng định vị thế của chị trên thi đàn bằng chính tài năng, ngòi bút và cá tính sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ thơ

3.3. Giọng điệu

3.3.1. Khái niệm về giọng điệu

Giọng điệu là phương diện cơ bản cấu thành hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học. Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc. Thiếu một giọng điệu nhất định nhà văn chưa thể viết ra tác phẩm cho dù đã có đủ mọi tài liệu và sắp xếp trong hệ thống nhân vật.

Không nên nhầm lẫn giữa giọng điệu và ngữ điệu – là phương tiện biểu hiện của lời nói thể hiện qua cách lên giọng, xuống giọng, nhấn mạnh nhịp điệu, chỗ ngừng, ... Giọng điệu là một phạm trù thẩm mỹ của tác phẩm văn học, nó đòi hỏi người trần thuật, kể chuyện hay nhà thơ trữ tình phải có khẩu khí, có giọng và có điệu. Giọng điệu trong tác phẩm gắn với cái giọng “trời phú” của mỗi tác giả nhưng mang nội dung khái quát nghệ thuật, phù hợp với đối tượng thể hiện. Giọng điệu trong tác phẩm có giá trị thường đa dạng, có nhiều sắc thái trên cơ sở một giọng điệu cơ bản, chủ đạo chứ không đơn điệu. *Giọng điệu là thái độ tình cảm, lập trường tư tưởng đạo đức của nhà văn đối với hiện thực được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suông sã, ngợi ca châm biếm...* [53, tr 42]. Giáo sư Trần Đình Sử cho rằng, giọng điệu là sự biểu hiện lập trường, tư tưởng, cảm xúc chủ thể, là nguyên tắc lý giải và chiếm lĩnh hiện thực của thi nhân. Trong lịch sử văn học, các nhà thơ, nhà văn lớn bao giờ cũng vươn lên để xác lập giọng điệu cá nhân, đặc biệt là trong văn học hiện đại.

Thơ trữ tình - bản thân nó đã rất khác với các thể loại văn học khác, nó như là một bản tự thuật tâm trạng. Trong thơ thể hiện những mảnh tâm trạng điển hình, những lát cắt của cảm xúc mãnh liệt. Bởi thế nên ngoài âm và nghĩa ra thơ còn có giọng. Giọng thơ ít nhiều thể hiện phong cách nghệ thuật của tác giả. Trong văn học Việt Nam ta thấy có vô vàn những giọng thơ khác nhau như : Giọng châm biếm đả kích của Tú Xương, giọng trữ tình cách mạng của Tố Hữu, Giọng u sầu ảo não của Huy Cận.....Và Lam luyện thì sở hữu giọng điệu tâm tình, thủ thi, trữ tình sâu lắng nhưng cũng không kém phần cay đắng và xót xa.

3.3.2. Giọng điệu trong thơ Đoàn Thị Lam Luyến

3.3.2.1. Giọng tâm tình, thủ thỉ.

Trong những trang thơ của Lam Luyến điều người đọc dễ cảm nhận thấy nhất chính là ở giọng điệu tâm tình, thủ thỉ. Bằng cách sử dụng ngôn từ giàu tính biểu cảm thi sĩ họ Đoàn đã mang đến cho độc giả những cảm nhận tinh tế về một hồn thơ đang yêu đến da diết, cháy bỏng và với việc mà chị sử dụng rất nhiều thán từ (lời gọi: ời, à...), trợ từ mang ý nghĩa tình thái (ư, nhỉ, nhé, đâu, sao ...) đã mang lại hiệu quả mạnh mẽ cho các sáng tác của mình.

Nếu khi ở gần anh
 Em bảo rằng: nhớ lắm
 Thì anh nhé đừng tin
 Đó là lời đường mật
 Cầm tay anh xiết chặt:
 “Em thương anh nhất đời!”
 Những lời đó *anh ời*
 Cũng là lời hoa lá
 Chỉ lúc này *anh à*
 Lúc ta thương nhau rồi
 Lúc đợi chín chờ mười,
 Lúc tằm xanh nên kén,
 Lúc củi than đã bén,
 Lúc thuận nghĩa vợ chồng,
 Dù em nói rằng không
 Anh cứ tin là có!

(Nói với anh)

Chỉ một tiếng gọi “anh ơi”, “anh à” mà ta thấy ở đó bao nhiêu những thiết tha, bao nhiêu những nồng nàn, say đắm... lời tâm sự thủ thỉ với nhân vật trữ tình. Bao nhiêu những lời yêu thương thừa nào không thể bằng tất cả những biểu hiện của thực tế hiện tại, lời yêu xưa chỉ là lời đường mật, những đợi chờ, nhớ mong, những trải nghiệm cuộc sống như tấm kia nên kén, như củi đã bén lửa, những điều vợ chồng trải qua cùng nhau mới là tất cả. Đó mới là tình yêu, đó mới là hạnh phúc thực sự.

Cuộc sống vợ chồng cũng có lúc này sinh xích mích, giận nhau âu cũng là chuyện bình thường nhưng cũng phải *chín bỏ làm mười* mới mong giữ được hạnh phúc bền lâu. Thế nên chị lại gọi chồng hai tiếng “mình ơi” ngọt ngào

Hãy xích lại *mình ơi*

Giận chi mà giận mãi!

(Giận chi mà giận mãi)

Còn các trợ từ tình thái lại đi vào thơ chị mang theo sự chăm sóc, sự quan tâm của thi sĩ đối với người mình yêu. *Có lúc em muốn thành đứa bé cho anh vuốt má xoa đầu/ Ngày hè, nấu cho anh một bát canh rau/ Ngày đông, pha cho anh một tách cà phê sữa*. Nó như là một lời dặn dò, nhắc nhở. Nó là tâm tư, tình cảm rất chân thành của người phụ nữ tinh tế, giàu cảm xúc.

Nơi nào

Dù lắm thú vui

Đừng quên, anh *nhé!*

Vợ anh

Lòng non

Dạ trẻ...

(Châm nổi nhớ)

Nó còn chứa đựng cả sự ngạc nhiên, ngạc nhiên bởi “chiến binh” trở về sau cuộc chiến tranh tình ái. Vẫn mái tóc ấy, con người ấy nhưng sao tàn tạ vô hồn đến thế này? Tiếng “Ôi” thốt lên như khẳng định sự thật bất biến.

Vậy là anh *đấy ư?*
 Nước da môi tóc bạc
 ... Vẫn là anh *đấy ư?*
 Hàm râu hàm cũng nhạt
 ... Anh đã về *đấy ư?*
 Dừng dưng và đói khát
 ... *Ôi* đúng thực anh *rồi*
 Đâu có gì đổi khác...

(Chiến binh)

Nó còn là khát vọng về tình yêu trọn vẹn. Lời thơ của chị như lời thầm thì bên tai người thương về ước mơ hạnh phúc bình thường giản dị, xong đó lại là một sự đấu tranh đòi quyền được yêu, được làm vợ, làm mẹ của người phụ nữ đa đoan này.

Em sẽ để cho anh:
 một đứa,
 rồi một đứa
 Và hai chúng mình bỗng bế chúng đi chơi...

(Chẳng thể là En-Xa)

Gái trai cũng thêm một đứa
 Cho anh bế bế bỗng bỗng
 (Thiên tình cuối)

Rồi thậm chí ta còn bắt gặp trong thơ Lam Luyến giọng ru mình, ru cho số phận *đa tình liên với đa đoan* của mình. Lời ru tâm tình ấy đầy xót xa, cay đắng bởi tình yêu và cuộc sống không được như mình mong muốn. Bằng lời ru của mình chị như được tiếp thêm niềm tin, tiếp thêm nghị lực để còn cảm thấy lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống hơn. Lời thủ thỉ nói với chính mình ấy đã có hiệu quả rất lớn.

Chẳng giam trong những tháp ngà
 Đợi ngày mọc cánh bay ra đất trời
 Người yêu, ta hẹn với người
 Chung lòng nhân hậu, chung lời dấm say
 (Hát ru)

3.3.2.2. Giọng trữ tình, sâu lắng.

Đây là giọng điệu bao trùm khá nhiều những bài thơ tình của lam Luyến, nó thiết tha, nồng nàn, say đắm, nó nồng nhiệt đến độ cuồng say. Nếu như ta bắt gặp ở thơ của Xuân Quỳnh sự sôi nổi, sự nồng nhiệt đến độ có lúc ước được “tan” thành “trăm con sóng” để ngàn năm vùng vẫy với biển tình mênh mông

Làm sao được tan ra
 Thành trăm con sóng nhỏ
 Giữa biển lớn tình yêu
 Để ngàn năm còn vỗ
 (Sóng – Xuân Quỳnh)

Gặp ở thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ là sự dịu dàng nhưng vẫn toát lên cái nồng nàn say đắm khi Mỹ Dạ bộc bạch khát khao được cùng người yêu chia sẻ những vần thơ tình yêu lãng mạn.

Những câu thơ hay nhất

Về hạnh phúc, tình yêu
 Lòng em vui nhả đọc
 Và ao ước một điều
 Ngồi bên anh không dấu
 Đọc những lời thơ yêu

(Những câu thơ)

Thì ở trong thơ của thi sĩ họ Đoàn chúng ta thấy cả sự nồng nhiệt, cuồng say và khát khao hạnh phúc đến tột cùng.

Ta trao cả cho anh
 Một tình yêu bỏng cháy
 Như một cánh buồm xinh
 Nghiêng mình ra biển rộng.

(Gửi tình yêu)

Với thủ pháp so sánh độc đáo và cách dùng tính từ *bỏng cháy* Lam Luyến đã diễn tả sâu sắc niềm khao khát dâng hiến hết mình cho tình yêu giống như cánh buồm kia được sinh ra là để nghiêng mình ra biển rộng.

Cũng bằng thủ pháp so sánh và điệp từ “yêu” được lặp lại liên tục trên dòng thơ Lam Luyến còn cho độc giả thấy cái sâu lắng của hồn thơ cháy rực tin yêu. Chưa thấy có ai định nghĩa về tình yêu, ví von về tình yêu đa dạng, đa chiều và độc đáo như chị so sánh. Tình yêu mà anh dành cho chị như tình yêu cho thiên nhiên đất trời, và tình yêu mà chị dành cho anh cũng chẳng kém gì... thế mà kết thúc thì thật buồn, đau đến tột cùng. Chị chỉ xin anh *Hãy trao nhau chính trái tim chân thật / Với con người và cuộc sống của ta thôi*.

Anh yêu em như yêu gió, yêu mây, yêu trời, yêu đất
 Như yêu ruộng, yêu đồng, yêu nhạc, yêu thơ

.....

Em cũng yêu anh như yêu sông, yêu bể
 Như ánh mặt trời, như thể vàng trăng
 Đôi ta yêu nhau trời đất chẳng sánh bằng!
 (Đừng hứa sẽ cho nhau)

3.3.2.3. *Giọng cay đắng, xót xa.*

Hạnh phúc và khổ đau là hai cung bậc trái ngược hoàn toàn , nhưng cả hai cung bậc ấy đều đắm mình trong hồn thơ Lam Luyến. Có khi là hạnh phúc vô biên bởi tưởng đó là bến bờ hạnh phúc, bởi nghĩ dù là duyên muộn vẫn còn hơn không, bởi *có duyên chồng vợ nói thêm tơ hồng* .Nhưng cũng có khi lại là sự cay đắng, xót xa khôn nguôi. Cay đắng bởi sự cô đơn đến tận cùng khi người bạn đời thay lòng đổi dạ

Chợt đến với anh
 Cô gái tóc dài, cặp mắt long lanh
 Cập tai anh những lời nhỏ nhẹ
 Và phút chốc anh quên người vợ trẻ
 (Châm nổi nhớ)

Người phụ nữ nào mà chẳng mong một tình yêu trọn vẹn? Người phụ nữ nào chẳng ước mơ về một gia đình hạnh phúc? Người phụ nữ nào chẳng muốn vị hôn phu của mình một lòng một dạ với mình? Đau đớn thay, tình yêu giờ đây bị san sẻ, không chỉ thế mà nó khiến anh – người chồng đa tình *quên người vợ trẻ*. Thậm chí có lúc anh ta còn lưu luyến cả những hình bóng đã là quá khứ khi nhà thơ chứng kiến anh nâng niu, trân trọng những kỷ niệm xưa cũ.

Ghé người ta ngồi đây
 Anh choàng để dành hơi

Bàn người ta viết đầy

Đêm đêm ử lấy hơi người.

(Chuyện về anh)

Đâu có phải ai cũng có được tình yêu êm êm, trọn vẹn. Lam Luyến khổ hơn khi chị gặp nhiều đau đớn, mất mát trong tình yêu ngay từ mối tình đầu. Trải qua bao thăng trầm, bể dâu con đường của Lam Luyến cũng chưa thấy bến đỗ bình yên, vẫn miệt mài trong nỗi đau, nỗi cô đơn bởi những bi kịch tình yêu đến với cuộc đời chị. Giọng thơ của Lam Luyến cũng bởi thế mà xót xa, cay đắng. Bao nhiêu tình yêu thương chị đều đã dệt thành chiếc áo tình yêu, ấy vậy mà

Người bỏ áo đi đâu

Lỡ một thì con gái

(Lỡ một thì con gái)

Bao nhiêu tình yêu *trao cả cho anh*, nhưng kết quả là chị nhận lại một *nỗi buồn đau tan nát*. Để rồi ngậm ngùi, xót xa.

Ta muốn ôm cả đất

Ta muốn ôm cả trời

Mà sao không yêu trọn

Trái tim một con người?

(Gửi tình yêu)

Bao lời yêu thương, bao hứa hẹn tất cả trở nên không có giá trị bởi *Ta sống giữa cuộc đời đâu phải giấc chiêm bao/ Mà chốc ẩn hay là chốc hiện*. Thực tế đầy những bất trắc, hạnh phúc là điều khó nắm giữ nên giọng thơ đầy xót xa, nghẹn ngào.

Tất cả những đặc điểm về thể thơ, ngôn ngữ và giọng điệu như chúng tôi đề cập ở trên đã làm nên một thế giới nghệ thuật đặc sắc trong thơ Đoàn Thị Lam Luyến. Đó là một thế giới có những nét riêng biệt, độc đáo, đầy màu sắc, không lẫn với một giọng thơ nào khác, gây được ấn tượng trong lòng người đọc. Nghiên cứu những đặc điểm riêng đó của thơ Lam Luyến cũng là cách lựa chọn một hướng tiếp cận đối với các sáng tác của nhà thơ, góp phần khẳng định những đóng góp của tác giả trong quá trình hoàn thiện và sáng tạo không ngừng nghỉ của nền thơ hiện đại Việt Nam trên phương diện nghệ thuật.

KẾT LUẬN.

1. Thế giới nghệ thuật là khái niệm cơ bản của lý luận văn học. Đây là một khái niệm rộng bao gồm tất cả các yếu tố của quá trình sáng tạo nghệ thuật và kết quả hoạt động nghệ thuật của nhà văn. Thế giới nghệ thuật là chỉnh thể nghệ thuật. Nằm trong chỉnh thể các yếu tố tạo thành không tách rời mà quan hệ biện chứng với nhau. Từ mối quan hệ đó đưa đến một hệ quả tất yếu là dù nghiên cứu bất kỳ một yếu tố nào trong khái niệm cũng cho phép ta hiểu sâu hơn các yếu tố khác.

Cái tôi trữ tình là sự thể hiện trực tiếp những xúc cảm và suy tư chủ quan của nhà thơ hoặc của nhân vật trữ tình trước các hiện thực cuộc sống. Giúp độc giả nhận thức về mối quan hệ giữa con người với con người, cũng như sự tồn tại của cá nhân trước cộng đồng. Cái tôi trữ tình có một cấu trúc mang tính nghệ thuật với vai trò tổ chức thế giới hình tượng thành một chỉnh thể thống nhất nhờ các phương tiện ngôn ngữ, khả năng xúc cảm toàn bộ thế giới thực thành thế giới tinh thần bền vững, thống nhất đầy sáng tạo mang những nét cá tính rất riêng. Tất cả nhằm đến một đích cuối cùng là giúp độc giả nhận ra những tư tưởng thẩm mỹ nhất định...

Thế giới nghệ thuật của cái tôi trữ tình là thế giới mang giá trị thẩm mỹ kết tinh từ cái nhìn nghệ thuật của nhà thơ và từ giá trị văn hóa truyền thống. Người nghệ sĩ dựng lên cho mình hình tượng cái tôi trữ tình để tìm đến Sự đồng vọng trong trái tim mọi người, tìm đến tiếng nói tri âm để khẳng định bản chất tinh thần và vượt qua giới hạn của thể xác tầm thường. Nhà thơ luôn cố gắng để tạo cho mình một thế giới giá trị thẩm mỹ để nhận thức về lẽ tồn tại “Ta là ai” trong cuộc đời. Trong thơ trữ tình, cái tôi bộc lộ thái độ trực tiếp trước hiện thực, nó vừa là chủ thể lại vừa là khách thể.

2. Khi chúng tôi viết những dòng này nhà thơ Đoàn Thị Lam Luyến đang ở độ tuổi 60 - độ tuổi đã có bề dày thời gian với những lắng sâu. Chiêm nghiệm, suy ngẫm về đời, về nghề. Trải qua chặng đường thơ hơn 20 năm, Đoàn Thị Lam Luyến đã tạo dựng được một phong cách thơ riêng biệt, đáng trân trọng.

Với đề tài nghiên cứu của mình, chúng tôi mong muốn góp một tiếng nói, một cách nhìn nhận, đánh giá để từ đó mở ra một hướng tiếp cận thế giới nghệ thuật thơ Lam Luyến. Qua đây chúng tôi hy vọng phác họa chân dung tinh thần của tác giả qua các sáng tác thơ. Luận văn tập trung tìm hiểu và khảo sát thơ Đoàn Thị Lam Luyến một cách toàn diện, có hệ thống cả về nội dung và hình thức nghệ thuật, nhằm khẳng định những đóng góp của tác giả trong tiến trình chung của nền thơ đương đại.

Lam Luyến viết từ khá sớm, viết nhiều và trong thơ chị bộc lộ một cái tôi trữ tình phong phú, đa dạng. Người đọc bắt gặp trong thơ Lam Luyến nét dân dã, giản dị, mộc mạc dễ hiểu mà lại rất sống động, sâu sắc. Đọc những tác phẩm của Lam Luyến chúng ta có thể hình dung được chị cảm nhận về cuộc sống ra sao, chị yêu và được yêu như thế nào? Mọi xúc cảm có ở trong thơ đều bắt nguồn từ những xúc cảm chân thực trong đời sống của chị. Có khi là hạnh phúc đến tột cùng, có khi là yêu đến da diết, yêu đến độ *Dại yêu*, đến độ mơ đến một *Thiên tình cuối*, nhưng cũng có khi là nỗi đau đớn, sự cô đơn trống trải, xót xa tủi hờn bởi người tình phụ bạc... Chị đã lắng kết, chất lọc tất cả những xúc cảm của mình để sau mỗi lầm lỡ, mỗi dang dở là nỗi khát khao mãnh liệt hơn để có được tình yêu tròn đầy. Bởi thế nên Lam Luyến đã tìm thấy sự đồng cảm từ phía người đọc. Chính điều đó đã làm nên cái Tôi của Lam Luyến. Chúng ta thấy rõ trong thơ Lam Luyến nổi lên ba cái Tôi lớn: Cái tôi bản khoăn day dứt trước hiện thực cuộc sống; Cái tôi - người tình đam mê, mãnh liệt và Cái tôi cô đơn khắc khoải.

Để làm nên bản sắc riêng, Lam Luyến chọn cho mình cách dùng ngôn ngữ lời nói thường để bộc bạch và trải lòng mình, để tâm sự, kể lể và thậm chí là những lời nói có phần cay chua như Thị Mầu. Tiếng thơ của Lam Luyến vừa mềm mại, vừa nóng bỏng, dữ dội là bởi thế. Đặc biệt Lam Luyến có giọng thơ rất khác, không hề bị trộn lẫn, vừa tâm tình, thủ thi, vừa trữ tình sâu lắng, và không kém phần cay đắng xót xa.

Thế giới nghệ thuật thơ Lam Luyến đa dạng, nhiều chiều và đặc sắc, nó mang đến cho độc giả những trải nghiệm, những suy tư mới mẻ... Tất cả những điều đó đều xuất phát từ sự nhạy cảm và cái tâm của người cầm bút – Đoàn Thị Lam Luyến.

3. Tìm hiểu thế giới nghệ thuật thơ Đoàn Thị Lam Luyến, chúng tôi muốn qua đó thể hiện thái độ trân trọng của mình đối với sáng tạo nghệ thuật độc đáo của chị, đồng thời cũng hi vọng góp thêm một tiếng nói khẳng định vị trí của Lam Luyến trên thi đàn. Cùng với các nhà thơ nữ thuộc các thế hệ trước và sau mình, Đoàn Thị Lam Luyến đã đem đến cho nền thơ Việt Nam hiện đại một vẻ đẹp riêng, thấm đậm chất nhân văn và tràn đầy nữ tính./

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Aristot đến Lưu Hiệp (1999), nxb Văn học
2. Lại Nguyên Ân (biên soạn, 2003), *150 thuật ngữ văn học*, Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Phạm Quốc Ca (2003) *Mấy vấn đề thơ Việt Nam 1975-2000 (chuyên luận)*, nxb Hội nhà văn
4. Nguyễn Phan Cảnh (2001) *Ngôn ngữ thơ*, nxb Văn hoá thông tin
5. Xuân Cang (1997) *Phác thảo chân dung một số nhà văn Việt Nam hiện đại bằng các quẻ Kinh dịch*.
6. Nguyễn Việt Chiến (2008) *Thơ Việt Nam 30 năm cách tân 1975-2005*, nxb Quân đội nhân dân
7. Nguyễn Văn Dân (2000) *Lý luận văn học so sánh*, nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
8. Phan Cự Đệ (chủ biên, 2004) *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, nxb Giáo dục.
9. Nguyễn Đăng Điệp (2002) *Giọng điệu thơ trữ tình*, nxb Văn học
10. Nguyễn Đăng Điệp (2006) *Thơ Việt Nam sau 1975 - từ cái nhìn toàn cảnh*, Nghiên cứu văn học (11)
11. Hà Minh Đức (1994) *Nhà văn nói về tác phẩm*, nxb Giáo dục
12. Hà Minh Đức (1997) *Một thời đại trong thi ca*, nxb Khoa học xã hội.
13. Hà Minh Đức (1998) *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, nxb Giáo dục.
14. Hà Minh Đức (chủ biên, 1999) *Lý luận văn học*, nxb Giáo dục.
15. Hà Minh Đức (1999) *Văn học Việt Nam hiện đại*, nxb Hà Nội.
16. Teskhov (1986) *Cá tính sáng tạo của nhà văn*, nxb Văn học.

17. Hồ Thế Hà (2003) *Khuynh hướng hiện đại trong thơ Lâm Thị Mỹ Dạ*, Tạp chí Văn học(3)
18. Ngân Hà (Tuyển chọn và biên soạn, 2006) *Thơ Xuân Quỳnh những lời bình*, nxb Văn hoá thông tin.
19. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Đồng chủ biên, 1997) *Từ điển thuật ngữ văn học*, nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
20. Đỗ Đức Hiểu (2000) *Thi pháp hiện đại*, nxb Hội nhà văn.
21. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên, 2003) *Từ điển thuật ngữ văn học (bộ mới)*, nxb Thế Giới, HN.
22. Lưu Hiệp (1997) *Tinh hoa lý luận cổ điển Trung Hoa*, nxb VHTT
23. Bùi Công Hùng (2000) *Sự cách tân thơ Việt Nam hiện đại*, nxb Văn hoá thông tin.
24. Bùi Công Hùng (2000) *Tiếp cận nghệ thuật thơ ca*, nxb Văn hoá thông tin.
25. Hoàng Hưng (1994) *Vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc và thơ hôm nay*, Sông Hương (11)
26. Yên Khương (2009) *Đoàn Thị Lam Luyến đặt tình yêu trong tương quan đất. Báo Tiền phong*
27. Mã Giang Lân, Hồ Thế Hà (1994) *Sức bền của thơ*, nxb Hội nhà văn
28. Mã Giang Lân (2001) *Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*, nxb Giáo Dục
29. Mã Giang Lân (2004) *Thơ hình thành và tiếp nhận*, nxb Đại học quốc gia HN.
30. Phong Lê, Vũ Văn Sỹ, Bích Thu, Lưu Khánh Thơ (2001) *Thơ Việt Nam hiện đại*, nxb Lao Động.
31. Phong Lê (2005) *Về văn học Việt Nam hiện đại nghĩ tiếp...*, nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

32. Thái Hoàng Ly, Hồ Quốc Nhạc(tuyển chọn, 2006) *210 bài thơ tình hay.....*, nxb Đồng Nai.
33. Đoàn Thị Lam Luyến (1985), *Mái nhà dưới bóng cây*, nxb Kim Đồng.
34. Đoàn Thị Lam Luyến (1989), *Lỡ một thì con gái* nxb Hội nhà văn.
35. Đoàn Thị Lam Luyến (1989), *Cánh cửa nhớ bà* , nxb Kim Đồng.
36. Đoàn Thị Lam Luyến (1991), *Chồng chị chồng em*, nxb Hội nhà văn.
37. Đoàn Thị Lam Luyến (1995), *Châm khói* , nxb Hội nhà văn.
38. Đoàn Thị Lam Luyến (2000), *Dại yêu* , nxb Hội nhà văn.
39. Đoàn Thị Lam Luyến (2005), *Sao dẫn lối*, nxb Hội nhà văn.
40. Phương Lưu (chủ biên, 2002) *Lý luận văn học - tập1, Văn học – nhà văn - bạn đọc*, nxb Đại học sư phạm HN.
41. Lê Lưu Oanh (1998) *Thơ trữ tình Việt Năm 1975 - 1990* , nxb ĐH Sư phạm
42. Vũ Nho (2003) *Đoàn Thị Lam Luyến - Người yêu đến nát cuộc đời cho thơ*” báo Văn nghệ (số 5).
43. Phan Thị Thanh Nhàn (2008), *Lam Luyến càng yêu càng gặp tình hờ* , Vnexpress – ngày 26/11.
44. Lê Thị Mây (1996) *Nhen lại lửa lòng* , báo Văn nghệ (12)
45. Nguyễn Đăng Mạnh (2002) *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, nxb Giáo dục.
46. Nguyễn Đăng Mạnh (2002) *Lịch sử văn học Việt Nam - tập1* , nxb Đại học sư phạm.
47. Nguyễn Đăng Mạnh (2006) *Nhà văn Việt Nam hiện đại chân dung và phong cách*. Nxb Văn học.
48. Tôn Thảo Miên (1997) *Về khái niệm phong cách cá nhân của nhà văn*, Tạp chí Văn học (1).

49. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (2006) *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
50. Nhiều tác giả (1998) *Anh Thơ, Lâm Thị Mỹ Dạ, Vân Đài...*, nxb Văn nghệ Tp Hồ Chí Minh.
51. Ngô Văn Phú (1997) *Đoàn Thị Lam Luyến - người đàn bà yêu thơ không chịu bỏ cuộc*.
52. Chu Văn Sơn (2007) *Thơ, điệu hồn và cấu trúc*, nxb Giáo dục.
53. Trần Đình Sử (2001) *Những thế giới nghệ thuật thơ*, nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
54. Trần Đình Sử (2003) *Lý luận và phê bình văn học*, nxb Giáo dục.
55. Trần Đình Sử (2005) *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*, nxb Giáo dục.
56. Hoài Thanh, Hoài Chân (2008- tái bản) *Thi nhân Việt Nam*, nxb Văn học.
57. Bích Thu (1995) *Nhận diện thơ qua hệ thống thể tài*, tạp chí Văn học (9).
58. Lê Dục Tú (2001) *Những đóng góp của thơ nữ trong phong trào thơ mới*, Tạp chí Sông Hương (7) .
59. Lê Thị Lệ Thuỷ (2006) *Đặc điểm thơ Xuân Quỳnh* , luận văn thạc sỹ KH
60. *Từ điển văn học- tập I.* (1983), nxb KHXH.
61. *Từ điển văn học- tập II.* (1994), nxb KHXH.
62. *Từ điển Tiếng Việt* (1992), nxb Giáo dục.
63. Lê Trí Viễn (1997) *Đến với thơ hay*, nxb Giáo dục.
64. Phạm Thị Thuý Vinh (2008) *Đặc trưng nghệ thuật thơ Lâm Thị Mỹ Dạ*, luận văn thạc sỹ KH.
65. Vũ Kim Xuyên (tuyển chọn và biên soạn, 2000) *Thơ Xuân Quỳnh và những lời bình*, nxb Văn hoá thông tin.